

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,

Số/No: 433/2022/CV - SHS
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo thường niên năm 2021)
(Ref: Information disclosure
of Annual Report 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022
Hanoi, April 20th, 2022

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Ha Noi Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

1. Tên công ty/Organization name: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/Saigon-Hanoi Securities JSC.,

2. Mã chứng khoán/Securities Code: SHS

3. Mã thành viên/Member code: 069

4. Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội/1st -5th Floors, Unimex Hanoi Building, No. 41, Ngo Quyen road, Hoan Kiem district, Hanoi city.

5. Điện thoại/Telephone: 024.38.181888

Fax/Fax: 024.38.181688

6. Người thực hiện công bố thông tin/ Spokesman: Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/Vu Duc Tien – General Director and Legal Representative

7. Loại thông tin công bố/Information disclosure type: Định kỳ/Periodicity

8. Nội dung của thông tin công bố/Contents of information disclosure:

- Báo cáo thường niên năm 2021/Annual Report 2021.

9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố/The website's address of the disclosure::

<https://www.shs.com.vn/News/2022419/1011176/shs-cbtt-bao-cao-thuong-nien-2021.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear the full responsibility to the law.

Trân trọng/Best regards./.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- BC thường niên 2021/Annual Report 2021

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên /As stated above;
- Lưu VT, P.PC&QTRR/Kept at Archives and L&R management department.

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,



VŨ ĐỨC TIẾN
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Biến cơ hội thành giá trị

VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021





MỤC LỤC

1

GIỚI THIỆU CHUNG

- 6 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 8 Điểm nhấn hoạt động năm 2021
- 9 Thông tin chung
- 18 Các chỉ số cơ bản

2

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 22 Cơ cấu tổ chức
- 24 Nhân sự chủ chốt
- 29 Hội đồng quản trị
- 41 Ban Kiểm soát
- 46 Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro
- 53 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
- 55 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
- 57 Thông tin dành cho cổ đông

3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

- 74 Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán
- 92 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 97 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

4

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

- 116 Nhận định tổng quan năm 2022
- 121 Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 126 Mục tiêu phát triển bền vững
- 128 Báo cáo phát triển bền vững năm 2021
- 147 Kế hoạch hành động năm 2022

6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2021

- 150 Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán
- 196 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2021 được kiểm toán

01

GIỚI THIỆU CHUNG

- THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
- THÔNG TIN CHUNG
- CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“
Năm 2021, Công ty chính thức tăng vốn điều lệ thành công lên mức 3.252,7 tỷ đồng. Đây là một dấu mốc quan trọng thể hiện sự quyết tâm và cam kết của cả Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành Công ty trong tầm nhìn xây dựng SHS trở thành một Công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam.
”

Kính gửi Quý vị Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Tiếp đà thắng lợi của năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã chính thức đặt chân vào câu lạc bộ các doanh nghiệp có lợi nhuận nghìn tỷ từ giữa năm 2021, kết thúc năm với mức lợi nhuận trước thuế kỷ lục trong lịch sử hoạt động 14 năm của Công ty là 1.752,9 tỷ đồng, gấp 2,3 lần kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó. Tổng quy mô doanh thu toàn hệ thống cũng đạt mức tăng trưởng vượt trội, 2.895 tỷ đồng, đứng thứ 09 trong toàn ngành chứng khoán.

Cũng trong năm 2021, Công ty chính thức tăng vốn điều lệ thành công lên mức 3.252,7 tỷ đồng. Đây là một dấu mốc quan trọng thể hiện sự quyết tâm và cam kết của cả Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành Công ty trong tầm nhìn xây dựng SHS trở thành một Công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam.

Thị trường thực sự biết đến năng lực của SHS như một nhà tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư thông qua các thương vụ IB, M&A, thu xếp vốn có độ phức tạp và hàm lượng chất xám cao mà SHS đã tư vấn thành công, đem lại sự hài lòng cho các khách hàng tổ chức vốn yêu cầu cao và có khẩu vị rủi ro khắt khe.

Hoạt động Môi giới của Công ty trong năm 2021 cũng đạt được những thành công đáng ghi nhận cùng với sự bùng nổ cả về thanh khoản lẫn điểm số của thị trường chứng khoán trong năm. Tổng doanh thu của mảng này đạt 577,9 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 200% so với 2020 và gấp 1,5 lần kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Tuy nhiên, hạn chế về cơ chế môi giới cũng như về hệ thống phần mềm lõi chứng khoán làm giảm năng lực cạnh tranh của mảng này, hậu quả là thị phần của Công ty có giảm nhẹ đôi chút so với cùng kỳ 2020.

Một trong những hoạt động trọng yếu của Công ty trong năm 2021 là nâng cấp thành công hạ tầng hệ thống giao dịch chứng khoán bất chấp ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đối với từ nhân lực triển khai cho đến khâu vận chuyển hàng hóa phần cứng bị kéo dài thời gian do quy định phòng dịch và kiểm định từ đối tác nước ngoài. Đây sẽ là tiền đề quan trọng, là bàn đạp để Công ty triển khai quyết liệt hoạt động chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong năm 2022.

Mặc dù việc nâng cấp thành công giúp đảm bảo khả năng chịu tải, đáp ứng nhu cầu của hệ thống, tính tiện dụng và khác biệt vượt trội các phần mềm giao

dịch chứng khoán khác vẫn là dấu hỏi lớn, đòi hỏi Ban Điều hành cũng như mảng Công nghệ Thông tin của Công ty phải đặc biệt chú trọng tiếp tục phát triển những tính năng hiện đại, vượt trội, giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như theo dõi và đánh giá hiệu quả đầu tư của từng khách hàng chính xác, kịp thời, bám sát định hướng “lấy tăng trưởng giá trị tài sản ròng của khách hàng làm động lực”.

Sau hai năm tăng trưởng rực rỡ của thị trường chứng khoán, 2022 sẽ là một năm khó lường với nhiều thách thức và rủi ro từ ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 cũng như mức định giá chung của thị trường không còn nhiều hấp dẫn. Điều này đòi hỏi Công ty phải rất cẩn trọng trong công tác tìm kiếm, sàng lọc cũng như ra quyết định đầu tư của hoạt động tự doanh, vốn góp phần đem lại nhiều lợi nhuận trong hai năm vừa qua.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 của Công ty là nâng cao rõ rệt năng lực cạnh tranh của hoạt động Môi giới thông qua hệ thống giải pháp đồng bộ từ việc cải tiến hệ thống, phần mềm giao dịch, triển khai giao dịch phái sinh, cho đến tái cơ cấu tổ chức, điều chỉnh cơ chế thu nhập, tạo động lực cho nhân viên môi giới cũng như phát triển sản phẩm mới một cách bài bản, chuyên nghiệp, hay phối hợp chặt chẽ, tận dụng hệ thống cơ sở khách hàng của các đối tác chiến lược như tập đoàn T&T và SHB.

Thưa Quý vị, trên đây là một số điều chia sẻ của tôi với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Những nội dung chi tiết hơn Quý vị có thể tìm hiểu trong Báo cáo thường niên này. Hi vọng Quý vị đã hài lòng với những thông tin được cung cấp. Chúc Quý vị và gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và gặp nhiều may mắn trong cuộc sống, thành công rực rỡ trong hoạt động đầu tư!

Trân trọng cảm ơn!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch

Đỗ Quang Hiến



Điểm nhấn hoạt động năm 2021

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT MỨC

10.910,9 TỶ ĐỒNG

TĂNG 57,5% SO VỚI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM 2020

ĐỨNG THỨ

6

TẠI SÀN HNX VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (TỶ LỆ 4,49%)

LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ ĐẠT MỨC KỶ LỤC

1.396,3 TỶ ĐỒNG

TĂNG 1,9 LẦN SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC, TOP 5 NGÀNH CHỨNG KHOÁN

3
TOP

THÀNH VIÊN CÓ THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ LỚN NHẤT TẠI SÀN HNX (NHÓM TRÊN 10% THỊ PHẦN).

EPS

5.795 ĐỒNG/CỔ PHIẾU

TOP 5 NGÀNH CHỨNG KHOÁN



THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU CỦA SGĐCK HÀ NỘI, SGĐCK TP. HỒ CHÍ MINH, TTLKCKVN

TỔNG DOANH THU TĂNG TRƯỞNG VƯỢT TRỘI, ĐẠT MỨC

2.899 TỶ ĐỒNG

ĐỨNG THỨ 9 TRONG NGÀNH CHỨNG KHOÁN

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH CÔNG LÊN

3.252,7 TỶ ĐỒNG

ROE ĐẠT

30,6%

THUỘC MỨC CAO SO VỚI 24,3% TRUNG BÌNH NGÀNH



CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẢI THIỆN VÀ CÓ NHIỀU ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG

Thông tin chung

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007
Giấy CN đăng ký doanh nghiệp:	Số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/11/2007
Mã cổ phiếu:	SHS
Mã thành viên:	069
Vốn điều lệ:	3.252,7 tỷ đồng (từ 27/10/2021)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	3.742,3 tỷ đồng
Địa chỉ:	Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	84-24-38 181 888
Fax:	84-24-38 181 688
Website:	http://www.shs.com.vn



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán Châu Á.



SỨ MỆNH

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; đóng góp, xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên; cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực, sáng tạo, chuyên nghiệp và sự hài lòng của khách hàng.



Lịch sử hình thành và phát triển



2007

Chính thức được thành lập, vốn điều lệ 350,0 tỷ đồng, địa chỉ Trụ sở chính tại số 162-164, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



2008

Thành viên SGDCK Tp. HCM và SGDCK Hà Nội.

Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại số 41, Pasteur, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.



2009

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&5, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán SHS từ ngày 25/06/2009.

Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại số 97 Lê Lợi, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng.



2010

Tăng vốn điều lệ lên 1.000,0 tỷ đồng.

Thành lập Chi nhánh Nghệ An.

Thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.



2011

Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến số 141-143 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đóng cửa Chi nhánh Nghệ An.

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.



2013

Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.



2014

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại Tầng 3, tòa nhà M5, số 91, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.



2015

Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.



2016

Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại số 129, Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.



2017

Mở rộng Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại Tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



2018

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.054,0 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần.



2019

Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng.



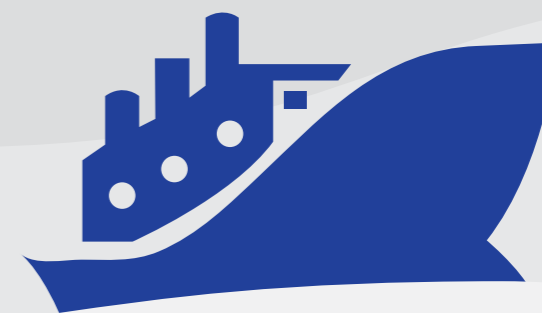
2020

Thành lập Văn phòng đại diện Hải Phòng tại Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.



2021

Tăng vốn điều lệ lên 3.252,7 tỷ đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu, chương trình lựa chọn cho người lao động và từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.





Các lĩnh vực hoạt động

01

Môi giới chứng khoán

SHS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán uy tín, tin cậy của hàng vạn khách hàng với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. SHS cung cấp dịch vụ môi giới cho các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, các kênh giao dịch đa dạng được SHS cung cấp như giao dịch trực tiếp tại sàn; đặt lệnh thông qua đội ngũ môi giới; thông qua hệ thống tổng đài có ghi âm; thông qua giao dịch trực tuyến SHPro, qua web, qua điện thoại di động giúp nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch nhanh chóng, thuận tiện. Các nghiệp vụ môi giới mua bán chứng khoán được SHS cung cấp như thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm

yết và chưa niêm yết. SHS cũng là nhà cung cấp các dịch vụ đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại SHS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Các dịch vụ tiện ích như đặt lệnh mua bán chứng khoán; mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán đến tài khoản ngân hàng và ngược lại; chuyển tiền giữa các tài khoản chứng khoán; đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ; đăng ký quyền mua cổ phiếu; quản lý tài khoản thường và tài khoản ký quỹ; chuyển tiền và chứng khoán giữa 2 loại tài khoản này; cung cấp thông tin bằng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của SHS.

02

Lưu ký và quản lý chứng khoán

Lưu ký và quản lý chứng khoán là dịch vụ không thể thiếu đối với công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới chứng khoán. Do đó, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.

SHS cũng là nhà cung cấp dịch vụ quản lý chứng khoán chuyên nghiệp cho nhiều tổ chức phát hành, góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như: theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...

03

Đầu tư chứng khoán

SHS sử dụng linh hoạt nguồn vốn và các hình thức đầu tư để thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán để gia tăng lợi nhuận, trên cơ sở tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật và không làm xung đột lợi ích với khách hàng. Danh mục đầu tư của SHS đa dạng, bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết thuộc nhiều quy mô, lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Danh mục đầu tư của SHS dựa trên cơ sở các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt và được đánh giá là có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho SHS.

04

Phân tích và Tư vấn đầu tư

Để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các báo cáo phân tích (như báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...) và dịch vụ tư vấn đầu tư thông qua nhiều kênh khác nhau như: bản tin sáng, báo cáo phân tích trên báo, đài, mạng Internet hay gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, tổ chức đi thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...

05

Tư vấn tài chính

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính như: tư vấn, đại lý phát hành cổ phiếu (riêng lẻ, ra công chúng), phát hành trái phiếu, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...). Ngoài ra, SHS cũng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu giá dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, tại SHS; đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Dịch vụ tư vấn tài chính được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm của SHS.

06

Bảo lãnh phát hành

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của SHS, trong đó SHS cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới nhiều hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...) cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu...

07

Dịch vụ tài chính

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư chứng khoán của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản bảo đảm cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của SHS... SHS đảm bảo cung cấp các dịch vụ tài chính với thủ tục và hồ sơ nhanh gọn, linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.





Chiến lược phát triển trung và dài hạn

CHIẾN LƯỢC CHUNG

Phát triển đồng đều các mảng hoạt động truyền thống của một công ty chứng khoán đa năng, trong đó lấy hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp làm nền tảng cốt lõi.



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Nằm trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

SHS hướng tới việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như: bảo lãnh phát hành, mua bán sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp. Qua đó, định vị SHS là một trong những nhà tư vấn tài chính và thu xếp vốn hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiếp tục duy trì danh mục đầu tư theo hướng gia tăng tỷ trọng đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt, có nền tảng vững chắc, có thể tham gia đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư theo xu hướng thị trường chung và cũng được tập trung quản lý rủi ro.

HOẠT ĐỘNG NGUỒN VỐN

SHS thực hiện nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty, làm cơ sở cho việc đa dạng hóa các kênh hợp tác, kinh doanh nguồn vốn, với mục tiêu phân tán rủi ro trên cơ sở tự chủ tài chính.



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo định hướng chiến lược của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại.

Mạng lưới và địa bàn hoạt động



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG:
SHS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:
Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, Số 15, đường Trần Phú, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 078 317 0939

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Fax: 84-24-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: http://www.shs.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91, Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-32696 666
Fax: 84-24-32919 999
Email: contact-thanglong@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-236-3525 777
Fax: 84-236-3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 129, Đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84-251-3819989

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà AS Số 236-238, Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 84-28-3945 1368
Fax: 84-28-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn





Giải thưởng đạt được

GIẢI THƯỞNG DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VINH DANH

- UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa các năm từ 2015 đến năm 2019.
Bằng khen đã có thành tích trong phong trào chuyên đề nộp ngân sách năm 2017.
Bằng khen đã có thành tích trong lĩnh vực nộp Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tp. Hà Nội năm 2018, năm 2019.
Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua “Tôn vinh doanh nhân, doanh nghiệp Thăng Long” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021.

- ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bằng khen đã tích cực vận động ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo Việt Nam” năm 2021.

- BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**
Nhà Tư vấn Cổ phần hóa và Thoái vốn DNNN tiêu biểu năm 2014-2015.
Nhà tư vấn IPO tiêu biểu năm 2016-2017.
Công ty chứng khoán uy tín năm 2015.
Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2017-2018, 2019.

- BỘ & SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI**
Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2019.
Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2020.

- SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Cờ thi đua dành cho đơn vị Xuất sắc trong Phong trào thi đua năm 2020.

- VIỆN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA**
Top 10 Dịch Vụ Chất Lượng Vàng năm 2020 - Giải thưởng dành cho Dịch vụ Môi giới Chứng khoán.

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
Giấy khen đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của UBCKNN giai đoạn 1996-2016, năm 2017.

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005-2015 và các năm từ năm 2015 đến năm 2021.
Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2016-2017.

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH & BÁO ĐẦU TƯ**
Công ty chứng khoán tiêu biểu các năm từ năm 2017 đến năm 2021.
Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất trao giải năm 2013, 2016, 2017.
Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 20 Báo cáo quản trị tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2018.
Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2019, 2020, 2021.

- TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**
Công ty chứng khoán tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2016, 2017.
Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán các năm từ năm 2018 đến năm 2020.

- CỤC THUẾ HÀ NỘI**
Người nộp thuế thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2017.



GIẢI THƯỞNG DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC VINH DANH

- HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM**
Top 50 thương hiệu nổi tiếng năm 2018.
Top 20 thương hiệu nổi tiếng trao giải năm 2020.

- HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Hà Nội vàng 2015.

- PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**
Top 100 doanh nghiệp đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt các năm từ 2016 đến năm 2018.
Công ty đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành chứng khoán Việt Nam năm 2018.

- HỘI KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN VIỆT NAM VÀ BÁO ĐIỆN ĐÀN DOANH NGHIỆP**
Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp (2017-2019) đạt chỉ số năng lực tài chính tốt nhất

- HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
Bằng khen đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động từ năm 2016 đến năm 2021.

- ASIA PACIFIC ENTERPRISE AWARDS (APEA)**
Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2021.

- CÔNG TY CỔ PHẦN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆT NAM (VIETNAM REPORT)**
Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả nhất năm và Số 1 nhóm ngành chứng khoán năm 2021
Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2021.



Các chỉ số cơ bản (KPIs)

CÁC CHỈ TIÊU BCĐKT

(Đơn vị: tỷ đồng)

	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng tài sản	4.134,5	4.869,0	6.072,7	6.929,7	10.910,9
Nợ phải trả	2.668,5	3.003,6	3.380,4	3.703,4	4.855,3
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.466,0	1.865,3	2.692,3	3.226,3	6.055,6
Vốn điều lệ	1.000,0	1.054,0	2.072,7	2.072,7	3.252,7
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	100.000.000	105.395.674	207.268.201	207.268.201	325.265.027

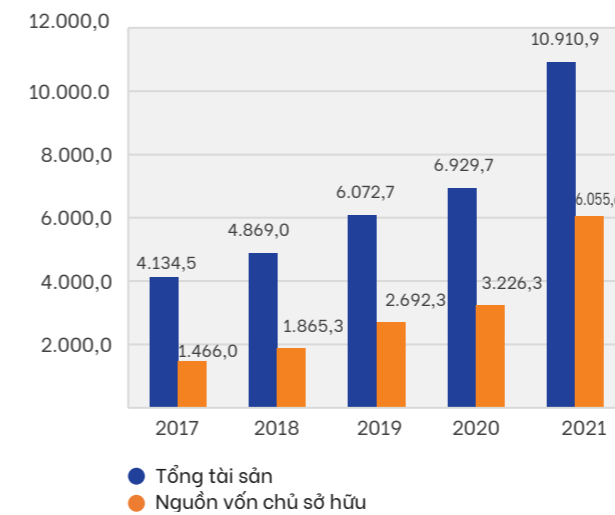
CÁC CHỈ TIÊU BCKQKD

	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.093,7	1.247,9	1.072,4	1.808,5	2.899,8
Tổng chi phí	643,0	837,2	760,4	869,6	1.146,9
Lợi nhuận kế toán trước thuế	450,7	410,7	312,0	938,9	1.752,9
Lợi nhuận kế toán sau thuế	369,6	358,1	254,6	754,3	1.396,3

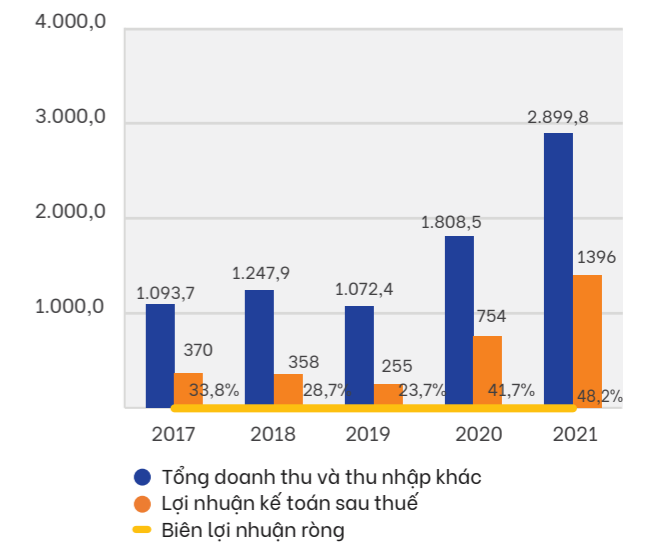
CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ KHÁC

	2017	2018	2019	2020	2021
Hệ số thanh toán nhanh	4,0%	66,0%	31,2%	18,2%	15,5%
Hệ số thanh toán hiện hành	192,3%	375,5%	177,5%	191,2%	257,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	28,7%	21,5%	11,2%	25,5%	30,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	9,9%	8,0%	4,7%	11,6%	15,7%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	294,2%	351,6%	338,4%	347,9%	386,6%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV) (đồng/cp)	14.659	17.698	12.990	15.563	18.617
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cp)	2.925	2.746	1.359	3.475	5.795
Hệ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu (P/E)	7,2	4,2	5,7	6,9	8,7
Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách (P/B)	1,4	0,7	0,6	1,6	2,7

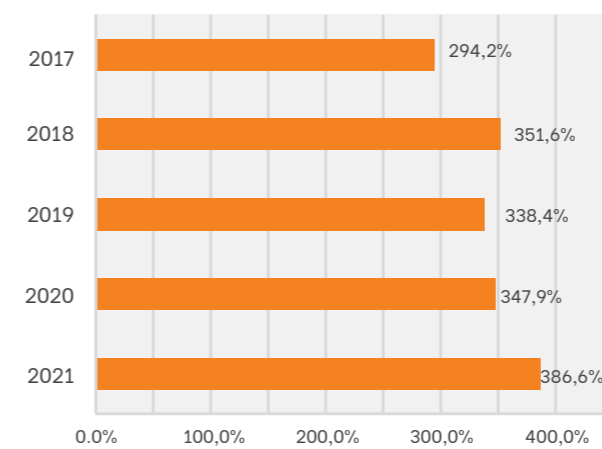
Tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



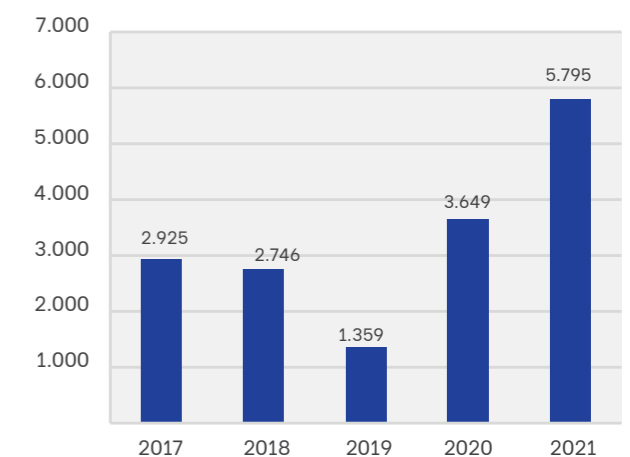
Doanh thu, lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận (tỷ đồng)



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2021



Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cp)

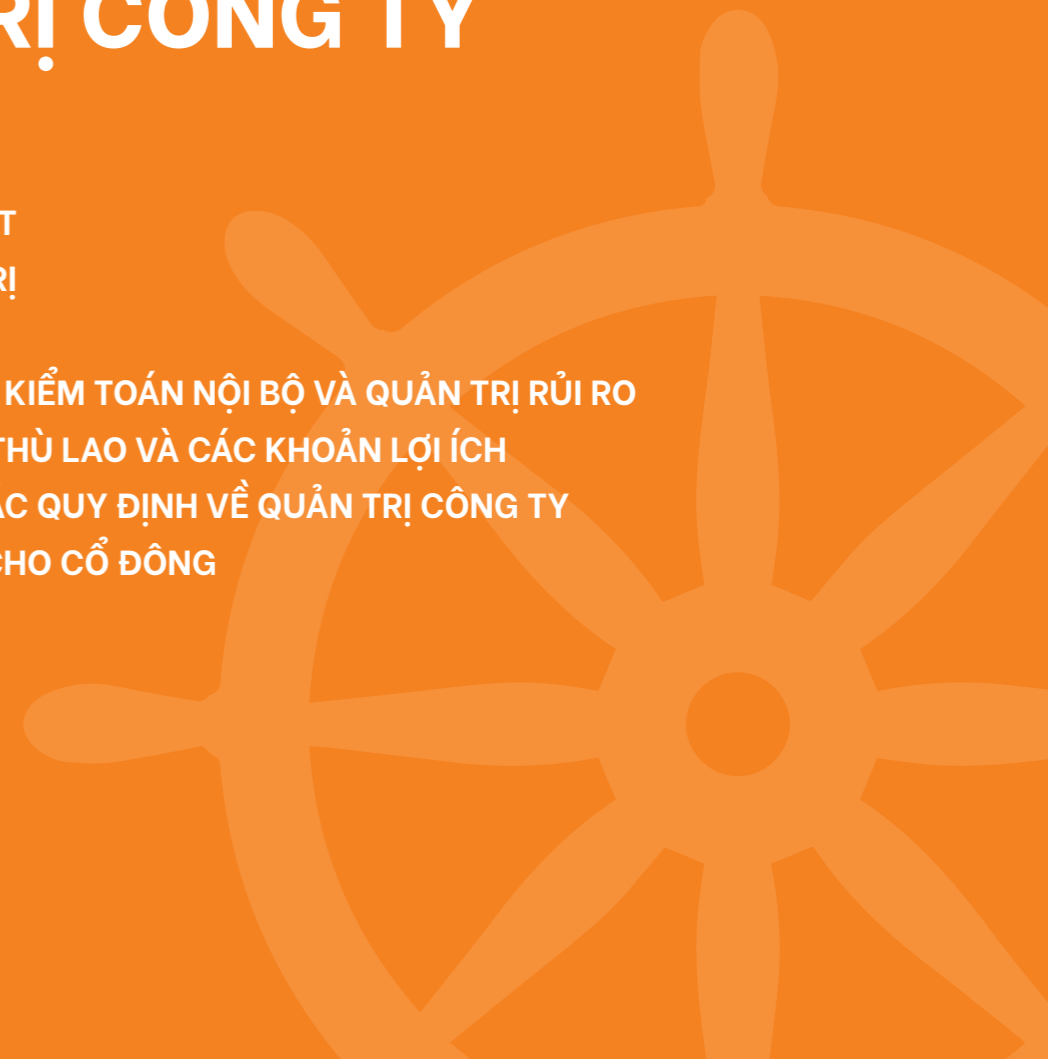




02

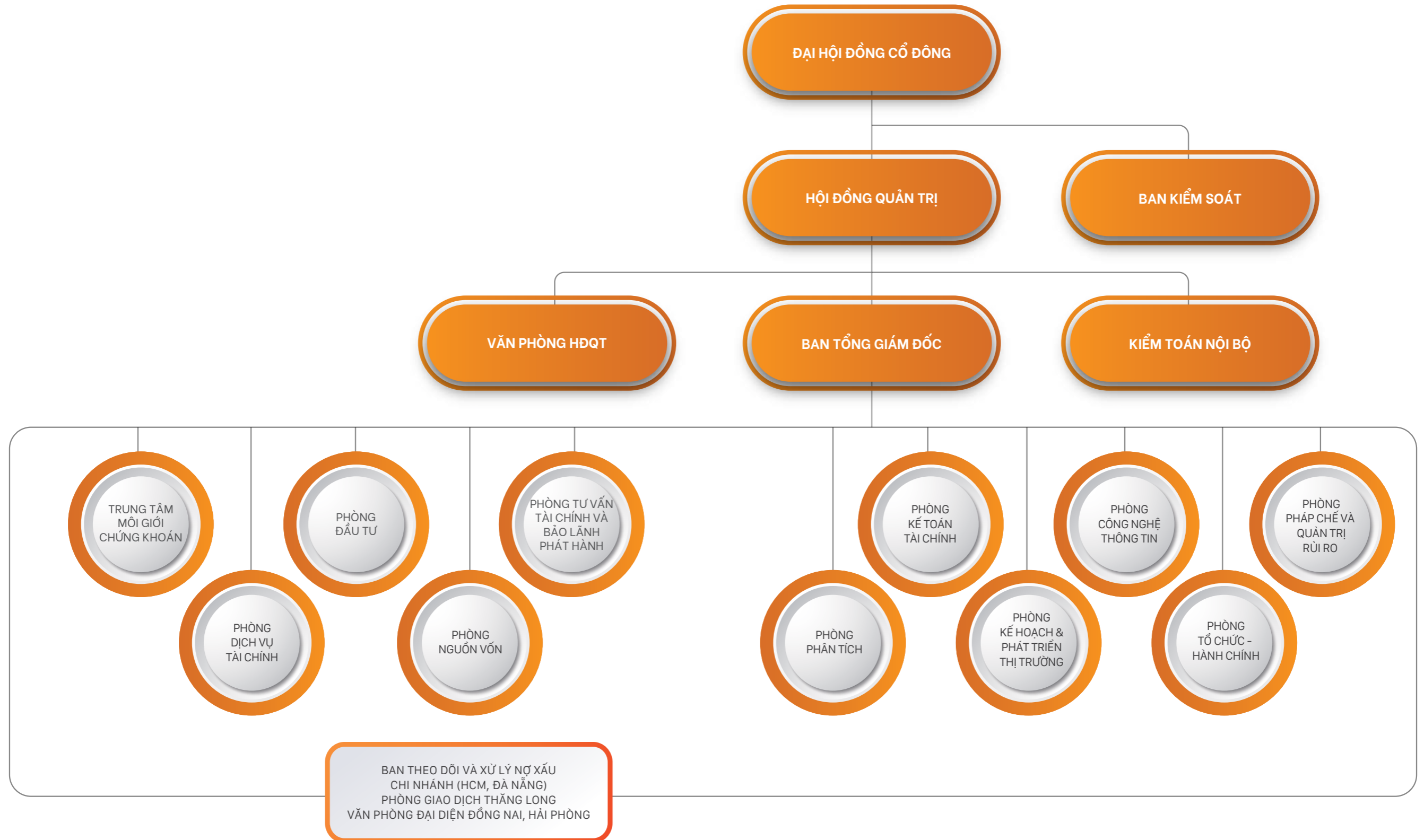
QUẢN TRỊ CÔNG TY

- CƠ CẤU TỔ CHỨC
- NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO
- LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
- VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG





Cơ cấu tổ chức





Nhân sự chủ chốt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ QUANG HIẾN

Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

03/12/2007, 06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 29/10/1962

Học vấn: Kỹ sư vật lý vô tuyến – Đại học Tổng hợp Hà Nội

Sở hữu: 1.769.794 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,54%)

Kinh nghiệm làm việc: 37 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Tập đoàn T&T

Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp SHB

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang

Tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hiệp hội các Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội

Ủy viên UBTTQVN



ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Thành viên HĐQT (TV HĐQT độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

22/03/2013 và 26/04/2017

Ngày sinh: 18/08/1974

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân

Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng

Sở hữu: 212.500 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,065%)

Kinh nghiệm làm việc: 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Thành viên HĐQT (TV HĐQT không độc lập và điều hành) kiêm Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT

01/11/2014, 01/11/2017, 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 02/09/1973

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính – UBCKNN cấp

Sở hữu: 8.021.994 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 2,47%)

Kinh nghiệm làm việc: 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM)

Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVH)

Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xanh đầu (PLA)

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội



ÔNG MAI XUÂN SƠN

Thành viên HĐQT (TV HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

24/01/2014 và 26/04/2017

Ngày sinh: 25/07/1974

Học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại Hà Nội

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Sở hữu: Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện: 18.337.371 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,64% vốn điều lệ

Trong đó:

Sở hữu cá nhân: 135.077 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,041% vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện cho cổ đông lớn – Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T: 18.202.294 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,60% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan: 18.202.294 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,60% vốn điều lệ

Kinh nghiệm làm việc: 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ – Công ty CP Tập đoàn T&T

Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty Rau quả – CTCP

Thành viên HĐQT – Công ty CP Điện cơ Thống Nhất

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Thành viên HĐQT – Công ty CP Dệt Kim HN

Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH T&T Hưng Yên
Tổng Giám đốc – Công ty TNHH T&T Motor



BÀ NGUYỄN DIỆU TRINH

Thành viên HĐQT (TV HĐQT độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

03/01/2020

Ngày sinh: 30/06/1979

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng – Trung tâm Đào tạo Quản lý Pháp Việt (CFVG)

Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế quốc dân

Sở hữu: 135.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,041%)

Kinh nghiệm làm việc: 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT – Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT – Công ty CP Dược và Trang thiết bị Y tế quân đội Armephaco

Thay đổi Thành viên HĐQT trong năm 2021:

Trong năm 2021, không có sự thay đổi thành viên HĐQT nào.



Nhân sự chủ chốt

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG
Trưởng Ban Kiểm soát
(TV BKS chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
15/01/2008, 06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 08/02/1968

Học vấn: Thạc sỹ và cử nhân tài chính kế toán – Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp

Sở hữu: 142.120 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,044%)

Kinh nghiệm làm việc: 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Không



ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG
Thành viên Ban Kiểm soát (TV BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 25/12/1980

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Edith Cowan - Úc

Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân

Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên – Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cấp

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ – UBCKNN cấp

Sở hữu: 1.110.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,34%)

Kinh nghiệm làm việc: 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, thương mại, sản xuất, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Thăng Long – CTCP
Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT Tổng công ty Rau quả, nông sản – Công ty cổ phần



BÀ LƯƠNG THỊ LỰU
Thành viên Ban Kiểm soát (TV BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
27/04/2015 và 26/04/2017

Ngày sinh: 09/11/1983

Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân

Cử nhân Kế toán tổng hợp và Kinh tế bảo hiểm – Đại học Kinh tế quốc dân

Sở hữu: 25.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%)

Kinh nghiệm làm việc: 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên BKS – Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai
Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tam Sơn

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021:

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT

01/11/2014, 01/11/2017 và 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc

Các thông tin khác (Vui lòng xem tại mục Hội đồng quản trị)

Kinh nghiệm làm việc: 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên BKS – Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai
Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tam Sơn



ÔNG TRẦN SỸ TIẾN
Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
16/04/2014, 16/04/2017 và 16/04/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc

20/09/2011 đối với chức danh Kế toán trưởng

Ngày sinh: 06/05/1973

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Cử nhân Tín dụng – Học viện Ngân hàng

Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính – UBCK cấp

Sở hữu: 445.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,137%)

Kinh nghiệm làm việc: 27 kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không



BÀ TRẦN THỊ THU THANH
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
01/08/2018, 01/08/2021 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 08/04/1975

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Sư phạm Ngoại ngữ

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ – UBCKNN cấp

Sở hữu: 445.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,137%)

Kinh nghiệm làm việc: 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết: Không



Nhân sự chủ chốt

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh, Trưởng VPDD Hải Phòng



BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI
Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
05/05/2014, 05/05/2017 và 05/05/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc

26/11/2019 đối với chức danh Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

18/09/2020 đối với chức danh Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng

Ngày sinh: 13/11/1980

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ)

Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ – UBCKNN cấp

Sở hữu: 445.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,137%)

Kinh nghiệm làm việc: 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự án, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Giám đốc Chi nhánh TPHCM – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Trưởng VP Đại diện của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại Hải Phòng

Tại công ty chưa niêm yết: Không

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:
09/08/2011

Ngày sinh: 29/03/1982

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Columbia Southern

Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Đà Nẵng
Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp

Sở hữu: 48.512 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%)

Kinh nghiệm làm việc: 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết: Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết: Không

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2021:

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

Hội đồng quản trị

► Thành viên HĐQT

TT	Họ tên	Chức vụ	Thành viên	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/kết thúc nhiệm kỳ
1.	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên	Độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên	Không độc lập Điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
5.	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	Độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 03/01/2020

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

► Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT thành lập các Tiểu ban trực thuộc, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên chịu trách nhiệm về các mảng công việc cụ thể, bao gồm:

STT	Tiểu ban	TV HĐQT phụ trách	Nội dung công việc
1.	Quản trị chung	Ông Đỗ Quang Hiển Chủ tịch HĐQT	Quản trị và giám sát hoạt động điều hành, tìm kiếm và giới thiệu các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh công ty, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và thông lệ quản trị.
2.	Chính sách phát triển		Xây dựng và hoạch định chiến lược dài hạn và ngắn hạn.
3.	Nhân sự và lương thưởng và Quản trị hệ thống	Ông Vũ Đức Tiến Thành viên HĐQT Bà Nguyễn Diệu Trinh Thành viên HĐQT	Xây dựng cơ chế lương thưởng, đãi ngộ theo quy chuẩn và thực tế hoạt động kinh doanh, giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai thực thi và đo lường hiệu quả.
4.	Quản trị rủi ro, Tài chính kế toán, Truyền thông, Thương hiệu	Ông Mai Xuân Sơn Thành viên HĐQT Bà Nguyễn Diệu Trinh Thành viên HĐQT	Rà soát hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thanh kiểm tra, thực hiện việc kiểm tra nội bộ thường xuyên và bất thường các hoạt động của công ty mà không gây xáo trộn hoạt động, lập báo cáo kiến nghị đề xuất với HĐQT, TGD giải pháp xử lý nếu cần thiết.
5.	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ, Công nghệ	Ông Lê Đăng Khoa Thành viên HĐQT độc lập	

Các thành viên phụ trách các tiểu ban thuộc HĐQT được phân công, cập nhật thông tin, diễn biến tình hình công ty trên cơ sở hồ sơ, dữ liệu và các báo cáo của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Bộ phận Kiểm tra nội bộ và báo cáo về cho tất cả các Thành viên HĐQT được biết để cùng có biện pháp xử lý, định hướng và hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc tìm ra hướng giải quyết phù hợp, đặc biệt trong những thời điểm thị trường biến động lớn và nền kinh tế có nhiều chính sách tác động.

Định kỳ hàng tháng và quý, Khối QTRR gửi báo cáo hoạt động giao dịch, danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện trong tháng, quý cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR. Tiểu ban QTRR tổ chức họp để rà soát và phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

► Các cuộc họp của các tiểu ban thuộc HĐQT

TT	Tiểu ban	Số lượng	Nội dung họp	Kết quả họp
1.	Quản trị chung	06	Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt và triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc, xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với Ban Tổng Giám đốc.	Xây dựng và triển khai chiến lược cụ thể và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh, chủ động khai thác cơ hội, phát huy được lợi thế doanh nghiệp để giành vị thế cao trên thị trường, đạt hiệu quả kinh doanh, đạt và vượt kế hoạch đề ra; Kiểm soát, chỉ đạo và hỗ trợ Ban TGD trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động của SHS, ứng phó phù hợp với diễn biến bất thường và tác động bất ngờ, kéo dài và quy mô lớn của dịch bệnh Covid - 19.
2.	Chính sách phát triển	04	Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty, tập trung vào hoạt động môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành; trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và lợi thế từ chính sách kinh tế vĩ mô và xu hướng đi lên của thị trường chứng khoán.	
3.	Nhân sự, lương thưởng và Quản trị hệ thống	02	Rà soát chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người. Xem xét tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo ở một số vị trí để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.	Đảm bảo đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và phù hợp với định hướng phát triển của SHS; khai thác được lợi thế con người, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận do một cán bộ, nhân viên SHS tạo ra trung bình lớn hơn hoặc ngang với các công ty chứng khoán hàng đầu.
4.	Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	04	Xây dựng, điều chỉnh và triển khai định kỳ và bất thường kế hoạch quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS; Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ chính sách, khẩu vị, hạn mức rủi ro.	Định kỳ và bất thường kiểm tra, theo dõi và xử lý 5 loại rủi ro trọng yếu theo quy định của UBCKNN, đảm bảo toàn hệ thống hoạt động tuân thủ pháp luật, an toàn tài chính và hiệu quả bền vững.

5.	Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	08	Kiểm tra tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các báo cáo tài chính do Ban Tổng Giám đốc, đơn vị kiểm toán lập. Kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ để hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.	Đảm bảo các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các quy định pháp luật và công bố kịp thời, minh bạch. Đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty đều có quy định hướng dẫn đầy đủ, chi tiết, rõ ràng và khả thi.
----	---------------------------------------	----	--	---

► Đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2021, các tiểu ban thuộc HĐQT đã làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, định hướng, tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc nhưng không can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như hoạt động của từng phòng ban. Ban Tổng Giám đốc được chủ động phát huy vai trò điều hành và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty. Thông qua hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT, các vấn đề trọng yếu của Công ty phát sinh trong từng lĩnh vực được bàn bạc, trao đổi và thống nhất hướng giải quyết. Các tiểu ban thuộc HĐQT cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho HĐQT ban hành các quyết định quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Trong quá trình giám sát, quản trị, các Tiểu ban HĐQT nhận thấy tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, thay đổi cả lượng và chất của hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh thị trường chứng khoán có diễn biến

sôi động đi kèm với rủi ro gia tăng trong các hoạt động: đầu tư, quản trị nguồn vốn, tư vấn tài chính. Do vậy, việc nâng cao công tác giám sát, quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị nhất thiết phải được tăng cường. Các hoạt động kinh doanh mà HĐQT đặc biệt lưu ý là: tự doanh cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, việc huy động nguồn vốn, kinh doanh nguồn vốn, hoạt động tư vấn tài chính, cho khách hàng vay kinh doanh chứng khoán và hoạt động kinh doanh trái phiếu. Với các hoạt động này, nhiệm vụ xuyên suốt của các Tiểu ban trong năm 2021 và các năm sau là tăng cường họp, thảo luận, kiểm tra, rà soát tình hình tài chính, cách thức vận hành, phương thức quản trị hoạt động, thường xuyên cập nhật các biến động, báo cáo HĐQT để có phương án xử lý, giải pháp phù hợp, hạn chế thấp nhất các rủi ro đồng thời vẫn đảm bảo các hoạt động được chủ động, linh hoạt vận hành dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong khuôn khổ cho phép.

► Các bộ phận, cá nhân hỗ trợ HĐQT

Văn phòng HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc tổ chức ĐHĐCĐ, tổ chức công tác của HĐQT và BKS. Quản lý cổ đông và hỗ trợ cổ đông của Công ty thực hiện các quyền của mình. Soạn thảo và lưu trữ các văn bản liên quan đến ĐHĐCĐ và HĐQT.
Bộ phận Kiểm toán nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty. Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại và rủi ro của Công ty, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo hoạt động kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của HĐQT và Cơ quan quản lý Nhà nước.
Thư ký Công ty	Bà Doãn Thị Như Quỳnh - Phó Chánh Văn phòng HĐQT
Người phụ trách quan hệ cổ đông	Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
Người phụ trách quản trị Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Kinh nghiệm làm việc: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán. Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (Máy lẻ 312) Email: quynh.dtn@shs.com.vn

► Các cuộc họp của HĐQT





► Hoạt động của HĐQT năm 2021

Trong năm 2021, hoạt động của Công ty vận động theo dòng chảy của thị trường chứng khoán và biến động dịch bệnh Covid - 19. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục tập trung triển khai giám sát và định hướng phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của SHS, tăng cường quản trị rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán ảnh hưởng sâu sắc bởi tình hình dịch bệnh Covid - 19.

- HĐQT chỉ đạo và theo sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung của nghị quyết HĐQT và ĐHĐCĐ.
- HĐQT đã giám sát thực hiện việc hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn các Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo thường niên năm 2020, các văn bản về công bố thông tin thuộc thẩm quyền;
- Giám sát việc tổ chức họp ĐHĐCĐ phiên họp thường niên 2021 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo an toàn, phù hợp với hoạt động kinh doanh vào ngày 16/06/2021 tại Khách sạn Army - Hà Nội và thông qua kênh phát trực tuyến <http://dhcd.shs.com.vn>
- Phát triển hoạt động đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp và phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp để tăng lợi thế vốn, tăng lợi thế an toàn tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phát triển hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp/ thoái vốn/chào bán cổ phần/niêm yết cổ phiếu, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tự doanh.
- HĐQT tăng cường giám sát hoạt động tư vấn tài chính, dịch vụ tài chính, kiểm soát chi phí doanh nghiệp và chi phí quản lý, quản trị rủi ro, cơ cấu danh mục tồn kho và nợ xấu; Thành viên HĐQT phụ trách việc quản trị rủi ro và tài chính phải

tham gia họp định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý với Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát để cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, trao đổi về các vấn đề phát sinh và giải pháp thực hiện.

- HĐQT đã triển khai 15 cuộc họp chính thức và các cuộc họp khác giữa Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát để thảo luận và thông qua các vấn đề về định hướng chiến lược của Công ty, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT như: hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả, đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua; trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, mở rộng ngành nghề kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm, phát hành cổ phiếu, phát hành Trái phiếu, đầu tư Trái phiếu, cổ phiếu, phương án vay vốn, các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua và Phương án triển khai thực hiện cụ thể sau đó.
- Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao, các vấn đề lương thưởng, cơ cấu nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Công ty chú trọng việc giữ vững thị phần môi giới trong Top đầu trên cả hai sàn chứng khoán HOSE và HNX, phát triển các sản phẩm môi giới đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Cùng với đó, tiếp tục mở rộng các hoạt động khác, vươn lên mạnh mẽ song song với việc đảm bảo an toàn nguồn vốn của nhà đầu tư và Công ty. Ban hành 03 Nghị quyết, ký phê duyệt gần 100 văn bản gồm Quy chế, Biên bản, Nghị quyết, Quyết định, Tờ trình liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiệm vụ.

Tình hình tham gia các cuộc họp của thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian tham gia HĐQT trong năm 2021	Số buổi họp tham dự/ UQ tham dự
1	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	01/01/2021-31/12/2021	15/15
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	01/01/2021-31/12/2021	15/15
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT kiêm TGD	01/01/2021-31/12/2021	15/15
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	01/01/2021-31/12/2021	15/15
5	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	01/01/2021-31/12/2021	15/15

► Các văn bản đã được HĐQT thông qua

Trong năm 2021, HĐQT đã thông qua 3 nghị quyết và 34 quyết định như sau:

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
I Nghị quyết			
1	01-2021/NQ-HĐQT	08/04/2021	Thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2021
2	02-2021/NQ-HĐQT	28/10/2021	Sửa đổi Điều lệ SHS
3	03-2021/NQ-HĐQT	08/12/2021	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2022
II Quyết định			
1	01-2021/QĐ-HĐQT	16/01/2021	Khen thưởng Tập thể Xuất sắc SHS năm 2021 (Bộ phận Tư vấn Đại lý và Bảo lãnh phát hành trái phiếu thuộc P.TVTC&BLPH)
2	02-2021/QĐ-HĐQT	16/01/2021	Khen thưởng Tập thể Xuất sắc SHS năm 2021 (Phòng Đầu tư)
3	03-2021/QĐ-HĐQT	16/01/2021	Khen thưởng Cá nhân xuất sắc SHS năm 2021
4	04-2021/QĐ-HĐQT	01/04/2021	SHS cung cấp dịch vụ tư vấn cho PVM
5	05-2021/QĐ-HĐQT	13/04/2021	Tổ chức ĐHĐCĐ 2021 SHS
6	06-2021/QĐ-HĐQT	13/04/2021	Thành lập BTC ĐHĐCĐ 2021
7	07-2021/QĐ-HĐQT	22/04/2021	Tiếp nhận và bổ nhiệm Chánh văn phòng HĐQT
8	08-2021/QĐ-HĐQT	03/06/2021	Vay theo hạn mức tại SHB Chi nhánh Hà Nội
9	09-2021/QĐ-HĐQT	14/06/2021	Thành lập BKT TCCĐ ĐHĐCĐ 2021 SHS
10	10-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Vay theo hạn mức tại Indovina bank năm 2021
11	11-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Triển khai Phương án Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ
12	12-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Phương án phân phối cổ phần trong chương trình lựa chọn cho người lao động SHS
13	13-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật
14	14-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán
15	15-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
16	16-2021/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ
17	17-2021/QĐ-HĐQT	29/6/2021	Phương án vay vốn hạn mức ABBank năm 2021
18	18-2021/QĐ-HĐQT	29/6/2021	Chi thù lao HĐQT, BKS năm tài chính 2021
19	19-2021/QĐ-HĐQT	19/07/2021	Phương án phân bổ quyền mua cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHS
20	20-2021/QĐ-HĐQT	21/07/2021	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
21	21-2021/QĐ-HĐQT	10/08/2021	Ngày ĐKCC thực hiện quyền nhận Cổ phiếu thưởng
22	22-2021/QĐ-HĐQT	10/08/2021	Chi cổ tức bằng tiền
23	23-2021/QĐ-HĐQT	10/08/2021	Ngày ĐKCC thực hiện quyền mua CP ESOP
24	24-2021/QĐ-HĐQT	10/08/2021	Thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu
25	25-2021/QĐ-HĐQT	30/08/2021	Vay vốn hạn mức TPBANK năm 2021
26	26-2021/QĐ-HĐQT	08/10/2021	Xử lý cổ phiếu còn dư của đợt PH CPT và PHT cho ĐHH
27	27-2021/QĐ-HĐQT	08/10/2021	Xử lý cổ phiếu còn dư của đợt PH ESOP
28	28-2021/QĐ-HĐQT	08/10/2021	Xin cấp hạn mức vay tại VPBank
29	29-2021/QĐ-HĐQT	23/11/2021	Vay hạn mức thấu chi
30	30-2021/QĐ-HĐQT	25/11/2021	Bổ sung tài sản đảm bảo vay vốn
31	31-2021/QĐ-HĐT	-	Không ban hành
32	32-2021/QĐ-HĐQT	09/12/2021	Thành lập ban Kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ bất thường năm 2022
33	33-2021/QĐ-HĐQT	09/12/2021	Thành lập BTC ĐHĐCĐ BT 2022
34	34-2021/QĐ-HĐQT	16/12/2021	Thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tín dụng tại SHB Hàng Trống

► Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong cơ cấu HĐQT năm 2021, Công ty có 2/5 số thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành. Các Thành viên HĐQT độc lập của SHS tham gia tích cực và chủ động vào hoạt động quản trị, giám sát, định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty, sử dụng nhiều kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực mình hiểu biết để tư vấn, kiến nghị, đề xuất cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT và trách nhiệm đối với Công ty, tuân thủ Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tuân thủ quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và các quy định nội bộ khác.

Thành viên HĐQT độc lập tại SHS tham dự đầy đủ các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT, thường xuyên gặp gỡ trực tiếp Chủ tịch HĐQT và các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Do đó, các chỉ đạo của HĐQT

luôn đảm bảo tính khách quan và kịp thời, bám sát các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và của Công ty.

Để thực thi nhiệm vụ quản trị và giám sát của mình, các Thành viên HĐQT độc lập phối hợp với Ban Kiểm soát và Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để kiểm tra, tra soát tính hợp lý, tuân thủ, quản trị rủi ro và phát triển bền vững, an toàn của các hoạt động kinh doanh của Công ty, thông qua các báo cáo, dữ liệu cung cấp của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm tra nội bộ định kỳ và bất thường theo chuyên đề hoặc theo từng nội dung. Tại nhiều thời điểm quan trọng, các Thành viên HĐQT độc lập đã có những kiến nghị, đề xuất đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh một số hoạt động của Công ty cho phù hợp.

Công ty không có sự phân biệt nào giữa thành viên HĐQT độc lập và các thành viên HĐQT khác. Các thành viên HĐQT độc lập đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, đã đóng góp tích cực vào việc ra các quyết định chung của HĐQT.

► Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2021, các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia:

Thư ký HĐQT — Hội thảo về Báo cáo phát triển bền vững, Báo cáo thường niên do UBCKNN và IFC tổ chức.
Hội thảo về Quản trị Doanh nghiệp do HNX và một số CTCK Thành viên tổ chức.
Hội thảo về Thư ký Công ty, Quản trị công ty.

Ban Tổng Giám đốc — Các buổi tọa đàm, hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK và TTLKCKVN về việc tiếp cận và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật mới về công bố thông tin, quản trị công ty, tổ chức hoạt động công ty chứng khoán...

Người Quản trị Công ty — Chương trình đào tạo tập huấn về Quản trị Công ty năm 2020 do Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán (SRTC) tổ chức và cấp chứng chỉ.
Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty Đẩy mạnh Quản trị Công ty trong Giai đoạn Bình thường Mới do Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) tổ chức phối hợp với UBCKNN tổ chức tháng 12/2021.

Diễn đàn Hội nghị Thành viên HNX về Quản trị Công ty do Sở GDCKHN phối hợp với UBCKNN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở GDCK TP Hồ Chí Minh, Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.

Chương trình Đào tạo tập huấn về Ủy ban Kiểm toán năm 2020 do Viện Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) phối hợp với UBCKNN tổ chức và cấp chứng chỉ.

Hội nghị trực tuyến “Quy định pháp lý về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng” Ngày 03/12/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – SRTC) tổ chức.

Trưởng Ban Kiểm soát — Chương trình Đào tạo Tập huấn về Quản trị Cấp cao Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần 7 – DCP7.



01

HDQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội (SHS) nhận định:

Năm 2021, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức từ đại dịch COVID -19 nhưng với sự quyết tâm của Chính phủ và người dân trong việc phòng, chống dịch, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng cao trên thế giới. Thị trường chứng khoán năm 2021 đã ghi nhận những con số kỷ lục mà ngay cả giới chuyên môn trước đó chưa hề nghĩ tới.

Bước sang năm 2022, với niềm tin kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhờ những chính sách mở cửa linh hoạt của Chính phủ, thị trường chứng khoán được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng tăng tốc, bền vững và là một kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn. Với tư cách một công ty chứng khoán thành viên và một doanh nghiệp niêm yết, SHS tiếp tục là một chủ thể tự tin, năng động, ấn tượng và chất lượng.

SHS tiếp tục phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả, năng lực tài chính vững mạnh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng và khác biệt, vì mục tiêu **“Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng”**. Năm 2022, SHS đặt trọng tâm tăng cường đẩy mạnh mảng dịch vụ liên quan đến môi giới, số lượng tài khoản chứng khoán mới và giá trị tài sản ròng của khách hàng đạt tăng trưởng cao hơn. Sau khi nâng cấp phần

mềm, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, SHS cũng dự kiến ra mắt sản phẩm phái sinh trong năm 2022.

Bên cạnh đó, mảng kinh doanh cần phát triển hơn trong năm 2022 là mảng dịch vụ. SHS đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất tại sàn HNX và HOSE. SHS dự kiến xây dựng Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 với mục tiêu doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng với tỷ lệ tối thiểu là 20%. Doanh số môi giới của SHS năm 2021 đạt 580 tỷ, năm 2022 dự kiến trình HDQT thông qua khoảng 1.100 - 1.200 tỷ đồng, số dư cho vay margin dự kiến gấp đôi năm 2021.

02

HDQT định hướng hoạt động của HDQT và hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

- HDQT nhiệm kỳ 2022-2027 sẽ đổi mới về tư duy, cách thức tổ chức, phương pháp quản trị để theo kịp với các thay đổi tích cực từ hành lang pháp lý, kinh tế vi mô và vĩ mô và thị trường chứng khoán.
- HDQT tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng toàn bộ chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.
- HDQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Tất cả các thành viên HDQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HDQT và các tiểu ban thuộc HDQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường cũng như các hoạt động của Công ty.
- Các tiểu ban thuộc HDQT chủ động, tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HDQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất các giải pháp và phương hướng xử lý kịp thời.
- HDQT giám sát, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ thông tin, áp dụng cơ chế lương mới, giám sát chặt chẽ rủi ro.
- HDQT hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để tăng quy mô vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.
- HDQT đã và sẽ tiếp tục hỗ trợ và tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc, Văn phòng HDQT và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HDQT, Ban Kiểm soát và các văn bản/quy định có liên quan của SHS để làm hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của SHS được triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật.
- HDQT đồng lòng cùng Ban Tổng Giám đốc SHS tìm kiếm và khai thác những giải pháp sáng tạo, đột phá trong hoạt động kinh doanh, bứt phá khỏi các hoạt động kinh doanh truyền thống, thị trường truyền thống, sản phẩm truyền thống, khách hàng truyền thống....
- HDQT tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp để giữ vững và gia tăng thị phần trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp liên quan đến kiểm soát chi phí hoạt động và chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS trong bối cảnh quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định mới sẽ có những tác động đến chi phí hoạt động, chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS và ảnh hưởng đến khả năng linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành của SHS.
- Hoàn thiện triển khai các giải pháp đối phó với những thách thức tiềm ẩn, đảm bảo hoạt động của Công ty linh hoạt, nhanh nhạy, nắm bắt được tốt cơ hội.
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp gia tăng lợi thế cạnh tranh của SHS thông qua đổi mới, phát triển chất lượng dịch vụ, tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ, duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh; đầu tư nghiên cứu áp dụng công nghệ AI vào hoạt động kinh doanh và quản trị công ty nếu thấy phù hợp.

03

Định hướng hoạt động của HĐQT:

- HĐQT ưu tiên mạnh mẽ hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp tăng trưởng dài hạn, có hoạt động kinh doanh tài chính lành mạnh, minh bạch.
- HĐQT sẽ thành lập Ban Nghiên cứu chiến lược phát triển với việc thuê đơn vị tư vấn nước ngoài để tái cấu trúc, cải tổ SHS, xây dựng tầm nhìn hoạt động của SHS trong 3 năm, 10 năm, 15 năm, tập trung vào 2 mục tiêu: Giai đoạn 1: Phát triển kinh doanh và Giai đoạn 2: Phát triển công nghệ.
- HĐQT ưu tiên đồng thời xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông.
- HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các Tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường và hoạt động của Công ty.
- Các Tiểu ban thuộc HĐQT chủ động tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất giải pháp và hướng xử lý kịp thời.
- HĐQT cam kết hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.

04

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính; đảm bảo SHS hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; duy trì danh mục tự doanh hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các Tập đoàn, Tổng công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng.
- Tiếp tục khai thác và phát triển lợi thế kinh doanh đối với các nhóm ngành, doanh nghiệp trong hệ sinh thái doanh nghiệp (Cổ đông lớn, Cổ đông chiến lược, Khách hàng chiến lược và dài hạn...) để mang lại hiệu quả cao nhất cho các đối tác.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu, tạo cơ hội lớn cho các hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành của SHS.
- Triển khai sử dụng hiệu quả nguồn vốn điều lệ mới với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn và vốn điều lệ dồi dào hơn; đồng thời để đáp ứng những yêu cầu mới về vốn kinh doanh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới.
- Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, các hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới khai thác phát triển sản phẩm trái phiếu.
- Đề cao tinh thần Chính trực - Đoàn kết - Trách nhiệm - Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao với xã hội và cộng đồng.



Ban kiểm soát

► Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Thành viên	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/kết thúc nhiệm kỳ
1.	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	Chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017

(Thông tin về các thành viên BKS vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

► Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2021

TT	Phiên họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự	Tỷ lệ
1.	Phiên họp Ngày 20/1/2021	Phân công công việc cho các thành viên BKS trong năm 2021. Phân công nghiên cứu xây dựng chỉnh sửa lại Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát cho phù hợp với các Quy định mới của Pháp luật.	3/3	100%
2.	Phiên họp thường kỳ quý I/2021 Ngày 18/2/2021	Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh Quý IV/2020 và tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. Lập báo cáo của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. Thống nhất Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021.	3/3	100%
3.	Phiên họp Ngày 13/5/2021	Họp thống nhất thông qua số liệu việc kiểm tra thẩm định kết quả kinh doanh Quý I/2021 trình HĐQT	3/3	100%
4.	Phiên họp thường kỳ quý II/2021 Ngày 05/6/2021	Đánh giá hoạt động của BKS Quý I/2021 và triển khai hoạt động Quý II/2021 Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ và năm 2021 trên cơ sở đó để xuất HĐQT phê duyệt.	3/3	100%

5.	Phiên họp thường kỳ quý III/2021 Ngày 09/7/2021	Đánh giá hoạt động của BKS trong 6 tháng đầu năm 2021 và triển khai kế hoạch hoạt động Quý III/2021. Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021. Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty, tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp của HĐQT.	3/3	100%
6.	Phiên họp thường kỳ quý IV/2021 Ngày 29/9/2021	Đánh giá hoạt động của BKS trong 9 tháng đầu năm 2021 và triển khai kế hoạch hoạt động Quý IV/2021. Thực hiện kiểm tra tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong Quý III/2021 và 9 tháng đầu năm thông qua việc kiểm tra trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo của kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT trong năm 2021, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của Công ty.	3/3	100%

► Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021, BKS đã triển khai các hoạt động sau:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, KTT đảm bảo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động.

BKS cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2021 của ĐHĐCĐ thường niên. Các vấn đề nêu ra trong Nghị quyết đã được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

BKS đã tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, công ty chứng khoán, nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan. Trong năm 2021, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

BKS đã tham gia một số cuộc họp định kỳ của HĐQT, kiểm tra kết quả các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT về các vấn đề quan trọng của Công ty cũng như các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của HĐQT.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp 15 lần thông qua hình thức tập trung và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 3 nghị quyết, 34 Quyết định liên quan đến vấn đề trọng yếu của Công ty như: Thông qua các Phương án phát hành trái phiếu, vay vốn, triển khai kế hoạch kinh doanh, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường, sửa Điều lệ Công ty, thông qua Thù lao HĐQT, BKS, phương án phân bổ quyền mua cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHS, Khen thưởng Tập thể Xuất sắc SHS năm 2021

Giám sát hoạt động Công ty

BKS đã thực hiện giám sát hoạt động Công ty thông qua việc kiểm tra định kỳ, trực tiếp tại Hội sở Công ty và các Chi nhánh hoặc kiểm tra gián tiếp thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Bộ phận kiểm soát nội bộ và Bộ phận kiểm toán nội bộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị điều hành của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các phòng ban của Công ty cũng như hiệu quả của hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
- Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC được kiểm toán

BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2021 đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. BKS thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2021 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BKS đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập để lựa chọn và đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2021, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Xây dựng và hoàn thiện Quy chế, Quy trình trong Công ty và các công tác khác của BKS

Ban Kiểm soát đã xây dựng hoàn thiện Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, góp ý xây dựng Quy chế Tài chính, Quy chế Kiểm toán nội bộ, Điều lệ Công ty.



► Đánh giá của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở kết quả hoạt động của BKS trong năm 2021, BKS đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và của BKS như sau:

Việc thực hiện quy định của pháp luật và chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ chế độ kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Việc điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định phù hợp, kịp thời, ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, quyết đoán và linh hoạt trong công tác điều hành, đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã thông qua.

Các cán bộ quản lý đã tận tâm, chuyên nghiệp, nỗ lực nhiều trong công tác quản lý cũng như hoàn thành tốt công việc được giao.

BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường, không tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Về kết quả hoạt động của Công ty

Trong năm 2021, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán và công bố thông tin.

Về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích cổ đông, tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.

Trong năm 2021, BKS đã duy trì tốt các quan hệ với cổ đông và không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

► Kế hoạch hoạt động năm 2022

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch làm việc trong năm 2022 như sau:

Nhiệm vụ chung:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản trị của HĐQT, Ban Điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản... của Công ty.
- Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và tập thể người lao động trong Công ty.
- Xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Kết hợp với Công ty tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực hoạt động để cùng giải quyết, tháo gỡ.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty.
- Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tham dự đầy đủ các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác Kiểm soát.
- BKS duy trì họp định kỳ hàng quý để sơ kết công tác của quý và đề ra phương hướng công tác quý tới của BKS.

Kế hoạch nhân sự:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Dự kiến phân công công việc
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng BKS	Phụ trách chung Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Đầu tư, nguồn vốn, Tài chính kế toán, Kiểm toán nội bộ, Pháp chế và QTRR
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Tư vấn tài chính & Bảo lãnh Phát hành, IT, Phòng kế hoạch thị trường, Phòng Tổ chức hành chính, Ban xử lý nợ
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Trung tâm Môi giới, Dịch vụ Tài chính.

Nhiệm vụ cụ thể năm 2022:

- Cùng với văn phòng HĐQT, Bộ phận Pháp chế rà soát lại toàn bộ hệ thống các văn bản Pháp luật để phù hợp các quy định mới của Nhà nước mới ban hành như xây dựng Quy chế Tài chính, Quy chế tiền lương...
- Tăng cường kiểm soát công ty thông qua việc xây dựng kiểm toán nội bộ vững mạnh.
- Kiểm tra Hội sở theo kế hoạch Quý, 6 tháng, năm.
- Kiểm tra 2 chi nhánh cùng với bộ phận Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ.





Kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ



► Kiểm soát nội bộ

Kiểm soát nội bộ bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm soát nội bộ.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ SHS bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, an toàn, hiệu quả.
- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng.
- Bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực của Công ty.
- Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý trong việc lập BCTC của Công ty.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Bộ phận Kiểm soát nội bộ SHS độc lập, chuyên trách thuộc Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro và trực thuộc Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Mục tiêu hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và quy định của Công ty đối với các bộ phận nghiệp vụ và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.

- Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Bảo quản, lưu giữ và tách biệt tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

Hoạt động kiểm soát nội bộ năm 2021

Đối với Hệ thống kiểm soát nội bộ: Năm 2021, Công ty tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm đánh giá, hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ; nâng cao năng lực kiểm soát của toàn hệ thống góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hoạt động kiểm soát được thiết lập tồn tại ở mọi bộ phận nghiệp vụ, ở mọi cấp độ và mọi hoạt động trong toàn Công ty. Tùy vào mục tiêu, từng quy trình, đặc điểm từng bộ phận

nghiệp vụ sẽ có các hoạt động kiểm soát riêng kiểm soát tuân thủ hay tự động, kiểm soát phòng ngừa hay phát hiện.

Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Bộ phận Kiểm soát nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm soát hàng năm được Tổng Giám đốc phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm soát thường xuyên và kế hoạch kiểm soát định kỳ.

- Trong năm 2021, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tập trung vào việc kiểm soát thường xuyên (hàng ngày, hàng tháng) đối với các hoạt động có rủi ro cao. Các hoạt động kiểm soát thường xuyên được chú trọng như: việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ quy trình, quy định nội bộ của Công ty của cán bộ, nhân viên; giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích chủ yếu trong các hoạt động như môi giới, đầu tư, cho vay; việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên như môi giới, giải chấp, phát vay, thu nợ, cài đặt hệ thống, nhận ủy quyền; việc tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nhân viên; việc tuân thủ các hạn mức huy động, cho vay, đầu tư, bảo lãnh phát hành; việc ký kết các hợp đồng như mở đóng tài khoản, hợp đồng về sản phẩm dịch vụ tài chính...; việc hoàn thiện văn bản, giấy tờ như hợp đồng, phiếu lệnh; việc lập và trình bày các báo cáo gửi ra bên ngoài...
- Đối với các hoạt động kiểm tra kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ chú trọng vào kiểm soát sự bất cập của hệ thống quy trình, quy định nội bộ; hoạt động và hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, chi nhánh; việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

- Thông qua hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã báo cáo kịp thời Ban Tổng Giám đốc về các hạn chế, bất cập trong quy trình, quy định nội bộ, các vấn đề tài chính và hoạt động của Công ty đồng thời phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh liên quan hoàn thiện, chỉnh sửa kịp thời các yếu điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã phối hợp với Bộ phận Pháp chế và các phòng ban nghiệp vụ đánh giá ảnh hưởng của các chính sách và quy định mới của Cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giúp Công ty chủ động tuân thủ và áp dụng các thay đổi mới này.

Kế hoạch kiểm soát nội bộ năm 2022

Đối với Hệ thống kiểm soát nội bộ: Tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống đảm bảo tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. rà soát, đánh giá toàn bộ hệ thống quy chế, quy trình tại các phòng nghiệp vụ, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nữa để phù hợp với sự phát triển về quy mô nhân sự, cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Thực hiện kế hoạch kiểm tra kiểm soát hàng năm đã được Tổng Giám đốc phê duyệt, tập trung đánh giá và kiểm soát tốt các rủi ro của Công ty góp phần ngăn ngừa, phát hiện kịp thời các sai sót, gian lận. Phối hợp chặt chẽ với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin, các phòng ban nghiệp vụ trong việc hoàn thiện nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới. Phối hợp chặt chẽ với Ban dự án phát triển sản phẩm, các phòng nghiệp vụ xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro đối với các sản phẩm mới.

► QUẢN TRỊ RỦI RO

Mô hình quản trị rủi ro



Tuyến thứ nhất (Các bộ phận tác nghiệp): chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản trị rủi ro, là các đơn vị trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát các rủi ro phát sinh trong quá trình tác nghiệp.



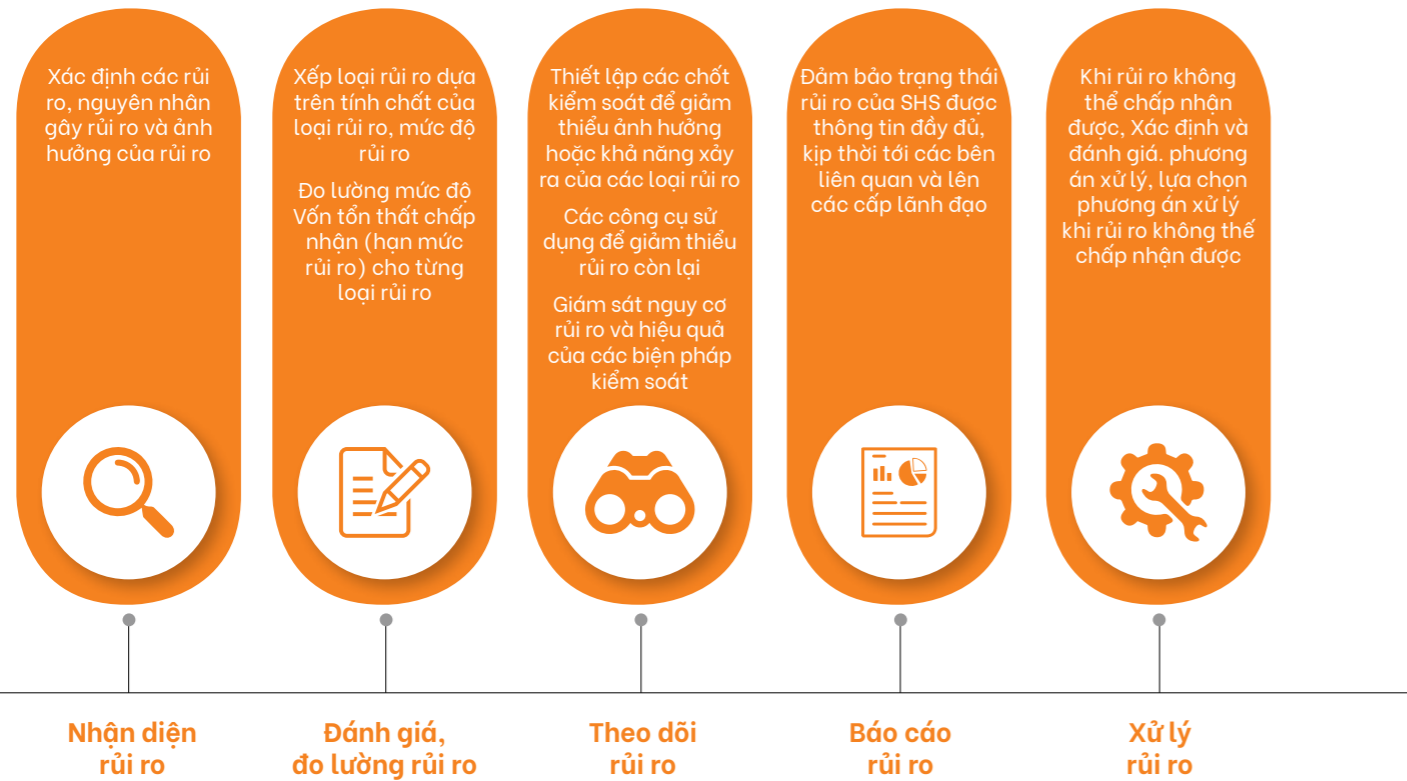
Tuyến thứ hai (Bộ phận quản trị rủi ro): thực hiện chức năng giám sát rủi ro của toàn Công ty, và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của tuyến thứ nhất, xây dựng quy trình, hướng dẫn đối với các loại rủi ro trọng yếu, xây dựng và phát triển các phương pháp đo lường rủi ro.



Tuyến thứ ba (Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc hội đồng quản trị): thực hiện chức năng đánh giá độc lập về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro của SHS.

Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro của SHS tham chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế với 5 bước thực hiện nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý hiệu quả các loại rủi ro.



Nhận diện các rủi ro trọng yếu của Công ty

SHS tập trung nhận diện và xử lý 6 loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.

01

Rủi ro pháp lý

Nhận diện: Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Phương pháp xác định: Rủi ro pháp lý được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát các quy định pháp lý hiện hành và mới ban hành với thực tế áp dụng tại Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, Hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với bộ phận Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.

02

Rủi ro hoạt động

Nhận diện: Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo chậm trễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Phương pháp xác định: Rủi ro hoạt động được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát quy trình, quy chế nội bộ và thực tế hoạt động của Công ty; trong quá trình Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thành lập Bộ phận Kiểm

soát nội bộ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

03

Rủi ro thị trường

Nhận diện: Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thị trường được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Đầu tư, Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện các rủi ro thị trường như:

Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết, Phòng Đầu tư được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm theo dõi sát sao

biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.

Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.

Đối với hoạt động cho vay, Phòng Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các công ty chứng khoán; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân quy định về bán giải chấp chứng khoán.



04

Rủi ro tín dụng

Nhận diện: Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Phương pháp xác định: Rủi ro tín dụng được xác định theo từng khách hàng, đối tác và khoản nợ trong quá trình các phòng ban nghiệp vụ như Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn... phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và Pháp chế theo dõi, quản lý và đánh giá khách hàng, đối tác, khoản nợ.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện rủi ro tín dụng như:

Đối với hoạt động cho vay, Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ kịp thời.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.

Đối với hoạt động gửi tiền, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.

05

Rủi ro thanh khoản

Nhận diện: Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thanh khoản được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Nguồn vốn, Kế toán tài chính.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhận rồi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

06

Rủi ro thương hiệu

Nhận diện: Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thương hiệu thường đi theo sau các rủi ro khác như rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Công ty xác định các rủi ro này bằng cách phân tích các ảnh hưởng, tác động của các rủi ro liên quan (nếu có) đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với cổ đông, khách hàng, đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo & công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

07

Các rủi ro khác

Bên cạnh 6 loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh... Cụ thể:

Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SHS. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty mỗi khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.

Đối với rủi ro chiến lược: SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó, hàng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

Đối với rủi ro cạnh tranh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát hiệu quả rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hàng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh...



Hoạt động quản trị rủi ro năm 2021

Năm 2021, Công ty đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả. Bộ phận quản trị rủi ro phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ nhận diện, phát hiện các rủi ro tiềm ẩn, đánh giá và xây dựng các phương án xử lý phù hợp cho từng loại rủi ro sau khi nhận diện. Tích cực ứng dụng công nghệ phần mềm trong công tác đo lường và theo dõi rủi ro.

Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2022

Bộ phận QTRR tăng cường giám sát quản lý rủi ro hoàn thành tốt nhiệm vụ về QTRR, tiếp tục nhận diện rủi ro, đề xuất biện pháp quản trị rủi ro theo danh mục đã được nhận diện. Bên cạnh đó, Bộ phận QTRR

cũng tổ chức thực hiện quản lý rủi ro theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là công nghệ eKYC, AI, Blockchain, với kế hoạch phải hoàn thành nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cũng như bổ sung các tính năng mới cho hệ thống trong năm 2022, Bộ phận Quản trị rủi ro đặt kế hoạch phối hợp hiệu quả với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin và các phòng ban liên quan trong Công ty để hoàn thành việc nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới của hệ thống; xây dựng các công cụ quản trị rủi ro tự động trên hệ thống; xây dựng các quy trình quản trị rủi ro cũng như phối hợp với các phòng xây dựng các quy trình nghiệp vụ đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.

► Kiểm toán nội bộ

Mô hình kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho HĐQT. Đây là tuyến phòng thủ thứ ba của Công ty có mục tiêu:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ của các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ.
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh.
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động.
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
- Thực hiện các chuyên đề kiểm toán nội bộ Công ty theo chỉ đạo của HĐQT.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục và xử lý sai sót vi phạm.

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2021

Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt hàng năm. Nội dung kiểm toán hàng năm theo chương trình kiểm toán đã được Bộ phận Kiểm toán nội bộ xây dựng định hướng theo rủi ro. Quy trình kiểm toán nội bộ gồm các bước như sau:

- Đánh giá rủi ro.
- Lập kế hoạch kiểm toán.
- Phê duyệt kế hoạch kiểm toán.
- Thông báo kế hoạch kiểm toán.
- Thực hiện các chuyên đề/cuộc kiểm toán.
- Báo cáo kiểm toán.
- Theo dõi các biện pháp khắc phục sau kiểm toán.

Trong năm 2021, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở Tờ trình được HĐQT phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm toán định kỳ và kế hoạch kiểm toán bất thường theo chuyên đề. Quá trình kiểm toán nội bộ năm 2021 đã phát hiện một số vấn đề trọng yếu liên quan đến các hoạt động như đầu tư, tín dụng và việc tuân thủ chế độ kế toán tài chính của Công ty. Tuy nhiên, sau khi có ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban liên quan đã thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện theo ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022

Bên cạnh việc tuân thủ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được HĐQT phê duyệt thì trọng tâm trong kế hoạch hoạt động năm 2022 của bộ phận là xem xét, đánh giá sự phù hợp của tổ chức bộ máy trong giai đoạn mới, hiệu quả hoạt động của hệ thống CNTT, các sản phẩm chính và các bộ phận nghiệp vụ nhằm tìm giải pháp hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động, lợi thế cạnh tranh của Công ty, đặc biệt là nâng cao năng lực hoạt động, tính ổn định và kiểm soát của hệ thống phần mềm, hướng tới mục tiêu phát triển an toàn, bền vững.



Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

► Lương, thưởng và thù lao

Nguyên tắc chi trả

Đối với Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

Nguyên tắc chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, BKS của Công ty như sau:

- Điều lệ Công ty quy định về nguyên tắc việc trích quỹ thù lao và việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty phê chuẩn Tờ trình số 05-2021/TTr-SHS của HĐQT về quỹ thù lao HĐQT, BKS năm tài chính 2021.

Theo đó, Quỹ thù lao dành cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2021 của Công ty là 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 4,6 tỷ đồng. Mức phân bổ chi tiết cho từng thành viên HĐQT, BKS sẽ do HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Đối với Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho các thành viên Ban TGD căn cứ theo kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với Cán bộ quản lý của Công ty

Các cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào kết quả kinh doanh và việc đánh giá hiệu quả làm việc trong năm.

Lương, thưởng và thù lao đã thực hiện trong năm 2021

Thu, chi Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

(Đối với 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS)

STT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1.	Số dư quỹ thù lao tại 01/01/2021	0
2.	Trích lập quỹ năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021	9.682.209.575
3.	Chi quỹ thù lao năm 2021 (*)	9.682.209.575
4.	Số dư quỹ thù lao đến 31/12/2021	0

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
I.	THÀNH VIÊN HĐQT			
1.	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	v	v
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	v	v
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	v	v
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	v	v
5.	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	v	v



Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
II. THÀNH VIÊN BKS				
1.	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	v	v
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên	v	v
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên	v	v

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc

(Đối với 5 thành viên Ban Tổng Giám đốc và bao gồm lương, thưởng kiêm nhiệm)

- Tổng chi: **18.434.896.781** đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Lương	Thưởng
1.	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	v	v
2.	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	v	v
3.	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	v	v
4.	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM Trưởng VPĐD Hải Phòng	v	v

Lương, thưởng của Cán bộ quản lý

(Đối với 30 cán bộ quản lý và bao gồm lương, thưởng kiêm nhiệm)

- Tổng chi: **34.975.659.861** đồng

Trong đó: - Chi lương: **17.877.132.263** đồng

- Chi thưởng theo kết quả kinh doanh: **17.098.527.597** đồng

► Các khoản lợi ích khác

Bên cạnh nhận thù lao, lương, thưởng, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty còn được hưởng các khoản lợi ích khác trong năm 2021 như sau:

- Chế độ ăn ca;
- Chế độ nghỉ phép;
- Chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN);
- Chế độ bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe hàng năm);
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ;
- Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí.

► Cơ sở pháp lý về quản trị công ty

Văn bản pháp luật

- Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Luật chứng khoán năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

Văn bản nội bộ của SHS

- Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngày 01/03/2022;
- Quy chế Quản trị Nội bộ có hiệu lực kể từ ngày 16/06/2021;
- Các quy chế, quy trình, quy định nội bộ khác;

► Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty năm 2021

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành được kế hoạch đặt ra như tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành nhằm tuân thủ các quy định có liên quan và nâng cao quản trị nội bộ của Công ty. Đặc biệt tập trung phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các văn bản pháp lý mới liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và công ty chứng khoán như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Quy định về quản trị công ty, Quy định về công bố thông tin...

Người quản trị Công ty thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, các nhân sự có liên quan tham gia các khoản đào tạo của Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD), UBCKNN và các Sở GD&ĐT, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường giám sát đảm bảo trách nhiệm báo cáo về các lợi ích của người nội bộ và người có liên quan; trách nhiệm báo cáo và công bố



thông tin về các giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng như việc phê chuẩn các giao dịch cần phải được thông qua bởi ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập là 2/5; phân công công việc cho các Thành viên phụ trách các Tiểu ban; mỗi thành viên HĐQT của Công ty không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 5 công ty khác.

Duy trì và phát huy vai trò của cơ cấu bộ máy được xây dựng hoàn chỉnh và có nền tảng, theo thông lệ quốc tế, bao gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, chi nhánh có liên quan. Hệ thống phòng ban được phân tách thành trực tiếp và vận hành, tại Trụ sở chính, tất cả các Chi nhánh và VPĐD.

Các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dân sự, Luật BHXH..., các văn bản luật và hướng dẫn thi hành. Công ty liên tục cập nhật, phổ biến áp dụng và triển khai các quy định pháp luật và quy định sửa đổi, bổ sung. Công ty cũng cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, phổ biến kiến thức về quản trị và hành nghề chứng khoán để cập nhật kiến thức và áp dụng vào thực tiễn hoạt động tại Công ty.

Công ty tuân thủ có chọn lọc các thông lệ của quản trị Công ty, các chuẩn mực lập báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững theo hướng dẫn của các tổ chức kinh tế thế giới và UBCKNN trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động

của Công ty để dần dần thích ứng với việc trở thành một định chế tài chính có tiềm lực, uy tín và chuyên nghiệp, đối tác của khách hàng và nhà đầu tư trong và ngoài nước.

► Kế hoạch thực hiện các quy định về quản trị công ty năm 2022

Với việc hoàn thành hệ thống Điều lệ, quy chế nội bộ Công ty theo pháp luật hiện hành, Công ty tiếp tục đặt trọng tâm trong kế hoạch hoạt động năm 2022 của SHS là tiếp tục hoàn thiện phổ biến, triển khai các quy định về quản trị điều hành trong các văn bản nêu trên phù hợp theo pháp luật đến từng đơn vị, phòng ban, cá nhân, đảm bảo việc triển khai mọi hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ, minh bạch, an toàn. Các mục tiêu, kế hoạch về quản trị công ty năm 2021 chưa hoàn thành được Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện. Tiếp tục theo sát và cập nhật những thay đổi của quy định pháp lý hiện hành; chỉnh sửa các văn bản nội bộ phù hợp với các quy định pháp lý mới nếu cần thiết; phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của thị trường cũng như các ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHS đồng thời quản trị tốt các rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Thông tin dành cho cổ đông

► THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu SHS

Mã cổ phiếu:

SHS

Sàn niêm yết:

HNX

Thông tin trong năm 2021

Giá thấp nhất:

14.620 đồng/cp

Giá cao nhất:

55.500 đồng/cp

Tổng khối lượng giao dịch năm:

1.914.029.600 cp

Tổng giá trị giao dịch năm:

59.756,6 tỷ đồng

EPS:

5.795 đồng/cp

P/B:

2,72

P/E:

8,73

Thông tin tại ngày 31/12/2021

Số lượng cổ phiếu phát hành: **325.265.027 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu phổ thông: **325.265.027 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: **325.265.027 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **325.265.027 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu niêm yết: **325.265.027 cổ phiếu**

Thay đổi vốn điều lệ trong năm 2021: **Tăng từ 2.072.682.010.000 VND tại 01/01/2021 lên 3.252.650.270.000 VND tại 31/12/2021**

Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không**

Giá thị trường: **50.600 đồng/cổ phiếu**

Giá trị vốn hóa thị trường: **16.458,4 tỷ đồng**

Giá trị sổ sách: **18.617 đồng/cổ phiếu**

Thông tin khác:

Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 17/05/2021
- Ngày tổ chức: 16/06/2021

Phát hành cho CBCNV 4.000.000

- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 31/08/2021 đến ngày 04/10/2021
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 14/10/2021

Chào bán cổ phiếu ra công chúng: Bán ưu đãi, tỷ lệ 2:1, giá 13.500 đ/cp

- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/08/2021
- Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: từ ngày 31/08/2021 đến ngày 28/09/2021
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 31/08/2021 đến ngày 04/10/2021
- Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: từ ngày 31/08/2021 đến ngày 04/10/2021

Trả cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 100:5; cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 12%:

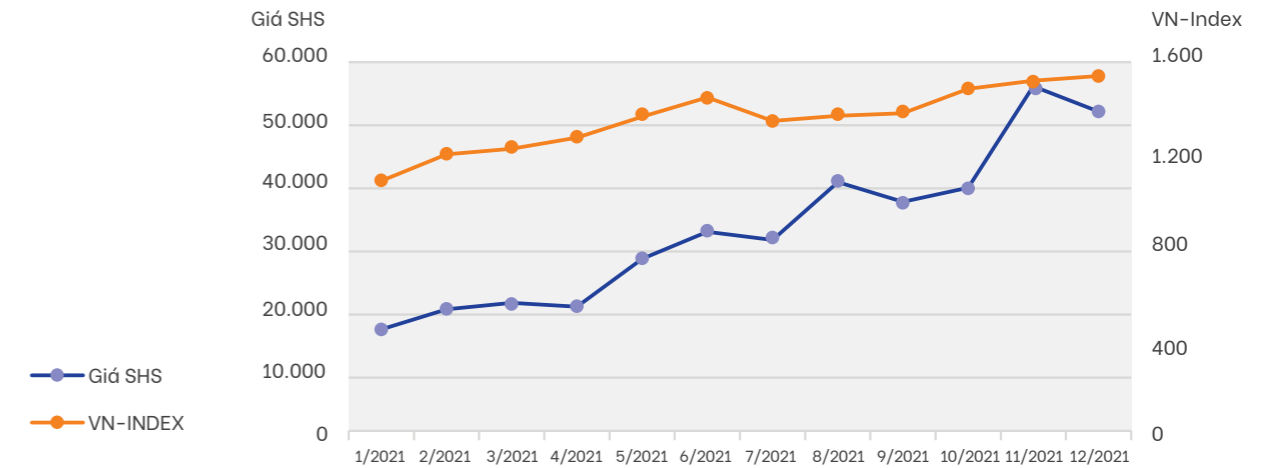
- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/08/2021
- Ngày thanh toán: 16/10/2021

► Biến động cổ phiếu SHS năm 2021

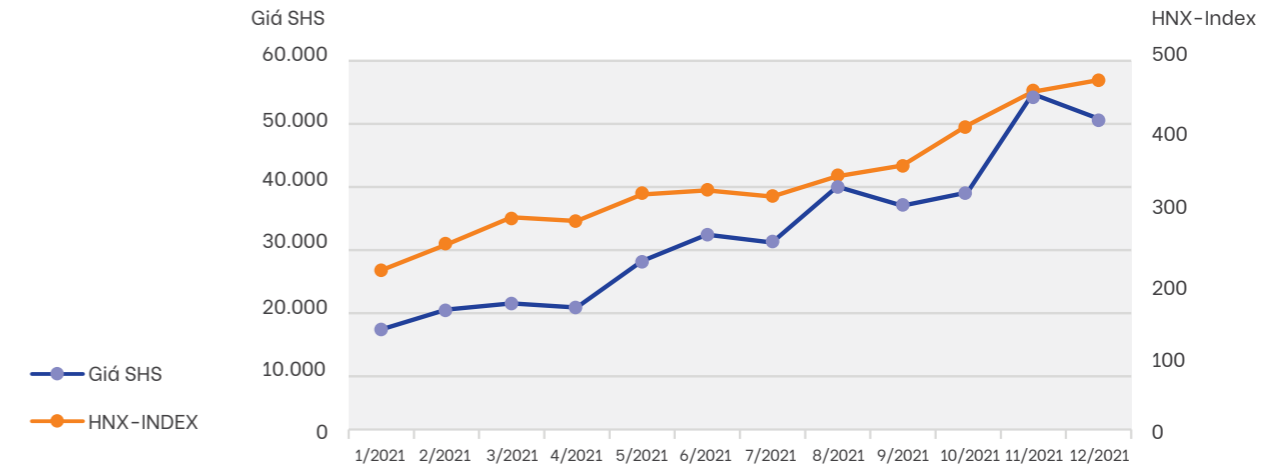
	VN-Index	HNX-Index	SHS
Giá đầu năm (đồng/cp)	1120,47	206,28	18.780
Giá cuối năm (đồng/cp)	1.498,28	473,99	50.600
Giá thấp nhất (đồng/cp)	1023,94	203,05	14.620
Giá cao nhất (đồng/cp)	1.500,81	473,99	55.500
Biến động giá cuối năm so với đầu năm	33,72%	129,78%	169,44%
Biến động giá cao nhất so với thấp nhất	46,57%	133,44%	279,62%
	VN-Index	HNX-Index	SHS
Khối lượng giao dịch đầu năm (cp/phiên)	709.645.120	103.501.704	3.811.500
Khối lượng giao dịch cuối năm (cp/phiên)	846.799.296	102.788.736	3.905.400
Khối lượng giao dịch thấp nhất (cp/phiên)	361.912.000	59.640.720	1.793.400
Khối lượng giao dịch cao nhất (cp/phiên)	1.493.240.576	1.701.732.352	23.707.500
Biến động khối lượng giao dịch cuối năm so với đầu năm	19,33%	-0,69%	2,46%
Biến động khối lượng giao dịch cao nhất so với thấp nhất	312,60%	2753,31%	1221,93%

So sánh biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS với các chỉ số VN-Index và HNX-Index trong năm 2021 cho thấy, giá cổ phiếu SHS tại thời điểm cuối năm so với đầu năm hay so sánh mức giá cao nhất của cổ phiếu SHS với mức giá thấp nhất đều có sự biến động vượt trội so với 2 chỉ số trên. Hơn nữa, mức giá cao nhất của cổ phiếu SHS trong năm cao gần gấp ba lần so với giá trị sổ sách của SHS. **Điều đó cho thấy mức độ hấp dẫn của cổ phiếu SHS đối với nhà đầu tư trong năm 2021.**

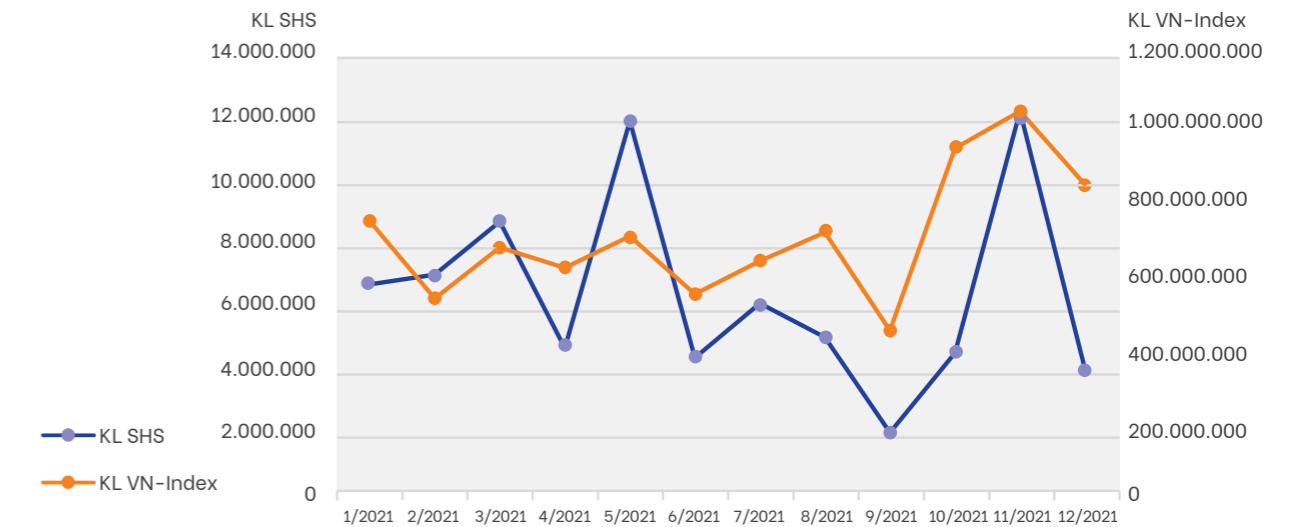
Biến động giá đóng cửa cổ phiếu SHS so với VN-Index từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



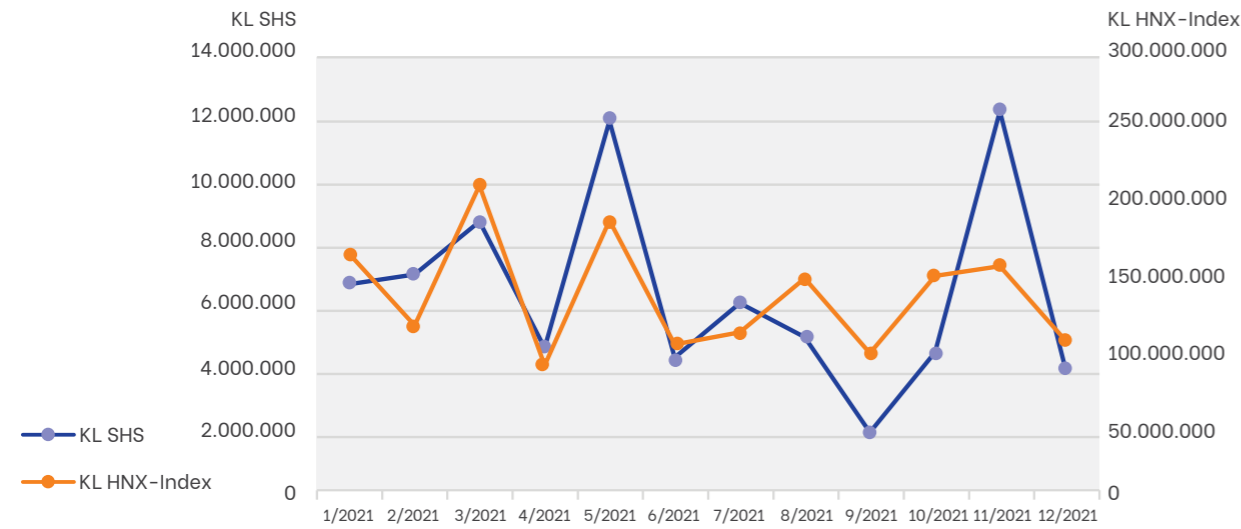
Biến động giá đóng cửa cổ phiếu SHS so với HNX-Index từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



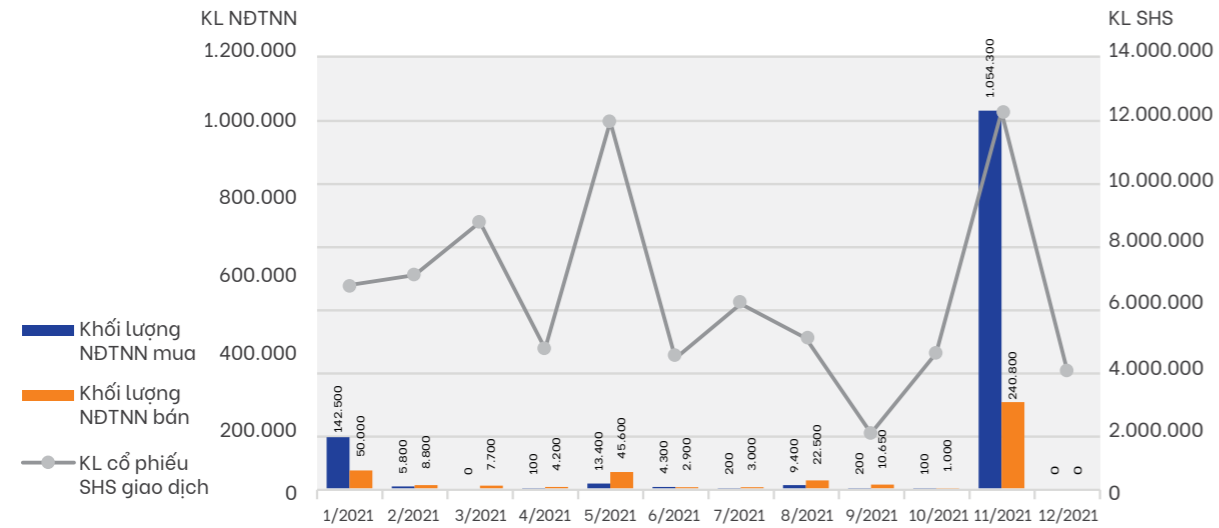
Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với VN-Index từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



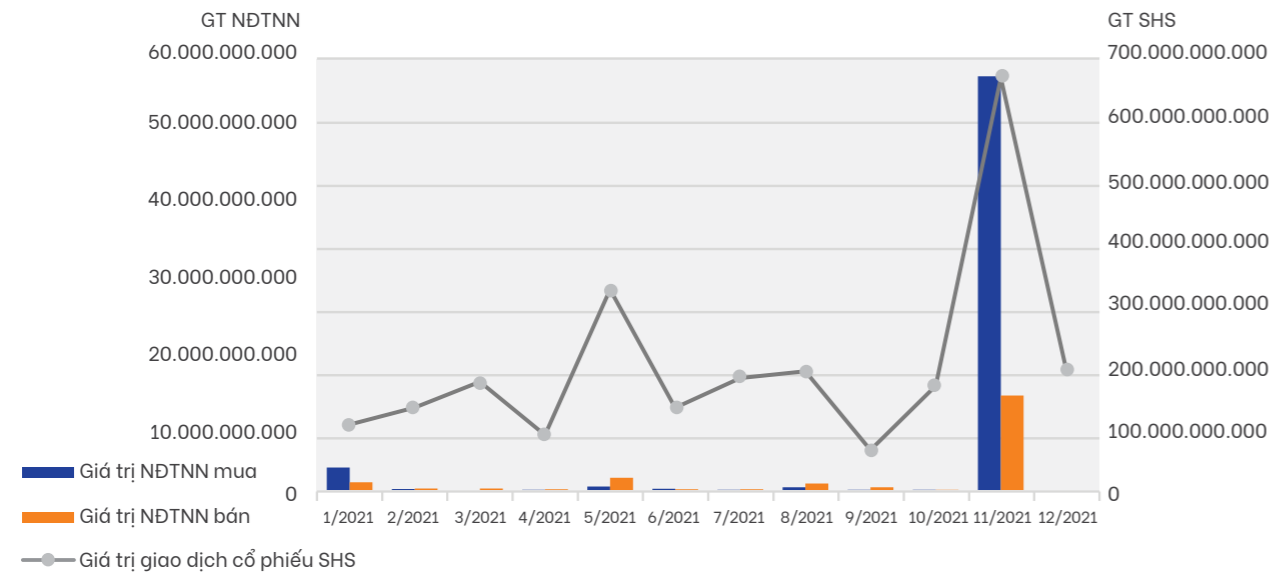
Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với HNX-Index từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



Biến động khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS và NĐTNN của cổ phiếu SHS từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



Biến động giá trị giao dịch của cổ phiếu SHS và NĐTNN của cổ phiếu SHS từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021



► Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng		32.712	325.265.027	3.252.650.270.000	100
I	Trong nước	32.558	298.792.072	2.987.920.720.000	91,85
1	Tổ chức	32.498	20.859.882	208.598.820.000	6,41
2	Cá nhân	60	277.902.190	2.779.021.900.000	85,44
II	Nước ngoài	154	26.502.955	265.029.550.000	8,15
3	Tổ chức	28	25.794.027	257.940.270.000	7,93
4	Cá nhân	126	708.928	7.089.280.000	0,22
5	Cổ đông lớn sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2	37.014.294	370.142.940.000	11,38
	- Trong nước	2	37.014.294	370.142.940.000	11,38
	- Nước ngoài	0	0	0	0,00
6	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	32.710	288.250.733	2.882.507.330.000	88,62
	- Trong nước	32.606	251.236.439	2.512.364.390.000	77,24
	- Nước ngoài	104	37.014.294	370.142.940.000	11,38
7	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00

► Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn của SHS tính đến 31/12/2021:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Nguyễn Duy Kiên	18.812.000	188.120.000.000	5.78
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	18.202.294	182.022.940.000	5.60

Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông lớn trong năm 2021:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số TKCK	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu đầu kỳ	SL CP sở hữu cuối kỳ
Nguyễn Duy Kiên	069C094312	001069004312; 13/08/2015; Hà Nội	108 Nguyễn Thái Học, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	5.981.900; 2,89%	18.812.000; 5,78%
Công ty CP Tập đoàn T&T	069C055555	0100233223; 31/12/2014; Hà Nội	Tòa nhà Artexport, 2A Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	11.743.41; 5,67%	18.202.294; 5,6%

► Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn

Trong năm 2021, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn (Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán).

► Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông nội bộ và tổ chức/người có liên quan

Thông tin giao dịch cổ phiếu SHS của Cổ đông nội bộ và Tổ chức/ người có liên quan nhằm giải quyết nhu cầu tiêu dùng cá nhân:

Tên cá nhân thực hiện giao dịch	Chức vụ tại SHS/ Mối quan hệ với Người nội bộ	Số lượng cổ phiếu SHS nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch	Loại giao dịch	Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch; Tỷ lệ/VĐL	Số lượng cổ phiếu giao dịch; tỷ lệ/VĐL	Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch	Ngày bắt đầu giao dịch	Ngày kết thúc giao dịch
Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	146.600 cp 0,07%	Bán CP SHS	146.600 cp 0,07%	146.600 cp 0,07%	0	29/03/2021	29/03/2021
Phạm Thị Thiêm	Mẹ của ông Trần Sỹ Tiến - Kế toán trưởng; Phó Tổng Giám đốc SHS	500.000 cp 0,24%	Bán CP SHS	500.000 cp 0,24%	500.000 cp 0,24%	0	10/05/2021	10/05/2021



Thông tin giao dịch cổ phiếu SHS của Cổ đông nội bộ và Tổ chức/ người có liên quan nhằm thực hiện quyền mua cổ phiếu trong các đợt phát hành:

Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch		Thông tin về người nội bộ			Số lượng CP nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua	Số lượng cổ phiếu đã đăng ký giao dịch và đã giao dịch			Giá trị giao dịch đã thực hiện	Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện
Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại SHS, mối quan hệ với SHS	Họ và tên người nội bộ	Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)		Nhận cổ phiếu PHT (5%)	Mua CP Phát hành thêm: (50%); giá 13.500 đ/cp	Mua CP ESOP (giá 12.000đ/cp)		
Đỗ Quang Hiển	CT HĐQT	Đỗ Quang Hiển	CT HĐQT	593.416 cp	593.416 cp	29.670 cp	696.708 cp	450.000 cp	14.805.558.000 đồng	1.769.794 cp
Đỗ Thị Thu Hà		Đỗ Quang Hiển	Chị gái của CTHĐQT	593.416 cp	33.000 cp	1.650 cp	0 cp	0 cp	0 đồng	34.650 cp
Công ty CP Tập đoàn T&T		Đỗ Quang Hiển	Cổ đông lớn, TCCLQ của CTHĐQT	593.416 cp	11.743.416 cp	587.170 cp	5.871.108 cp	0 cp	79.268.058.000 đồng	18.202.294 cp
Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	50.000 cp	50.000 cp	2.500 cp	85.000 cp	75.000 cp	2.047.500.000 đồng	212.500 cp
Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	50	50 cp	2 cp	60.025 cp	75.000 cp	1.710.337.500 đồng	135.077 cp
Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	4.644.250 cp	4.644.250 cp	232.212 cp	2.645.532 cp	500.000 cp	41.714.682.000 đồng	8.021.994 cp
Uông Văn Hạnh		Vũ Đức Tiến	NCLQ của ông Tiến – TGD	4.644.250 cp	61.295 cp	3.064 cp	30.647 cp	0 cp	413.734.500 đồng	95.006 cp
Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	0	0	0 cp	60.000 cp	75.000 cp	1.710.000.000 đồng	135.000 cp
Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	27.175 cp	27.175 cp	1.358 cp	13.587 cp	100.000 cp	1.383.424.500 đồng	142.120 cp
Phạm Anh Quân	CBNV SHS	Phạm Thị Bích Hồng	NCLQ của TBKS	27.175 cp	0	0 cp	0 cp	4.000 cp	48.000.000 đồng	4.000 cp
Lương Thị Lựu	TVBKS	Lương Thị Lựu	TV BKS	60	60	3	0cp	25.000 cp	300.000.000 đồng	25.063 cp
Vũ Đức Trung	TV BKS	Vũ Đức Trung	TV BKS	700.000 cp	700.000 cp	35.000 cp	350.000 cp	25.000 cp	5.025.000.000 đồng	1.110.000 cp
Trần Sỹ Tiến	Phó TGD Kế toán trưởng	Trần Sỹ Tiến	PTGD, Kế toán trưởng	0	0	0	190.000 cp	255.000 cp	5.625.000.000 đồng	455.000 cp
Trần Thanh Bình		Trần Sỹ Tiến	NCLQ của PTGD-KTT Trần Sỹ Tiến	0	50 cp	2 cp	0 cp	0 cp	0 đồng	52 cp
Nguyễn Chí Thành	Phó TGD-GĐ SHS HCM, Trưởng VPDD Hải Phòng	Nguyễn Chí Thành	Phó TGD-GĐ SHS HCM, Trưởng VPDD Hải Phòng	0	0	0	190.000 cp	255.000 cp	5.625.000.000 đồng	455.000 cp
Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	Trần Thị Thu Thanh	Phó TGD	0	0	0	190.000 cp	255.000 cp	5.625.000.000 đồng	455.000 cp
Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NCBTT	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	NCBTT	32.095 cp	32.095 cp	1.604 cp	16.047 cp	21.700cp	493.074.500 đồng	71.446 cp
Phan Thùy Linh	CVKTNB	Phan Thùy Linh	CVKTNB	0	0	0	0 cp	7.600 cp	91.200.000 đồng	7.600 cp
Doãn Thị Như Quỳnh	NPTQTCT	Doãn Thị Như Quỳnh	NPTQTCT	0	0	0	0	23.500 cp	282.000.000 đồng	23.500 cp

► Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ và tổ chức/người có liên quan

Giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn và tổ chức/ người có liên quan:

TT	Tên giao dịch	Văn bản	Người có liên quan tại SHS	Ghi chú
1	HDQT SHS thông qua Hợp đồng tư vấn của SHS với Công ty CP Máy – Thiết bị dầu khí (PVM)	QĐ số 04-2021/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2021 của HĐQT SHS	TVHĐQT – TGD SHS Vũ Đức Tiến	Ông Vũ Đức Tiến là Chủ tịch HĐQT PVM
2	HDQT SHS thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội (SHB Hà Nội) với hạn mức 1.800 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng.	QĐ số 08-2021/QĐ-HĐQT ngày 03/06/2021 của HĐQT SHS	CTHĐQT Đỗ Quang Hiến và TVHĐQT Lê Đăng Khoa	Ông Đỗ Quang Hiến là CTHĐQT SHB; Ông Lê Đăng Khoa là Phó TGD SHB
3	HDQT SHS thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hàng Trống (SHB Hàng Trống) với hạn mức 600 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng.	QĐ số 34-2021/QĐ-HĐQT ngày 16/12/2021 của HĐQT SHS		

► Quan hệ cổ đông

Bộ phận quan hệ cổ đông

Bộ phận quan hệ cổ đông trực thuộc HĐQT.

Dưới đây là thông tin về Người phụ trách bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty:

Bà Doãn Thị Như Quỳnh

- Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
- Kinh nghiệm làm việc: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
- Chức vụ tại SHS: Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT/Thư ký Công ty/Người phụ trách quan hệ cổ đông/ Người phụ trách quản trị công ty
- Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (Máy lẻ 312)
- Email: quynh.dtn@shs.com.vn

Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2021

Trong năm 2021, tuy gặp khó khăn do dịch bệnh, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã diễn ra tốt đẹp và thuận lợi cho Cổ đông tiếp cận thông qua cả hai hình thức trực tuyến và trực tiếp.

Công ty đã tiến hành thành công việc phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm.

Bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty đã làm tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông như:

- Quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên.
- Quyền nhận cổ tức và tự do chuyển nhượng cổ phần.
- Quyền được cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Quyền được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
- Quyền được xem xét, tra cứu, trích lục Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; quyền được sửa đổi thông tin không chính xác.
- Quyền được đính chính sổ cổ đông, quyền được cấp lại sổ cổ đông khi bị mất, quyền được khiếu nại...

Bộ phận quan hệ cổ đông đã truyền đạt những mong muốn, nguyện vọng của cổ đông tới các thành viên HĐQT, BKS cũng như sắp xếp các lịch hẹn giữa cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng với Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Công ty cũng đã thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông như mọi cổ đông đều được mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên và bất thường của Công ty, có quyền biểu quyết không phân biệt là cổ đông trong nước hay nước ngoài, cá nhân hay tổ chức, sở hữu nhiều hay ít cổ phiếu, giới tính nam hay nữ.... Cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người khác một cách dễ dàng thông qua nhiều hình thức theo pháp luật. Quy trình, thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ cũng như quy chế bầu cử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ được công khai và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại ĐHĐCĐ, các câu hỏi được các nhà đầu tư nêu lên đều được Công ty trả lời đầy đủ, rõ ràng, minh bạch. Phiên dịch và đại diện công ty kiểm toán độc lập đều được mời đến để hỗ trợ cho việc trả lời và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư.

Công ty đã đáp ứng tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động quan hệ cổ đông. ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã diễn ra theo hình thức bán trực tuyến và ĐHĐCĐ đã thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội trực tuyến, biểu quyết trực tuyến, biểu quyết từ xa,

tạo điều kiện cho Cổ đông được tham dự, ủy quyền và biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua các hình thức phù hợp theo pháp luật.

Kế hoạch quan hệ cổ đông năm 2022

Nhận định xu hướng họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ là tất yếu và phổ biến trong tương lai, do đó, bên cạnh tiếp tục thực hiện tốt các công việc để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, trong năm 2022 như sau:

- Tiếp tục nghiên cứu cơ sở pháp lý, tham khảo các công ty đại chúng trên thị trường và tìm kiếm giải pháp hợp lý để vừa giúp cổ đông có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm đối với các hoạt động của Công ty và đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục triển khai hoạt động quan hệ cổ đông thông qua các kênh giao tiếp bao gồm: website, báo chí, truyền thông, điện thoại, tin nhắn trực tiếp, tin nhắn qua mạng xã hội, mạng xã hội nhằm hỗ trợ cổ đông, nhà đầu tư thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với công ty.
- Tiếp tục triển khai các quy định về việc tổ chức Đại hội trực tuyến, biểu quyết trực tuyến, biểu quyết từ xa, tạo điều kiện cho các Cổ đông được tham dự, ủy quyền và biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, thông qua triển khai theo pháp luật và đảm bảo quyền lợi trách nhiệm của Cổ đông và đảm bảo điều kiện an toàn y tế, vệ sinh cho cán bộ nhân viên, Cổ đông, Nhà đầu tư trong bối cảnh dịch bệnh gia tăng và diễn biến phức tạp.
- Cập nhật các quy định pháp luật và thông lệ quốc tế và đề xuất ĐHĐCĐ, HĐQT điều chỉnh, sửa đổi các văn bản liên quan đến quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Cổ đông để đảm bảo tính tuân thủ và phù hợp của các quy chế, quy định nội bộ Công ty với pháp luật và thị trường chung.



► Công bố thông tin

Bộ phận báo cáo và công bố thông tin

Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin trực thuộc Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro.

Dưới đây là thông tin về Người phụ trách báo cáo và công bố thông tin như sau:

Bà Nguyễn Thùy Hạnh Mai

- Học vấn: Thạc sỹ kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán.
- Chức vụ tại SHS: Trưởng phòng PC&QTRR/Người được ủy quyền công bố thông tin
- Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (Máy lẻ 318)
- Email: mai.nth@shs.com.vn

Công bố thông tin năm 2021

Bên cạnh việc đảm bảo gửi báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho các cơ quan quản lý Nhà nước và lên website của Công ty, trong năm 2021, SHS tiếp tục chú trọng việc công bố thông tin bằng tiếng Anh cho nhà đầu tư. Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin của Công ty tiếp tục là đầu mối trả lời thắc mắc của cổ đông và cơ quan quản lý Nhà nước về các báo cáo và thông tin đã công bố của Công ty. Trong năm 2021, SHS không bị Cơ quan quản lý Nhà nước nào xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin.

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động năm 2021 đã đề ra có thể thấy kế hoạch báo cáo và công bố thông tin bằng tiếng Anh của Công ty đã làm tương đối tốt tuy nhiên cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa trong các năm tiếp theo. Kế hoạch triển khai cung cấp các dịch vụ công bố thông tin cho Nhà đầu tư tổ chức, cá nhân và đặc biệt là Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu và ủy quyền cho Công ty vẫn chưa thực hiện được. Nguyên nhân là do Công ty chưa đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về việc Công ty có thể cung cấp các dịch vụ này. Hơn nữa, số lượng Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty chưa nhiều.



Công bố thông tin định kỳ năm 2021:

01

Tháng

Báo cáo tài chính Quý IV.2020.
Các báo cáo tình hình tư vấn phát hành; đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp Quý IV.2020.

Các báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Quý IV.2021.

Báo cáo quản trị công ty niêm yết năm 2020.

Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty niêm yết năm 2020.

Các báo cáo tình hình tư vấn phát hành; đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2020.

Các báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán trái phiếu doanh nghiệp năm 2020.

Danh mục chứng khoán ký quỹ Quý I.2021.

03

Tháng

Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2020 được kiểm toán.

Các báo cáo tình hình tài chính, thanh toán gốc, lãi và sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2020.

04

Tháng

Báo cáo thường niên năm 2020 – Tiếng Việt.

Các báo cáo tình hình tư vấn phát hành; đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp Quý I.2021.

Các báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Quý I.2021.

Báo cáo tài chính Quý I.2021.

Danh mục chứng khoán ký quỹ Quý II.2021.

06

Tháng

Báo cáo thường niên năm 2020 – Tiếng Anh.

07

Tháng

Báo cáo quản trị công ty niêm yết bán niên 2021.

Báo cáo tài chính Quý II.2021.

Các báo cáo tình hình tư vấn phát hành; đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp Quý II.2021.

Các báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Quý II.2021.

Danh mục chứng khoán ký quỹ Quý III.2021.

08

Tháng

Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2021 được soát xét.

Các báo cáo tình hình tài chính, thanh toán gốc, lãi và sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp bán niên 2021.

10

Tháng

Các báo cáo tình hình tư vấn phát hành; đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp Quý III.2021.

Các báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Quý III.2021.

Danh mục chứng khoán ký quỹ Quý IV.2021.

Báo cáo tài chính Quý III.2021.

Công bố thông tin bất thường năm 2021:

01

Tháng

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin của SHS cho Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai

Danh sách người nội bộ và cá nhân, tổ chức có liên quan của SHS theo Luật Chứng khoán mới.

05

Tháng

Kết quả mua lại 400 tỷ trái phiếu SHS.BOND2020.04 trước hạn.

Kết quả phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đợt 1.2021.

07

Tháng

Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Thu Thanh

Ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét BCTC năm và bán niên 2021.

04

Tháng

Quyết định của HĐQT SHS thông qua Hợp đồng tư vấn của SHS với Bên liên quan là PVM.

Mua lại tối đa 500 tỷ trái phiếu SHS.BOND2020.04 trước hạn.

Nghị quyết của HĐQT SHS thông qua phương án phát hành 3 đợt trái phiếu doanh nghiệp năm 2021 với giá trị tối đa 1.500 tỷ đồng.

Quyết định của Tổng Giám đốc SHS về phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 1.2021 với giá trị tối đa 500 tỷ đồng.

Thông báo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Hợp ĐHĐCĐ thường niên 2021 và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp.

06

Tháng

Quyết định của HĐQT SHS thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tại SHB Hà Nội với tổng hạn mức 1.800 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng.

Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Các quyết định của HĐQT SHS liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán năm 2021.

08

Tháng

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021

Công bố thông tin phát hành chứng khoán năm 2021

Báo cáo danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền 24/08/2021 để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2020 và thực hiện quyền nhận cổ phiếu SHS phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền mua cổ phiếu SHS phát hành thêm chào bán tăng vốn điều lệ năm 2021.

09

Tháng

SHS không còn là cổ đông lớn của PLP.

10

Tháng

Ký Hợp đồng kiểm toán Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 31/08/2021 đến ngày 14/10/2021

Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 31/08/2021 đến ngày 14/10/2021 được kiểm toán.

Công bố thông tin xử lý cổ phiếu ESOP và cổ phiếu phát hành thêm còn dư cũng như giao dịch của người nội bộ SHS.

Báo cáo kết quả giao dịch của người nội bộ SHS.

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu SHS năm 2021.

UBCKNN chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu SHS năm 2021.

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của SHS.

Sửa đổi Điều lệ SHS.

11

Tháng

Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SHS phát hành thêm tại HNX.

12

Tháng

Quyết định của Tổng Giám đốc SHS về phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 2.2021 với giá trị tối đa 400 tỷ đồng.

Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 2.2021 với giá trị 350 tỷ đồng.

Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường 2022.

Thông báo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2022.

Báo cáo danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền 31/12/2021 để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường 2022.

Hợp ĐHĐCĐ bất thường 2022 và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp.

Quyết định của Tổng Giám đốc SHS về phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 3.2021 với giá trị tối đa 200 tỷ đồng.

Quyết định của HĐQT SHS thông qua phương án vay vốn theo hạn mức tại SHB Hàng Trống với tổng hạn mức 600 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng.

Công bố thông tin SHS thực hiện quyền mua cổ phiếu SHB phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

Báo cáo SHS thực hiện quyền mua cổ phiếu SHB phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

** Toàn bộ các thông tin định kỳ và bất thường công bố trong năm 2021 được Công ty đăng tải tại mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh.*

Kế hoạch công bố thông tin năm 2022

Trọng tâm trong kế hoạch công bố thông tin năm 2022 của Công ty là cập nhật và tuân thủ đúng các quy định mới về công bố thông tin. Ngoài ra, để tiếp tục thu hút khách hàng là Nhà đầu tư nước ngoài, SHS đặt kế hoạch tiếp tục tăng cường việc công bố thông tin bằng tiếng Anh và đẩy mạnh truyền thông về việc cung cấp dịch vụ này.

03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

- TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ, TÀI CHÍNH CÔNG TY





Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2021

► Kinh tế Việt Nam 2021

Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2021 đầy khó khăn và thách thức do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số điểm nhấn của nền kinh tế trong năm vừa qua như sau:

- **GDP năm 2021 tăng trưởng 2,58% so với cùng kỳ**, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Tuy nhiên, thành quả này là sự nỗ lực của toàn xã hội trong quá trình hồi phục kinh tế sau Quý 3/2021, cũng là quý ghi nhận mức giảm GDP sâu nhất lịch sử: 6,02%. Kể từ sau Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021, đất nước ta chính thức “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.
- **Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì đà tăng trưởng, tiếp tục đóng vai trò bệ đỡ của nền kinh tế** với mức tăng trưởng 2,9% so với năm 2020 và đóng góp 13,97% vào mức tăng trưởng chung. Chất lượng và sản lượng nhiều loại nông sản chủ lực của nước ta đã được cải thiện, được nhiều thị trường lớn trên thế giới đón nhận. Các ngành sản xuất khác như: công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghệ thông tin, viễn thông và truyền thông, tài chính ngân hàng... cũng có nhiều đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế.
- **Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao, cán cân thương mại tiếp tục thặng dư là điểm sáng của nền kinh tế.** Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD. Các hoạt động thương mại, vận tải trong nước và du lịch quốc tế cũng dần được khôi phục trở lại.
- **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hồi phục** trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới có nhiều biến động. Tính chung năm 2021, vốn FDI đăng ký ước đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm trước. Vốn đăng ký mới và tăng thêm đều giữ xu hướng tăng cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam.
- **Lạm phát được kiểm soát tốt, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua.** CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, là mức thấp nhất được ghi nhận kể từ năm 2016.
- **Tỷ giá được duy trì ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp** đã giúp tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ nền kinh tế và các doanh nghiệp trong quá trình hồi phục sản xuất kinh doanh.

Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2021

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
Tăng trưởng GDP (%)	7,1	7,0	2,9	2,6
Tăng CPI bình quân (%)	3,5	2,8	3,2	1,8
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,0	13,6	12,1	12,97
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	22.825	23.155	23.131	23.145
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	60	80	92	105
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so với GDP (%)	0,0	2,6	-2,0	-3,8

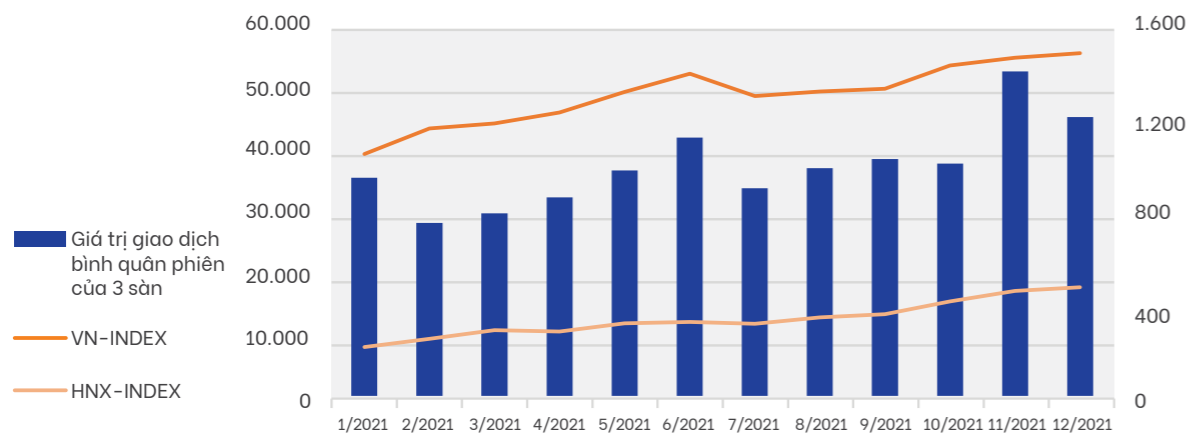
(Nguồn: GSO, WB, HSBC, NHNN, SHS Research)



► Thị trường Chứng khoán

TTCK Việt Nam năm 2021 tiếp tục chứng kiến một năm thăng hoa với nhiều kỷ lục mới được thiết lập, bất chấp ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đóng cửa phiên cuối năm, VN-Index đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,7% so với cuối năm 2020, trở thành chỉ số chứng khoán tăng mạnh thứ 07 trên toàn thế giới. Trong đó, VN-Index đạt đỉnh mới 1.500,81 điểm vào ngày 25/11/2021, cao nhất trong 21 năm hoạt động. Chỉ số HNX-Index cuối năm đóng cửa tại mốc 473,99 điểm, tăng 133% so với cuối năm 2020. Chỉ số Upcom-Index đạt 112,63 điểm, tăng 51%. Vốn hóa toàn thị trường đạt gần 7,7 triệu tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, cao nhất từ trước tới nay và tương đương 112,8% GDP.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2021



(Nguồn: SHS Research)

Thanh khoản toàn thị trường (bao gồm cả sàn Upcom) tiếp tục bùng nổ trong năm 2021 nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Từ giá trị giao dịch bình quân đạt mức 19.000 tỷ đồng/phiên trong tháng 1.2021, thanh khoản thị trường đã gia tăng nhanh chóng và liên tục qua các tháng, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục với thanh khoản 56.105 tỷ đồng vào ngày 19/11/2021. Tính chung cả năm 2021, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.564 tỷ đồng/phiên, tăng 258% so với bình quân năm 2020. Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư nội năm 2021 đạt trên 1,5 triệu tài khoản, cao gấp 1,5 lần tổng số tài khoản được mở mới trong giai đoạn 2017-2020 (tổng 4 năm đạt 1,04 triệu tài khoản). Kết thúc năm 2021, tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước là hơn 4,3 triệu, tương đương khoảng 4,4% dân số.

Tổng mức huy động trên TTCK Việt Nam tăng 25% so với cuối năm 2020, trong đó phát hành cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp năm 2021 đạt 155.588 tỷ đồng, tăng 2,3 lần so với năm trước. Huy động vốn cho ngân sách Nhà nước đạt 318.000 tỷ đồng với kỳ hạn huy động bình quân dài nhất 13,92 năm và lãi suất huy động bình quân thấp nhất đạt 2,3%/năm, góp phần quan trọng vào tái cơ cấu nợ công của Chính phủ. Bên cạnh đó, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp có sự tăng trưởng mạnh với tổng

giá trị phát hành thành công 657.993 tỷ đồng tại thị trường trong nước và 1.425 triệu USD (tương đương 32.775 tỷ đồng) ra thị trường quốc tế, tăng 45% về giá trị so với năm 2020. Trong đó, nhóm các Ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bất động sản lần lượt chiếm 02 vị trí dẫn đầu về giá trị phát hành với trên 73% tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm vừa qua.

Thị trường hợp đồng tương lai chỉ số VN30 tăng 18,4% so với năm 2020, đạt mức giao dịch trung bình trên 187.000 hợp đồng/phiên trên cả 4 kỳ hạn. Đến hết 31/12/2021, số lượng tài khoản phái sinh đạt 734.079 tài khoản, số lượng tài khoản phái sinh mở mới tăng hơn 4 lần so với cùng kỳ năm 2020. Trên thị trường hợp đồng chứng quyền (CW), tính đến 31/12/2021 có tổng cộng 498 mã CW đã niêm yết tại HOSE dựa trên 26 mã cổ phiếu cơ sở do 8 tổ chức phát hành, với tổng khối lượng CW chào bán và niêm yết đạt khoảng 1,3 tỷ CW, giá trị giao dịch bình quân CW đạt 85,6 tỷ đồng/ngày, tăng 297% so với năm 2020.

Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước trong năm 2021 không có nhiều tiến triển với chỉ 03 doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được cổ phần hóa (không thuộc danh mục doanh nghiệp cổ phần hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Số doanh nghiệp chưa hoàn thành cổ phần

hóa theo kế hoạch là 89 doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và có nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa chưa được tháo gỡ.

Về chính sách, Luật chứng khoán sửa đổi, Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Luật Đầu tư sửa đổi đã chính thức có hiệu lực trong năm 2021. Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở sắp xếp lại HNX và HSX được thành lập vào 11/12/2021. Ngoài ra Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố “Danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài” vào ngày 31/08/2021, qua đó các doanh nghiệp biết được giới hạn nói room.

Số liệu thống kê Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2021

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	+/- 2021 so với 2020 (%)
VN-Index	892,5	961,0	1.103,9	1.498,28	36%
HNX-Index	104,2	102,5	203,1	473,99	133%
Upcom-Index	52,8	56,6	74,5	112,63	51%
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	3.960	4.384	5.294	7.729	46%
Vốn hóa/GDP	71,6%	72,6%	84,2%	112,8%	34%
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	2,2	2,4	2,8	4,3	54%
Tổng số cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	754	744	755	760	1%

(Nguồn: TTCK, SHS Research)

► Hoạt động của các công ty chứng khoán

Tính tới thời điểm cuối năm 2021, số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động là 88. Trong năm 2021, hầu hết các công ty chứng khoán ghi nhận kết quả kinh doanh cao kỷ lục, 66 công ty chứng khoán đã báo cáo kết quả kinh doanh có lãi với tổng doanh thu đạt trên 75 nghìn tỷ đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 31,4 nghìn tỷ đồng.

Về hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính, cuộc cạnh tranh thị phần giữa các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt. Các công ty chứng khoán nội địa đã cải thiện khả năng cung cấp dịch vụ tài chính thông qua hoạt động tăng vốn, tiếp cận nguồn tín dụng với lãi suất thấp, cải tiến về công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh so với các công ty chứng khoán có vốn ngoại.

Về hoạt động tự doanh, hầu hết các công ty chứng khoán đều ghi nhận kết quả kinh doanh kỷ lục trong năm 2021 do sự thăng hoa của thị trường chứng khoán cả về chỉ số và thanh khoản, sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư nội địa và mặt bằng lãi suất huy động, cho vay được duy trì ở mức thấp.

Hoạt động tư vấn, tự doanh, đại lý và bảo lãnh phát hành trái phiếu cũng mang lại nhiều kết quả tích cực tới các công ty chứng khoán khi thị trường trái phiếu

doanh nghiệp đã nhanh chóng có sự thích nghi với khung pháp lý mới. Khối lượng phát hành tiếp tục lập đỉnh mới: tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2021 đạt 657.993 tỷ đồng trong nước và 1.425 triệu USD (~ 32,775 tỷ đồng) ra quốc tế, tăng 45% so với năm 2020.



► Sự thay đổi khung pháp lý

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Luật	Ban hành năm 2021				
	Không có				
	Hiệu lực từ năm 2021				
	45/2019/QH14	20/11/2019	Bộ luật Lao động	01/01/2021	Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13
	54/2019/QH14	26/11/2019	Luật Chứng khoán	01/01/2021	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12
	59/2020/QH14	17/06/2020	Luật Doanh nghiệp	01/01/2021	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13
61/2020/QH14	17/06/2020	Luật Đầu tư	01/01/2021	Luật Đầu tư số 67/2014/QH14	
Nghị định	Ban hành năm 2021				
	31/2021/NĐ-CP	26/03/2021	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư	26/03/2021	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP Nghị định số 37/2020/NĐ-CP Nghị định số 83/2015/NĐ-CP Nghị định số 104/2007/NĐ-CP Nghị định số 69/2016/NĐ-CP Nghị định số 79/2016/NĐ-CP
	44/2021/NĐ-CP	31/03/2021	Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.	31/03/2021	Không
	47/2021/NĐ-CP	01/04/2021	Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.	01/04/2021	Nghị định số 81/2015/NĐ-CP Nghị định số 93/2015/NĐ-CP Nghị định số 96/2015/NĐ-CP Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg
	59/2021/NĐ-CP	18/06/2021	Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.	06/08/2021	Không
	122/2021/NĐ-CP	28/12/2021	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	01/01/2022	Nghị định số 50/2016/NĐ-CP
	128/2021/NĐ-CP	30/12/2021	Sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	01/01/2021	Không
	Hiệu lực từ năm 2021				
	145/2020/NĐ-CP	14/12/2020	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động	01/02/2021	Nghị định số 03/2014/NĐ-CP Nghị định số 44/2013/NĐ-CP Nghị định số 05/2015/NĐ-CP Nghị định số 148/2018/NĐ-CP Nghị định số 29/2019/NĐ-CP Nghị định số 149/2018/NĐ-CP Nghị định số 49/2013/NĐ-CP Nghị định số 45/2013/NĐ-CP Nghị định số 85/2015/NĐ-CP Nghị định số 27/2014/NĐ-CP Nghị định số 46/2013/NĐ-CP Nghị định số 41/2013/NĐ-CP
	153/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	01/01/2021	Nghị định số 163/2018/NĐ-CP Nghị định số 81/2020/NĐ-CP

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Nghị định	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	01/01/2021	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP Nghị định số 60/2015/NĐ-CP Nghị định số 86/2016/NĐ-CP Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Điều 13, Điều 14 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP
	156/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	01/01/2021	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP Nghị định số 145/2016/NĐ-CP
	158/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.	01/01/2021	Nghị định số 42/2015/NĐ-CP
Ban hành năm 2021					
Thông tư	30/2021/TT-BTC	14/05/2021	Thông tư của Bộ Tài chính về việc kéo dài hiệu lực Thông tư 14/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 127/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.	01/07/2021	Không.
	32/2021/TT-BTC	17/05/2021	Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.	01/07/2021	Không.
	36/2021/TT-BTC	26/05/2021	Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.	10/07/2021	Thông tư số 219/2015/TT-BTC Thông tư số 59/2018/TT-BTC
	47/2021/TT-BTC	24/06/2021	Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi Covid -19.	01/07/2021 – 31/12/2021	Không.
	51/2021/TT-BTC	30/06/2021	Hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	16/08/2021	Thông tư số 123/2015/TT-BTC
	57/2021/TT-BTC	12/07/2021	Quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác.	20/07/2021	Thông tư số 180/2015/TT-BTC Thông tư số 202/2015/TT-BTC Thông tư số 29/2017/TT-BTC Thông tư số 13/2019/TT-BTC
	58/2021/TT-BTC	12/07/2021	Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.	27/08/2021	Thông tư số 11/2016/TT-BTC
	101/2021/TT-BTC	17/11/2021	Quy định giá dịch vụ áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam..	01/01/2022	Thông tư số 127/2018/TT-BTC Thông tư số 14/2020/TT-BTC Thông tư số 70/2020/TT-BTC Thông tư số 30/2021/TT-BTC
	102/2021/TT-BTC	17/11/2021	Quy định giá dịch vụ áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào TTCK.	01/01/2022	Thông tư số 128/2018/TT-BTC
	114/2021/TT-BTC	17/12/2021	Bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	01/02/2022	Thông tư 146/2014/TT-BTC
	120/2021/TT-BTC	24/12/2021	Quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí, nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành.	01/01/2022 -30/06/2022	

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Thông tư	Hiệu lực từ năm 2021				
	91/2020/TT-BTC	13/11/2020	Quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.	01/01/2021	Thông tư số 87/2017/TT-BTC
	95/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn về giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 115/2017/TT-BTC Điều 1 Thông tư số 35/2019/TT-BTC Thông tư số 116/2017/TT-BTC
	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 155/2015/TT-BTC
	97/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.	01/01/2021	Thông tư số 91/2013/TT-BTC
	98/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 183/2011/TT-BTC Thông tư số 15/2016/TT-BTC Thông tư số 224/2012/TT-BTC Thông tư số 227/2012/TT-BTC Thông tư số 228/2012/TT-BTC Thông tư số 229/2012/TT-BTC Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 91/2019/TT-BTC
	99/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 212/2012/TT-BTC Điều 1; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 91/2019/TT-BTC
	107/2020/TT-BTC	21/12/2020	Hướng dẫn về giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước.	01/04/2021	Điều 9 Thông tư số 314/2016/TT-BTC
	111/2020/TT-BTC	29/12/2020	Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	15/02/2021	Không.
	117/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 217/2013/TT-BTC Thông tư số 36/2017/TT-BTC
	118/2020/TT-BTC	31/12/2020	Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.	15/02/2021	Thông tư số 162/2015/TT-BTC
	119/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 05/2015/TT-BTC
	120/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 203/2015/TT-BTC
	121/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 210/2012/TT-BTC Thông tư số 07/2016/TT-BTC
122/2020/TT-BTC	31/12/2020	Chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	15/02/2021	Thông tư số 77/2020/TT-BTC	
Quyết định					
Thủ tướng Chính phủ	Ban hành năm 2021				
	Không				
Thủ tướng Chính phủ	Hiệu lực từ năm 2021				
	37/2020/QĐ-TTg	23/12/2020	Thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam.	20/02/2021	Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Bộ Tài chính	Ban hành năm 2021				
	12/QĐ-BTC	07/01/2021	Công bố thủ tục hành chính mới/bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	07/01/2021	Quyết định số 2002/QĐ-BTC (20/09/2016) Quyết định số 2515/QĐ-BTC (24/11/2016) Quyết định số 1282/QĐ-BTC (11/07/2017) Quyết định số 424/QĐ-BTC (29/03/2018) Quyết định số 803/QĐ-BTC (28/05/2018) Quyết định số 1571/QĐ-BTC (19/08/2019)
	757/QĐ-BTC	01/04/2021	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.	01/04/2021	Quyết định số 2398/QĐ-BTC (21/11/2017) Quyết định số 2399/QĐ-BTC (21/11/2017)
	Hiệu lực từ năm 2021				
	Không				
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Ban hành năm 2021				
	379/QĐ-UBCK	03/06/2021	Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến trên thị trường chứng khoán.	03/06/2021	Quyết định số 106/QĐ-UBCK (08/02/2010)
	450/QĐ-UBCK	14/07/2021	Ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	14/07/2021	Quyết định số 296/QĐ-UBCK (31/03/2017)
	458/QĐ-UBCK	15/07/2021	Ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư của UBCKNN.	15/07/2021	Quyết định số 14/QĐ-UBCK (09/01/2015)
Hiệu lực từ năm 2021					
	Không				
SGDCK Việt Nam	Ban hành năm 2021				
	14/QĐ-SGDVN	19/10/2021	Ban hành Quy chế vận hành Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	19/10/2021	Không
	21/QĐ-SGDVN	21/12/2021	Ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con	21/12/2021	Không
SGDCK Hà Nội	Ban hành năm 2021				
	144/QĐ-SGDHN	20/04/2021	Ban hành Quy trình giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	20/04/2021	750/QĐ-SGDHN (01/09/2017)
	146/QĐ-SGDHN	20/04/2021	Ban hành Quy trình Công bố thông tin và báo cáo đối với thành viên giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	20/04/2021	756/QĐ-SGDHN (01/09/2017)
	296/QĐ-SGDHN	24/06/2021	Quyết định về thời gian giao dịch Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm.	24/06/2021	Không
	Hiệu lực từ năm 2021				
	770/QĐ-SGDHN	30/12/2020	Quy chế Giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương.	01/01/2021	Quyết định số 501/QĐ-SGDHN (05/07/2017)
SGDCK Tp. HCM	Ban hành năm 2021				
	34/QĐ-SGDHCM	20/01/2021	Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	20/01/2021	Quyết định số 69/QĐ-SGDHCM (02/03/2018)
	26/QĐ-SGDHCM	15/06/2021	Quyết định ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu Kim Cương Việt Nam “Vietnam Diamond Index” phiên bản 2.0.	15/06/2021	Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM (30/08/2019)
	27/QĐ-SGDHCM	15/06/2021	Quyết định ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu dẫn đầu ngành Tài chính Việt Nam “Vietnam Leading Financial Index” phiên bản 1.1.	15/06/2021	Quyết định số 352/QĐ-SGDHCM (30/08/2019)

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế	
SGDCK Tp. HCM	32/QĐ-SGDHCM	29/06/2021	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu dẫn đầu ngành Tài chính Việt Nam “Vietnam Leading Financial Index” phiên bản 1.1.	29/06/2021	Không.	
	352/QĐ-SGDHCM	30/06/2021	Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	05/07/2021	Quyết định số 66/QĐ-SGDHCM (02/03/2018) Quyết định số 67/QĐ-SGDHCM (02/03/2018) 462/QĐ-SGDHCM (14/08/2020) 894/QĐ-SGDHCM (30/12/2020)	
	353/QĐ-SGDHCM	30/06/2021	Quy chế thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	30/06/2021	Không.	
	368/QĐ-SGDHCM	14/07/2021	Quyết định về việc chấp thuận tổ chức tạo lập thị trường của Quỹ hoán đổi danh mục ETF VFMVN DIAMOND tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.		Không.	
	Hiệu lực từ năm 2021					
	894/QĐ-SGDHCM	30/12/2020	Sửa đổi quy định thời gian giao dịch, biên độ giao động giá, đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.	04/01/2021	Không.	
TTLKCKVN	Ban hành năm 2021					
	46/QĐ-VSD	08/04/2021	Ban hành Quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ, thực hiện quyền đối với chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.	08/04/2021	Quyết định số 212/QĐ-VSD (18/12/2015)	
	105/QĐ-VSD	20/08/2021	Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán.	20/08/2021	Quyết định số 27/QĐ-VSD (13/03/2015) Quyết định số 72/QĐ-VSD (02/04/2019)	
	106/QĐ-VSD	20/08/2021	Quy chế về hoạt động cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	20/08/2021	Quyết định số 01/QĐ-VSD (02/01/2020)	
	107/QĐ-VSD	20/08/2021	Quy chế về hoạt động cấp mã chứng khoán, đăng ký, lưu ký, hủy đăng ký đối với cổ phần bán lần đầu theo phương thức đấu giá/ phương thức dự số của doanh nghiệp cổ phần hoá tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	20/08/2021	Quyết định số 146/QĐ-VSD (28/08/2019)	
	108/QĐ-VSD	20/08/2021	Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	20/08/2021	Quyết định số 03/QĐ-VSD (02/01/2020)	
	109/QĐ-VSD	20/08/2021	Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	20/08/2021	Quyết định số 02/QĐ-VSD (02/01/2020)	
	110/QĐ-VSD	23/08/2021	Hướng dẫn hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	23/08/2021	Không.	
	111/QĐ-VSD	23/08/2021	Quy chế đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	23/08/2021	Quyết định số 213/QĐ-VSD (18/12/2015)	
	112/QĐ-VSD	23/08/2021	Quy chế thành viên lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam..	23/08/2021	Quyết định số 25/QĐ-VSD (13/03/2015) Quyết định số 15/QĐ-VSD (28/01/2016) Quyết định số 237/QĐ-VSD (29/12/2017)	
	113/QĐ-VSD	23/08/2021	Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	27/08/2021	Quyết định số 05/QĐ-VSD (02/01/2020)	
	114/QĐ-VSD	23/08/2021	Quy chế hoạt động lưu ký chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	23/08/2021	Quyết định số 04/QĐ-VSD (02/01/2020)	
	127/QĐ-VSD	05/10/2021	Hướng dẫn sử dụng hệ thống Cổng giao tiếp điện tử giữa Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Tổ chức phát hành.	05/10/2021	Không.	
	153/QĐ-VSD	22/12/2021	Quyết định sửa đổi Mẫu 16A/ĐKCK tại Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	22/12/2021	Không	
	Hiệu lực từ năm 2021					
Không có						

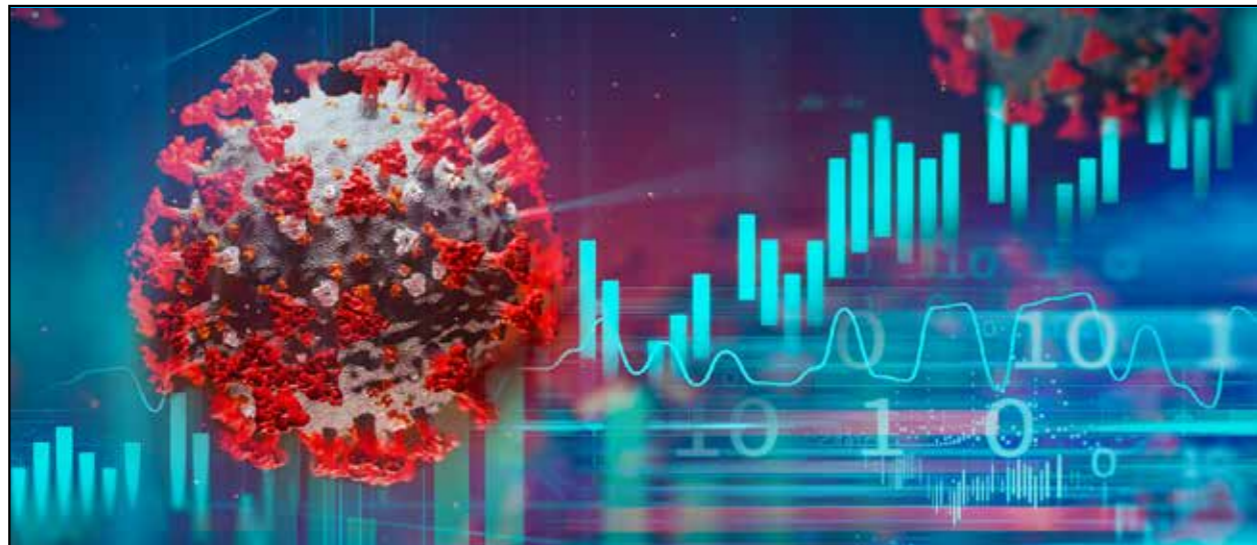
► Đánh giá tác động của môi trường kinh tế, thị trường chứng khoán và sự thay đổi của khung pháp lý đến SHS

Thuận lợi

- Mặc dù dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu, Việt Nam đã cơ bản kiểm soát được tình hình dịch bệnh trên phạm vi cả nước và từng bước trở về trạng thái “bình thường mới”. Việc chuyển đổi tư duy, phương pháp chống dịch từ “Zero Covid-19” sang định hướng “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” đã có tác động tích cực tới nền kinh tế, giúp phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh, văn hóa, giáo dục... góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- TTCK thăng hoa do tác động của các gói kích thích kinh tế và mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức thấp đã có tác động tích cực đến mọi mặt hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng, đặc biệt là các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và tự doanh của các công ty chứng khoán.
- Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần cải thiện chất lượng hàng hóa, chất lượng các doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam, gỡ nút thắt liên quan tới sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp từ đó thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo cơ chế cho các công ty chứng khoán đa dạng hóa dịch vụ cung cấp và phương thức cung cấp dịch vụ; nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm cho thị trường hoạt động bền vững, an toàn, chuyên nghiệp, hiện đại. Đồng thời, các văn bản pháp lý này còn tạo cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát và cưỡng chế thực thi, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tăng niềm tin của thị trường.

Khó khăn

- Dịch bệnh Covid - 19 mặc dù đã cơ bản được kiểm soát nhưng vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp luôn trong trạng thái sẵn sàng đối mặt với dịch bệnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và không phát huy được hết năng lực vốn có.
- Đối mặt với áp lực lạm phát đang gia tăng ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng có thể dẫn đến việc dòng tiền bị rút ra khỏi TTCK ở các nước đang phát triển và mới nổi, ảnh hưởng tới đà tăng trưởng của TTCK Việt Nam trong thời gian tới.
- Cách mạng công nghiệp 4.0 đã có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến TTCK ở các khía cạnh cơ cấu và chất lượng hàng hóa trên thị trường, các nhà đầu tư trên thị trường, các tổ chức trung gian trên thị trường và cách thức quản lý thị trường chứng khoán. Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên TTCK, SHS đối mặt với những đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng và sự cạnh tranh gay gắt từ nhóm các công ty chứng khoán ưu tiên đầu tư công nghệ.
- Để tăng cường quản lý rủi ro thị trường trái phiếu doanh nghiệp, dự thảo sửa đổi, bổ sung nội dung Nghị định 153/2020/NĐ-CP đang trong tiến trình lấy ý kiến và sẽ được ban hành trong thời gian tới theo hướng thắt chặt các quy định về phát hành và phân phối trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Những quy định này khiến các công ty chứng khoán có hoạt động phát hành hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp như SHS gặp nhiều thách thức hơn.



► Định vị SHS

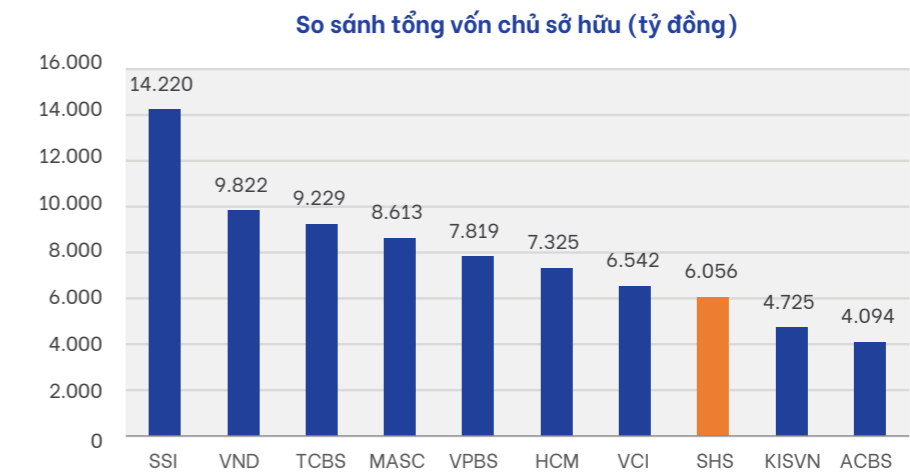
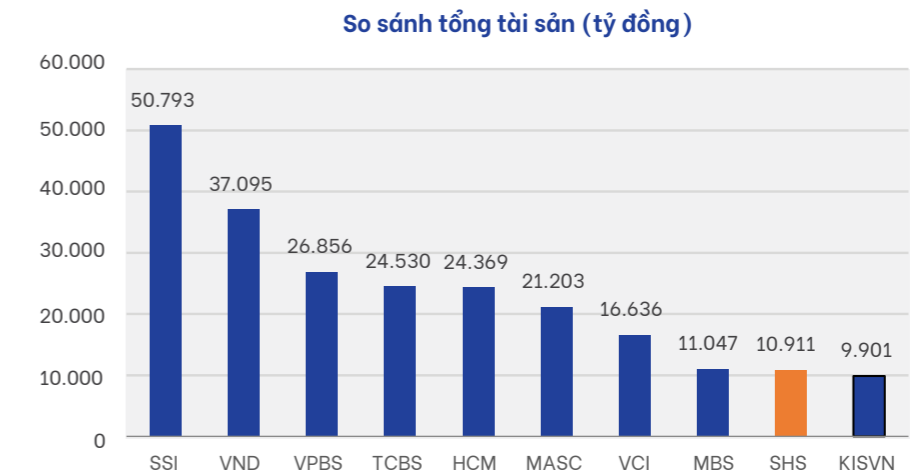
So sánh SHS với Thị trường và với ngành (số liệu năm 2021)

Tiêu chí	EPS (VND/CP)	P/E	P/B
SHS	5.795	9,8	2,3
VN-Index	3.418	17,6	2,8
HNX-Index	2.888	25,1	2,7
Upcom - Index	2.024	24,8	2,9
Ngành chứng khoán	3.588	18,6	3,4

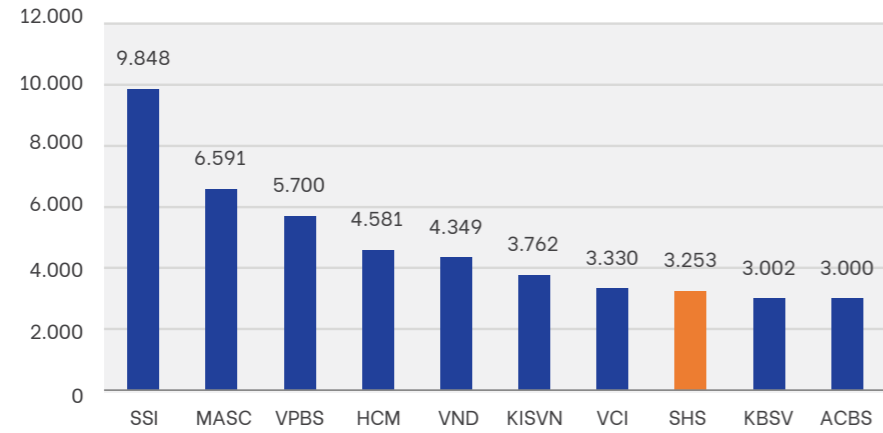
(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

Trong năm 2021, so với thị trường chứng khoán nói chung và lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cổ phiếu SHS có EPS cao hơn trong khi P/E và P/B thấp hơn chỉ số VN-Index và bình quân ngành chứng khoán. **Với hiệu quả kinh doanh vượt trội, giá cổ phiếu của SHS vẫn đang được định giá thấp, do đó cổ phiếu SHS còn dư địa để tăng trưởng trong năm 2022.**

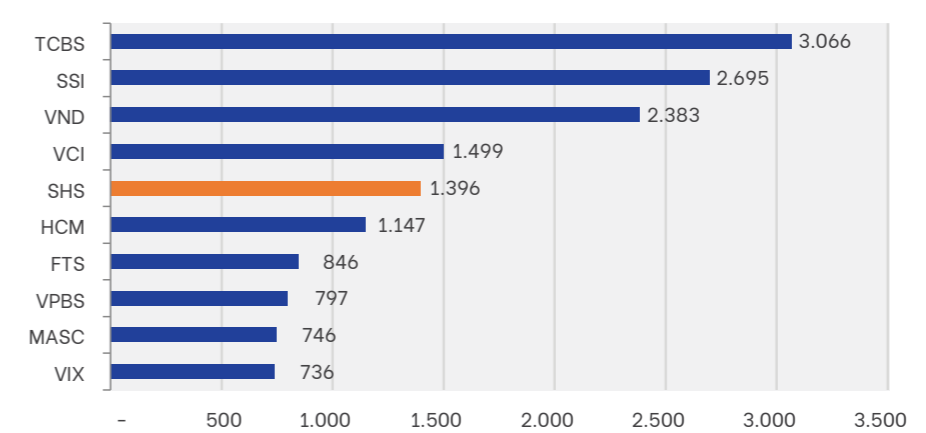
So sánh SHS với các công ty chứng khoán khác (số liệu năm 2021)



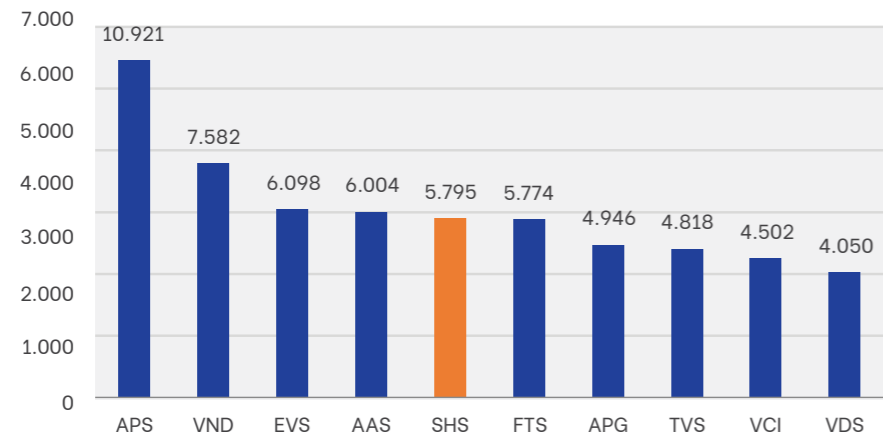
So sánh khoản mục Vốn điều lệ (tỷ đồng)



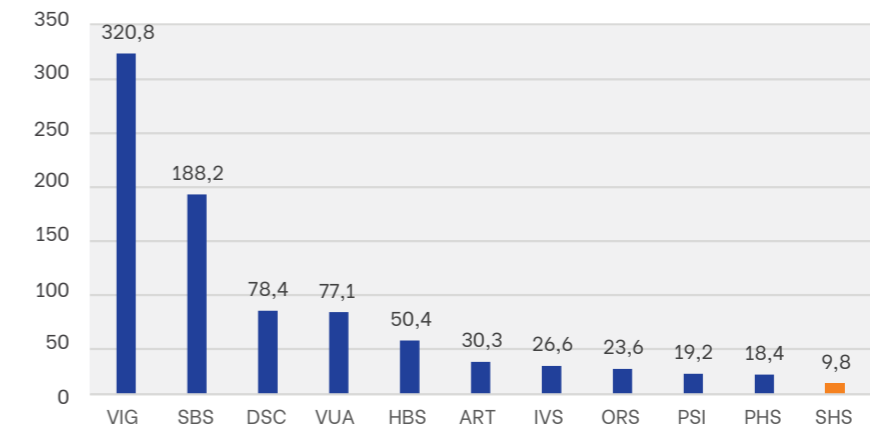
So sánh Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



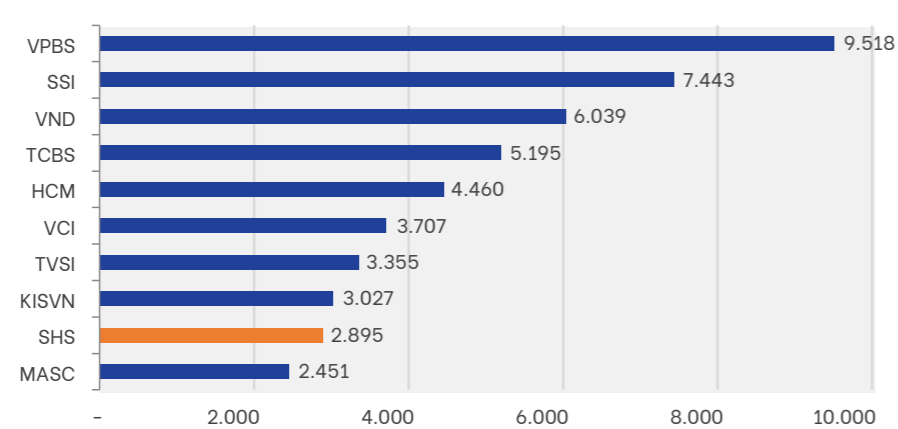
So sánh chỉ số EPS (đồng/cổ phần)



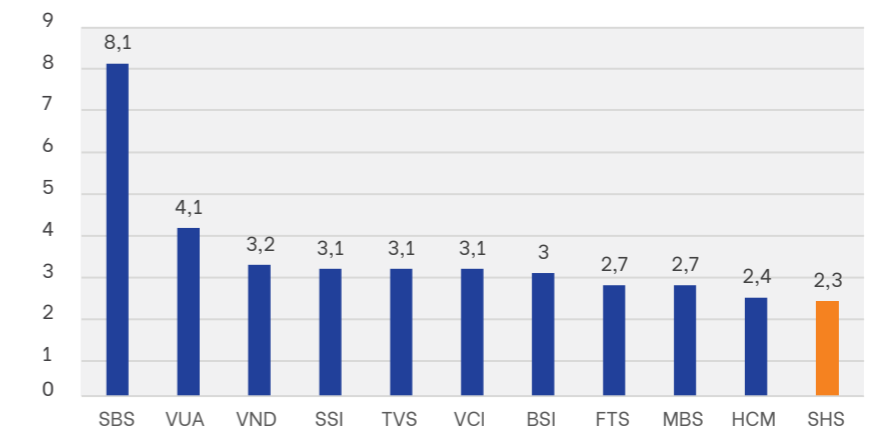
So sánh chỉ số P/E



So sánh Doanh thu (tỷ đồng)



So sánh chỉ số P/B



SHS đứng từ thứ 6 đến thứ 10 trong số các công ty chứng khoán về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, EPS, ROA và ROE. Tuy nhiên, SHS đứng vị trí 15 về P/B và thứ 24 về P/E. Điều đó cho thấy Công ty đạt hiệu quả kinh doanh cao tính trên vốn tự có, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh trong khi định giá cổ phiếu vẫn ở mức hấp dẫn so với các công ty khác cùng ngành.



Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

► Đánh giá chung

SHS đã khẳng định được năng lực vượt trội và xác định được uy tín, vị thế trên thị trường đặc biệt là trong lĩnh vực môi giới chứng khoán và ngân hàng đầu tư với tệp khách hàng trải rộng, có tiềm năng lớn trong hợp tác đầu tư. Thị trường biết đến SHS với thế mạnh chính là dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB), với nhiều thương vụ thu xếp vốn có hàm lượng chất xám cao, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Trong đó, nhiều tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước, có nguồn vốn đầu vào cố định, có khẩu vị rủi ro khắt khe và yêu cầu cao đã quan tâm và tham gia các thương vụ do SHS tư vấn. “Sự thành công của các thương vụ IB, M&A, thu xếp vốn, tư vấn phát hành... đã khẳng định năng lực của SHS trong vai trò của một đơn vị trung gian, đồng hành cùng các tổ chức phát hành uy tín, kết nối họ với các nhà đầu tư chuyên nghiệp”.

Năm 2021, SHS đã chính thức tăng vốn điều lệ lên mức 3.252,7 tỷ đồng – một dấu mốc lớn cho thấy sự lớn mạnh về tiềm lực tài chính của công ty. Đây là nguồn lực tài chính đủ lớn để SHS tiếp tục phát triển trong trung hạn, song Công ty vẫn còn nhiều tiềm năng để gia tăng thêm sức mạnh này. Vấn đề quan trọng nhất được Công ty xác định chính là sử dụng hiệu quả nguồn lực và gia tăng lợi ích cho cổ đông cũng như các khách hàng, đối tác.

Hiện nay, nhiều công ty chứng khoán lớn trên thị trường đã tham gia cuộc đua giảm phí và lãi suất về mức thấp, thu hút nhân sự môi giới của đối thủ để giành thị phần, nâng cao sức ảnh hưởng trên thị trường. Trong bối cảnh đó, SHS định hướng tập trung phát triển bền vững, ưu tiên đổi mới công nghệ, nâng cao trải nghiệm sử dụng dịch vụ của khách hàng, cân bằng với lợi nhuận của Công ty và lợi ích của cổ đông. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng thúc đẩy hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính với chiến lược cạnh tranh khác biệt, từng bước gia tăng thị phần cùng với việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được thông qua

ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2021 đã thông qua Nghị quyết số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ về kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty trên cơ sở những giả định về tình hình kinh tế vĩ mô, sự phát triển của TTCK Việt Nam cũng như thị phần môi giới SHS có thể đạt được. Trên thực tế, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty được thực hiện như sau:

	Ước/ Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Đánh giá
I. GIÁ ĐỊNH			
1. Tình hình kinh tế vĩ mô	Nền kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ quay trở lại đà tăng trưởng trước dịch Covid	Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định 6 tháng đầu năm và bất ổn 6 tháng cuối năm	Thực tế không khả quan như giả định
2. Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường	13.343 tỷ đồng/phiên	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 26.589,2 tỷ đồng/phiên + Sàn HOSE: 21.729,1 tỷ đồng/phiên. + Sàn HNX: 3.160,7 tỷ đồng/phiên	Thực tế tốt hơn giả định
3. Thị phần SHS	+ Tại sàn HOSE: 3,3% + Tại sàn HNX: 6,6% + Tại sàn Upcom: 1,50%	+ Tại sàn HOSE: 2,4% + Tại sàn HNX: 4,2% + Tại sàn Upcom: 1,63%	Chưa đạt tại sàn HOSE và HNX, nhưng vượt kế hoạch trên sàn Upcom

	Ước/ Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Đánh giá
II. KẾ HOẠCH			
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.886,7 tỷ đồng	2.899,8 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch.
2. Tổng chi phí	1.135,5 tỷ đồng	1.146,9 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch.
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	751,2 tỷ đồng	1.752,9 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch.

Năm 2021 tiếp tục là năm Công ty xuất sắc hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và ghi nhận kỷ lục mới về doanh thu và lợi nhuận trong suốt 15 năm thành lập. Bên cạnh nguyên nhân khách quan là TTCK Việt Nam đạt đỉnh cao mới cả về chỉ số và thanh khoản trong năm 2021, nguyên nhân chủ quan là do có sự đồng lòng, đoàn kết của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cùng với sự linh hoạt, thích ứng, đổi mới sáng tạo, tận dụng thời cơ kinh doanh trong hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Nhờ đó, hầu hết các mặt hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều đạt và vượt mức kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

Hoạt động đầu tư: Tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường năm 2021, hoạt động đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 1.484,3 tỷ đồng, tương đương 168,5% kế hoạch năm. Trong năm vừa qua, bộ phận Đầu tư đã chọn ra những ngành hưởng lợi nhất trong từng giai đoạn trong năm, đầu tư vào các mã cổ phiếu đầu ngành với tỉ trọng lớn như: TCB, GEX, DGC, STB, SSI... Tại thời điểm cuối năm 2021, quy mô đầu tư của Công ty đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng 27,7% so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng danh mục đầu tư ngày càng được cải thiện với nhiều cổ phiếu của các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản vững mạnh, hệ thống quản trị tốt và tiềm năng tăng trưởng cao.

Hoạt động dịch vụ tài chính: Nguồn vốn và kinh doanh tài chính tiếp tục đóng vai trò lớn trong quản lý hiệu quả nguồn vốn của công ty, đảm bảo thanh khoản an toàn, hiệu quả và đáp ứng khối lượng giao dịch ngày càng cao của thị trường, hỗ trợ khách hàng quản lý vốn kinh doanh, đi tiên phong trong việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới. Với việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn điều lệ được bổ sung trong năm 2021, hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty đạt mức tăng trưởng mới với dư nợ cho vay margin tăng 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động cho vay margin đạt 688,8 tỷ đồng, tăng 48,4% so với năm 2020 và vượt 151% kế hoạch

năm. Doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 24,4% tổng doanh thu, trở thành nguồn doanh thu lớn thứ 02 của Công ty chỉ sau doanh thu từ hoạt động đầu tư. Các chính sách ưu đãi sản phẩm đã được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong từng giai đoạn của thị trường. Chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp tài sản cũng được cơ cấu phù hợp để bảo đảm an toàn vốn và tuân thủ chặt chẽ các chính sách quản trị rủi ro của Công ty.

Hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán: Dù phải cạnh tranh trực tiếp với các công ty chứng khoán hàng đầu, có tiềm lực tài chính mạnh và đội ngũ môi giới đông đảo, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty đạt 577,9 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 200% so với năm 2020 và gấp 1,5 lần kế hoạch năm 2021. Bên cạnh ảnh hưởng tích cực từ sự tăng trưởng mạnh mẽ của TTCK Việt Nam năm 2021, kết quả trên có được do Công ty đã tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng giá trị tài sản ròng của khách hàng hơn là chạy đua giành thị phần. Doanh thu môi giới và lưu ký chiếm 20% tổng doanh thu năm 2021 của Công ty và có xu hướng tăng tỷ trọng so với năm 2020. Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2021 của SHS dù đã tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước (8.759 tài khoản) nhưng vẫn còn khiêm tốn so với các công ty chứng khoán khác. Khách hàng cá nhân ở trong nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu khách hàng của Công ty. Chưa có nhiều đột phá trong việc phát triển sản phẩm để thu hút khách hàng mới được triển khai trong năm vừa qua.

Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành: Năm 2021, bên cạnh các hoạt động tư vấn tài chính truyền thống vẫn đang giữ được nhịp tăng trưởng, công tác tư vấn thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng vẫn gặp nhiều khó khăn và chậm trễ. Tuy nhiên, nhờ định hướng đúng đắn vào các hoạt động tư vấn chuyên sâu liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và chào bán chứng khoán ra công chúng, doanh thu hoạt động này của



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

► Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với kết quả kinh doanh năm 2021 đạt mốc cao kỷ lục cùng các thành tích trong quản trị, kinh doanh và vai trò trách nhiệm với xã hội, HĐQT đặc biệt ghi nhận những nỗ lực to lớn của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể nhân viên Công ty. Ban Tổng Giám đốc luôn không ngừng nỗ lực tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác, thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh vượt trội cho Công ty và cổ đông, ổn định tổ chức, quản trị tốt rủi ro trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nhiều lợi thế về vốn và công nghệ.

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên Công ty, không ngừng phát huy tính sáng tạo, hành động và chủ động trong công việc; không ngừng học hỏi kiến

thức và tích lũy kinh nghiệm cũng như huy động nhiều nguồn lực để tiếp cận thị trường và khách hàng; cẩn trọng, chặt chẽ trong quản trị, điều hành để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả.

Ban Tổng Giám đốc cũng đã nhìn nhận đúng đắn về những thuận lợi chưa từng có của năm tài chính 2021, khai thác triệt để thời cơ cũng như lợi thế của SHS trong việc phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh doanh chủ lực là đầu tư, dịch vụ tài chính, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành. Với đà tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận, SHS chính thức đặt chân vào câu lạc bộ các doanh nghiệp có lợi nhuận nghìn tỷ từ giữa năm 2021, kết thúc năm 2021 với lợi nhuận kỷ lục trong lịch sử hoạt động của Công ty là 1.752,9 tỷ đồng, gấp 2,3 lần kế hoạch năm.

► Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2022

Bước sang năm 2022 với niềm tin kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhờ những chính sách mở cửa linh hoạt của Chính phủ, thị trường chứng khoán cũng sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức từ đại dịch COVID -19 nhưng với sự quyết tâm của Chính phủ và người dân trong việc phòng, chống dịch, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng cao trên thế giới. Thị trường chứng khoán năm 2021 ghi nhận những con số kỷ lục mà ngay cả giới chuyên môn trước đó chưa hề nghĩ tới.

Năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục xu hướng phát triển theo hướng tăng tốc, bền vững và một kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế trong dài hạn và SHS tiếp tục là một chủ thể tự tin, năng động, ấn tượng và chất lượng với tư cách một công ty chứng khoán thành viên và một doanh nghiệp niềm yết.

SHS phát triển bền vững vì mục tiêu “Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng”, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần chứng khoán niêm yết lớn nhất, duy trì vị thế đứng đầu tại HNX, công ty tiếp tục phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả, năng lực tài chính vững mạnh, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng và khác biệt.

Điểm nhấn trong năm 2022 là SHS đặt trọng tâm tăng cường đẩy mạnh mảng dịch vụ liên quan đến môi giới, số lượng tài khoản mới và giá trị tài sản ròng của khách hàng phải tăng trưởng cao hơn. Sau khi nâng cấp phần mềm, hiện đại hóa CNTT, SHS cũng dự kiến đưa vào sản phẩm phái sinh trong năm 2022.

Bên cạnh đó, mảng kinh doanh cần phát triển hơn trong năm 2022 là dịch vụ, đặc biệt SHS đặt mục tiêu lấy lại vị thế của mình trong Top 5, Top 7 phần môi giới trên HOSE.

HĐQT chỉ đạo Ban TGD tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch kinh doanh mà ĐHCĐ bắt thường và thường niên 2022 thông qua, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tiếp tục cải thiện năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; duy trì phong cách tự doanh hiệu quả;
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ do SHS cung cấp, đa dạng hóa tệp khách hàng... trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.

► Báo cáo kết quả kinh doanh

So với kế hoạch

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với kinh tế Việt Nam. Sau hai Quý đầu năm tăng trưởng khá tốt thì tới Quý III/2021, Việt Nam chịu tác động nặng nề của đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4, đặc biệt là tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam khiến cho GDP Quý III/2021 giảm 6.17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. GDP cả năm 2021 chỉ tăng 2,58% - mức thấp trong lịch sử.

Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng trải qua 1 năm đầy biến động nhưng vẫn tiếp nối sự tăng trưởng tốt từ năm 2020 và thiết lập thêm nhiều kỷ lục mới. Các công ty chứng khoán đã đạt được kết quả kinh doanh vô cùng ấn tượng, hoàn thành những mục tiêu đầy tham vọng trong năm vừa qua.

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2021 của SHS đạt 2.900 tỷ đồng, tương đương 154% kế hoạch năm. Trong khi đó, tổng chi phí của Công ty trong năm là 1.147 tỷ đồng, chỉ vượt kế hoạch 1%. Nhờ vậy, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty năm 2021 đạt 1.752,9 tỷ đồng, xuất sắc vượt 233% kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao phó.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thay đổi	
				Chênh lệch	%
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.886,7	2.899,8	1.013,1	154%
2.	Tổng chi phí	1.135,5	1.146,9	11,4	101%
3.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	751,2	1.752,9	1.001,7	233%

So với năm trước

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Thay đổi	
			Số tiền	%
I. TỔNG DOANH THU trong đó:	2.899,8	1.808,5	1.091,3	60,34%
1. Doanh thu hoạt động	2.895,3	1.805,0	1.090,3	60,41%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.484,3	986,1	498,2	50,52%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	688,8	464	224,8	48,44%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	553,9	172,5	381,4	221,12%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	113,4	84,2	29,2	34,62%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	18,6	10,7	7,9	74,12%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	24,0	20,4	3,6	17,49%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	12,0	66,4	(54,4)	(81,93%)
- Doanh thu hoạt động khác	0,4	0,7	(0,3)	(38,21%)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Thay đổi	
			Số tiền	%
2. Doanh thu tài chính	3,9	3,3	0,6	17,66%
3. Thu nhập khác	0,6	0,2	0,4	216,80%
II. TỔNG CHI PHÍ trong đó:	1.146,9	869,6	277,3	31,89%
1. Chi phí hoạt động	832,9	590,2	242,7	41,12%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	164,9	82,2	82,7	100,64%
3. Chi phí tài chính	149,1	197,2	(48,1)	(24,40%)
4. Chi phí khác	-	-	-	-
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	1.752,9	938,9	814,0	86,70%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN trong đó:	356,6	184,6	172,0	93,19%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	316,5	73,9	242,6	328,25%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	40,2	110,7	(70,5)	(63,72%)
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	1.396,3	754,3	642,0	85,11%

Về doanh thu:

Tổng doanh thu hoạt động của Công ty trong năm 2021 đạt 2.899,8 tỷ đồng, tăng 1.091,3 tỷ đồng tương đương 60,3% so với cùng kỳ năm trước. So với năm 2020, hầu hết các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều ghi nhận tăng trưởng mạnh. Cụ thể:

- **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng doanh thu năm 2021** với mức tăng 498,2 tỷ đồng, tương đương 50,5% so với cùng kỳ năm trước. Có được kết quả này do Công ty đã nhận định đúng tình hình thị trường và xu hướng giá cổ phiếu trên sàn niêm yết để có những lựa chọn đầu tư phù hợp, mang lại hiệu quả cao.
- **Doanh thu môi giới chứng khoán tăng 381,4 tỷ đồng, tương đương tăng 221% so với năm 2020.** Mặc dù đối mặt với cạnh tranh khốc liệt về thị phần môi giới với các công ty chứng khoán, SHS đã tập trung các nguồn lực để từng bước phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ và đã đạt được tăng trưởng doanh thu ấn tượng. Ngoài ra, thanh khoản toàn thị trường tăng cao cũng là yếu tố hỗ trợ rất lớn cho hoạt động môi giới của Công ty hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh trong năm 2021.
- **Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu đạt 688,8 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước.** Trong năm 2021, quy mô cho vay của Công ty đã tăng lên đáng kể nhờ nguồn vốn được bổ sung từ phát hành tăng vốn điều lệ thành công 1.180 tỷ đồng trong giai đoạn 06 tháng cuối năm 2021 và huy

động từ các nguồn khác. Cùng với nỗ lực khai thác, quản trị nguồn vốn hợp lý và tốc độ tăng trưởng của hoạt động môi giới, hoạt động cho vay và phải thu sẽ tiếp tục mang lại nguồn thu nhập ổn định và tiềm năng tăng trưởng bền vững cho Công ty trong thời gian tới.

- **Các mảng hoạt động còn lại cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu: đại lý phát hành chứng khoán (tăng 35%), tư vấn đầu tư chứng khoán (tăng 74%) và lưu ký chứng khoán (tăng 17%).** Riêng mảng hoạt động tư vấn tài chính ghi nhận mức doanh thu 12 tỷ đồng năm 2021, giảm 82% so với năm trước. Nguyên nhân chính là do sự thắt chặt các quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và tín dụng ngân hàng dành cho khách hàng đầu tư chứng khoán dẫn đến quy mô cho vay của các tổ chức tín dụng giảm, ảnh hưởng tới doanh thu tư vấn đầu tư của SHS.

Về chi phí:

Tổng chi phí năm 2021 của Công ty là 1.146,9 tỷ đồng, vượt kế hoạch 1% và tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

- **Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 832,9 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2020.** Chi phí hoạt động tăng chủ yếu liên quan đến của các hoạt động môi giới, tự doanh... như phí giao dịch, phí lưu ký, chi phí lương nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, dự phòng tài sản tài chính... Mức tăng phù hợp với tỷ lệ tăng doanh thu của các nghiệp vụ tương ứng.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 82,7 tỷ đồng so với năm trước, đạt 164,9 tỷ đồng** chủ yếu do tăng chi phí lương bộ phận quản lý doanh nghiệp và chi phí dự phòng. Chi phí chi phí quản lý tăng nhưng vẫn được kiểm soát tốt, linh hoạt, tiết kiệm và hiệu quả trong phạm vi kế hoạch chi phí đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.
- **Chi phí tài chính đạt 149,1 tỷ đồng, giảm 24,4% so với năm 2020.** Mặc dù dư nợ các khoản vay, trái phiếu phát hành cuối năm 2021 cao hơn nhiều so với năm 2020 nhưng chi phí lãi vay và lãi trái phiếu của Công ty giảm mạnh. Trong năm qua, Công ty

đã tăng vốn thành công, khai thác tốt nguồn vốn vay ngắn hạn với lãi suất thấp, tận dụng điều kiện vốn rẻ của thị trường, giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế:

Với tăng trưởng tổng doanh thu năm 2021 vô cùng ấn tượng và tổng chi phí được kiểm soát tốt, Công ty đã ghi nhận lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 là 1.752,9 tỷ đồng, tăng 814 tỷ đồng tương đương 86,7% so với năm 2020. Sau khi trừ các khoản chi phí thuế, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 1.396,3 tỷ đồng, tăng 642 tỷ đồng so với năm 2020.

► Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình tài sản

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2020		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.839,0	99,3%	6.857,7	99,0%	3.981,3	58,1%
Tiền và các khoản tương đương tiền	652,0	6,0%	653,0	9,4%	(1,0)	(0,2%)
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.403,3	31,2%	2.665,7	38,5%	737,6	27,7%
Các khoản phải thu	6.779,3	62,1%	3.536,1	51,0%	3.243,2	91,7%
Tài sản ngắn hạn khác	4,5	0,0%	2,9	0,0%	1,6	54,1%
TÀI SẢN DÀI HẠN	71,8	0,7%	72,0	1,0%	(0,2)	(0,2%)
Tài sản cố định	14,1	0,1%	4,4	0,1%	9,7	220,5%
Tài sản dài hạn khác	57,7	0,5%	67,6	1,0%	(9,9)	(14,6%)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.910,9	100,0%	6.929,7	100,0%	3.981,2	57,5%



Về cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 đạt mức cao kỷ lục: 10.911 tỷ đồng, tăng 3.981 tỷ đồng tương đương 57,5% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 chiếm 99,3% tổng tài sản, tăng nhẹ 0,3% so với năm 2020. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu gồm:

- **Các khoản đầu tư ngắn hạn chiếm 31,2% tổng tài sản, tăng 27,7% so với cùng kỳ năm trước.** Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của ngân hàng và doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng....
- **Các khoản phải thu ngắn hạn với số tiền 6.779,3 tỷ đồng, tỷ trọng tăng từ 51% (năm 2020) lên 62,1% tổng tài sản.** Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm: phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác.
- **Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chiếm 6% tổng tài sản,** bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Về biến động tài sản so với năm 2020

Tổng tài sản năm 2021 của Công ty tăng 57,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản thay đổi không đáng kể. Cụ thể như sau:

Tài sản ngắn hạn:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2021 tăng 737,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020. Công ty đã tận dụng tình hình thị trường thuận lợi và mở rộng thêm danh mục đầu tư vào các cổ phiếu tốt..
- Các khoản phải thu tăng nhanh từ 3.536 tỷ đồng năm 2020 lên 6.780 tỷ đồng năm 2021, tương đương mức tăng 91,7%. Hoạt động cho vay kỳ quỹ đã tăng trưởng mạnh mẽ từ cuối năm 2020, đặc biệt trong Quý 4.2020. Đến năm 2021, hoạt động này tiếp tục được bổ sung nguồn tiền từ lần tăng vốn điều lệ thành công của Công ty nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng. Dù dư nợ margin tăng trưởng cao, Công ty vẫn duy trì chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời để bảo đảm an toàn vốn.

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu gồm tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các khoản mục này được duy trì ổn định ở mức 72 tỷ đồng, chiếm dưới 1% tổng tài sản.

Về cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 10.910,9 tỷ đồng, tăng 3.981 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2020. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 6.055,6 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ ngày thành lập Công ty. Vốn chủ sở hữu và nợ phải trả chiếm lần lượt 55,5% và 44,5% tổng nguồn vốn.

Nợ phải trả của Công ty bao gồm:

- **Nợ ngắn hạn: đạt 4.204,7 tỷ đồng, chiếm 38,5% tổng nguồn vốn.** Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và trái phiếu phát hành với thời hạn còn lại dưới 1 năm chiếm 80% số dư phải trả ngắn hạn. Còn lại là các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả Nhà nước, phải trả cho người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác...
- **Nợ dài hạn: đạt 650,6 tỷ đồng, chiếm 6% tổng nguồn vốn.** Nợ dài hạn chủ yếu là trái phiếu phát hành dài hạn và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Vốn chủ sở hữu bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: đạt 3.742,3 tỷ đồng, chiếm 34,3% tổng nguồn vốn, bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối: với số tiền 2.313,3 tỷ đồng, chiếm 21,2% tổng nguồn vốn, bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, các quỹ khác và lợi nhuận chưa phân phối.

Về biến động nguồn vốn so với năm 2020

Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2021 là 10.929,7 tỷ đồng, tăng 57,5% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tăng nợ phải trả 1.152 tỷ đồng và tăng vốn chủ sở hữu 2.829 tỷ đồng. Cụ thể:

- **Nợ phải trả tăng do tăng nợ ngắn hạn.** Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn tăng 1.261,7 tỷ đồng tương đương 42,9%, chủ yếu do Công ty tăng cường vay nợ ngân hàng và phát hành trái phiếu riêng lẻ nhằm giảm chi phí vốn. Nợ phải trả dài hạn giảm nhẹ 110 tỷ đồng, do Công ty giảm quy mô trái phiếu dài hạn.
- **Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng mạnh 87,7%.** Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ thành công từ 2.072,7 tỷ đồng lên 3.252,7 tỷ đồng thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chia cổ tức bằng cổ phiếu và theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối tăng 1.382 tỷ đồng tương đương tăng 148,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình nguồn vốn

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2020		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	%
NỢ PHẢI TRẢ	4.855,3	44,5%	3.703,4	53,4%	1.151,9	31,1%
Nợ phải trả ngắn hạn	4.204,7	38,5%	2.943,0	42,5%	1.261,7	42,9%
Nợ phải trả dài hạn	650,6	6,0%	760,4	10,9%	(109,8)	-14,4%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	6.055,6	55,5%	3.226,3	46,6%	2.829,3	87,7%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.742,3	34,3%	2.295,3	33,1%	1.447,0	63,0%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	2.313,3	21,2%	931,0	13,4%	1.382,3	148,5%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10.910,9	100,0%	6.929,7	100,0%	3.981,2	57,5%

► Báo cáo các chỉ tiêu tài chính quan trọng

Chỉ tiêu	2021	2020	Tăng/Giảm
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	15,5%	22,2%	(6,7%)
Hệ số thanh toán hiện hành	257,8%	233,0%	24,8%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	44,5%	53,4%	(8,9%)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	80,2%	114,8%	(34,6%)
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu	0,6	0,3	0,3
Vòng quay vốn lưu động	0,5	0,4	0,1
Vòng quay tổng tài sản	0,3	0,2	0,1
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	71,2%	67,3%	3,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	60,4%	52,0%	8,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	48,2%	41,8%	6,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	30,1%	25,5%	4,6%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	15,7%	11,6%	4,1%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng)	5.795,0	3.475,0	2.146,0
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	386,62%	347,93%	38,69%

Trong các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của SHS năm 2021, hệ số thanh toán hiện hành > 2 lần và tăng so với năm 2020, hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ. Các chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của SHS ổn định và có xu hướng tốt hơn qua các năm. Khả năng thanh toán bằng các tài sản thanh khoản cao còn hạn chế và cần được cải thiện trong tương lai.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của SHS trong năm 2021 đều giảm xuống cho thấy mức độ chủ động hơn về vốn tự có của Công ty so với năm trước. Trên thực tế, SHS đã ghi nhận một năm kinh doanh thành công nhất trong lịch sử đồng thời thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn, nhờ đó nâng cao năng lực về nguồn vốn của Công ty.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty như: vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản năm 2021 về cơ bản là ổn định, và cải thiện so với năm 2020.

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của SHS tiếp tục tăng, cho thấy Công ty đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí và đạt được kết quả kinh doanh tốt. Đặc biệt, SHS tiếp tục lọt Top các công ty có chỉ số ROE, ROA cao nhất ngành chứng khoán trong năm 2021.

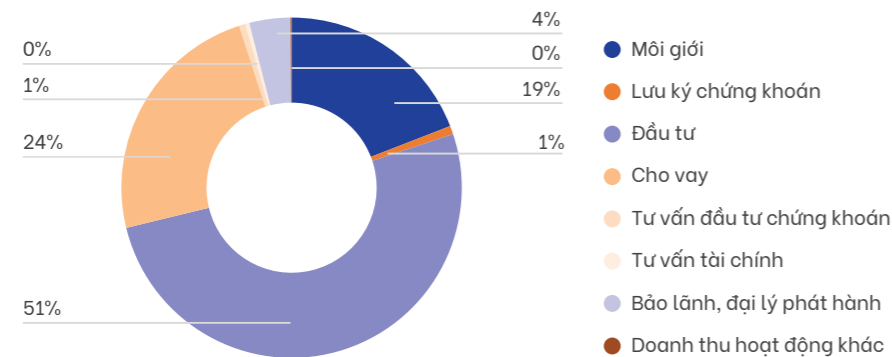
Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2021 đạt 374,3%, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm trước cho thấy mức độ an toàn tài chính của Công ty đã được cải thiện đáng kể.



► Báo cáo về các mặt hoạt động của Công ty

Cơ cấu doanh thu năm 2021 của Công ty

(Đơn vị: tỷ đồng)



Hầu hết các mảng kinh doanh của Công ty đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng và hiệu quả hoạt động cao. Cụ thể như sau:

Đầu tư

Kết quả hoạt động năm 2021

Hoạt động đầu tư tiếp tục dẫn đầu về kết quả hoạt động trong các mảng kinh doanh của Công ty trong năm 2021 với 1.484,3 tỷ đồng doanh thu, thực hiện vượt 68,5% kế hoạch và tăng 50,5% so với năm trước.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	2020	2021		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2020	% so với kế hoạch năm 2021
Đầu tư	986,1	1.484,3	880,8	50,52%	168,5%

Nhiều khoản đầu tư mang lại hiệu quả cao:

Danh mục cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết: DGC, TCB, SSI, STB...

Danh mục trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết gồm: Trái phiếu các tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp.

Quy mô đầu tư được mở rộng, cơ cấu đầu tư có sự thay đổi tích cực

Tại thời điểm 31/12/2021, danh mục đầu tư của Công ty có giá trị 2.377,3 tỷ đồng, tăng 287,1 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2020.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2021	Tại 31/12/2021	Thay đổi	
			Số tiền	%
GIÁ MUA	2.090,2	2.377,3	287,1	13,7%
Tài sản FVTPL	1.906,7	2.201,9	295,2	15,5%
Cổ phiếu niêm yết	1.310,7	1.710,7	400,0	30,5%
Cổ phiếu chưa niêm yết	284,9	200,9	(84,0)	(29,3%)
Cổ phiếu hủy niêm yết	1,5	1,5	-	-
Trái phiếu niêm yết	-	34,3	34,3	100,0%
Trái phiếu chưa niêm yết	309,6	254,5	(55,1)	(17,8%)
Tài sản AFS	183,5	175,4	(8,1)	(4,4%)
Cổ phiếu niêm yết	183,5	175,4	(8,1)	(4,4%)

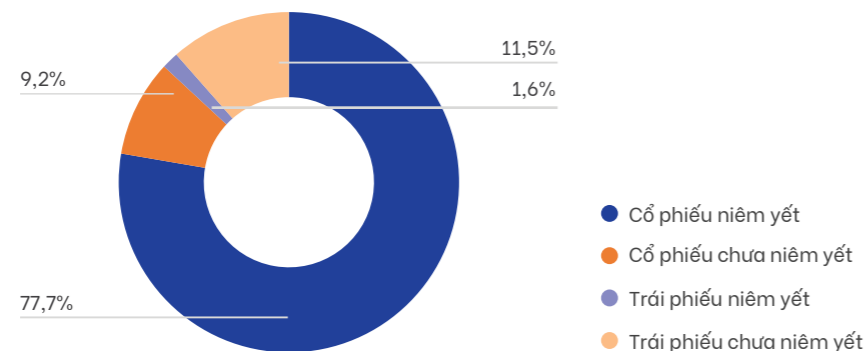
Định hướng của Công ty là đầu tư chọn lọc vào các Công ty đầu ngành, định giá hợp lý, có tính thanh khoản, có nền tảng tài chính vững chắc, tiềm năng tăng trưởng cao và an toàn. Trong năm 2021, bộ phận Đầu tư đã thực hiện các phân tích doanh nghiệp chuyên sâu, kết hợp với đánh giá, dự báo đúng tình hình thị trường và xu hướng giá chứng khoán để đưa ra quyết định phù hợp để tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro đầu tư. Công ty cũng giảm tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, chú trọng vào các sản phẩm thu nhập cố định như: trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết như trái phiếu Chính phủ, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn... Tại thời điểm cuối năm 2021, Công ty đã hiện thực hóa lợi nhuận của phần lớn các khoản đầu tư này.

(Đơn vị: tỷ đồng)

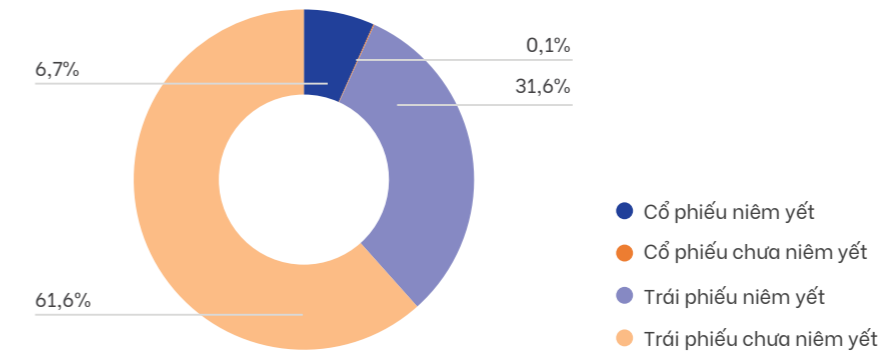
Chỉ tiêu	Tại 01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2021
GIÁ MUA	2.090,2	72.165,3	71.878,2	2.377,4
Tài sản FVTPL	1.906,7	72.165,3	71.870,0	2.201,9
Cổ phiếu niêm yết	1.310,7	4.857,6	4.457,6	1.710,7
Cổ phiếu chưa niêm yết	284,9	78,0	162,0	200,9
Cổ phiếu hủy niêm yết	1,5	-	-	1,5
Trái phiếu niêm yết	-	22.785,8	22.751,5	34,3
Trái phiếu chưa niêm yết	309,6	44.443,9	44.499,0	254,5
Tài sản AFS	183,5	-	8,1	175,4
Cổ phiếu niêm yết	183,5	-	8,1	175,4
CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ	575,5	429,5	(20,9)	1.025,9
Tài sản FVTPL	298,0	179,9	(20,9)	498,8
Tài sản AFS	277,5	249,6	-	527,1
Tổng cộng	2.665,7	72.594,8	71.857,3	3.403,3

Cổ phiếu niêm yết chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư của Công ty, với tỷ trọng 77,7% tại ngày 31/12/2021, tiếp theo là trái phiếu chưa niêm yết, đạt 11,6%. Cổ phiếu chưa niêm yết chiếm tỷ trọng 9,2%, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

	Quy mô đầu tư tại ngày 31/12/2021 (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư
Cổ phiếu niêm yết	1.710,7	77,7%
Cổ phiếu chưa niêm yết	200,9	9,1%
Cổ phiếu hủy niêm yết	1,5	0,1%
Trái phiếu niêm yết	34,3	1,6%
Trái phiếu chưa niêm yết	254,5	11,6%
Tổng cộng	2.201,9	100,0%



Tính chung cả năm, quy mô đầu tư của Công ty chủ yếu tập trung vào trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết. Tổng số tiền đầu tư năm 2021 của Công ty vào trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết chiếm lần lượt 31,6% và 61,6%. Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết chỉ chiếm 6,7% và 0,1%.



Dịch vụ tài chính

Kết quả hoạt động năm 2021

(Đơn vị: tỷ đồng)

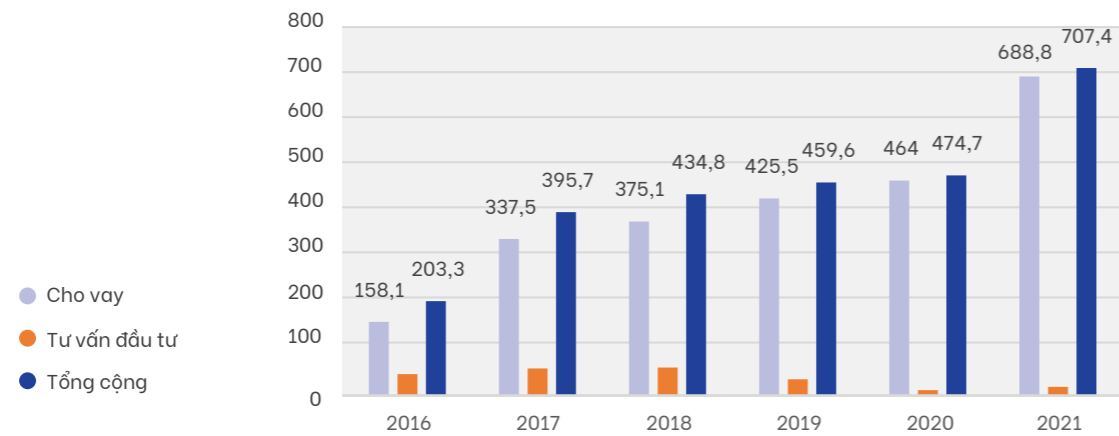
Doanh thu	2020	2021		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2020	% so với kế hoạch năm 2021
Cho vay	464,0	688,8	456,0	48,4%	151,1%
Tư vấn đầu tư	10,7	18,6	17,7	73,8%	105,1%
Tổng cộng	474,7	707,4	473,7	49%	149,3%

Nhờ sử dụng hiệu quả các nguồn lực, hoạt động dịch vụ tài chính là nguồn doanh thu lớn thứ hai của Công ty, chỉ sau hoạt động đầu tư. Năm 2021, doanh thu dịch vụ tài chính ghi nhận 707,4 tỷ đồng, bằng 149,3% kế hoạch và tăng 49% so với năm trước. Cả hai hoạt động cho vay margin truyền thống và tư vấn đầu tư, quản lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay của nhà đầu tư của Công ty đều tăng trưởng mạnh so với năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Công ty đã tích cực triển khai nhiều giải pháp từ phát triển sản phẩm, cải tiến về công nghệ, quản trị rủi ro và hoàn thiện quy trình, nghiệp vụ. Cụ thể, về sản phẩm, nhiều loại hình và chính sách ưu đãi được xây dựng phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong từng giai đoạn của thị trường nhằm tối đa hóa giá trị mang lại cho khách hàng. Về công nghệ, các bộ phận có liên quan đã phối hợp để hoàn thành việc chuyển đổi hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, tiến tới triển khai nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán giúp nâng cao tốc độ xử lý nghiệp vụ, giảm lỗi phát sinh, đồng thời tạo điều kiện cho việc quản trị và phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính hiệu quả hơn trong tương lai. Về quản trị rủi ro, cơ cấu dư nợ được cân đối phù hợp với tình hình thị trường, chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ, giải chấp được cơ cấu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ khung quản trị rủi ro của Công ty. Hệ thống quy trình nghiệp vụ hiện tại cũng đang được rà soát, đánh giá để cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động.

Doanh thu dịch vụ tài chính đã liên tục tăng trưởng trong suốt 5 năm qua, trong đó doanh thu năm 2021 gấp 4,4 lần so với năm 2016. Trong cơ cấu doanh thu năm 2021, doanh thu từ hoạt động cho vay chiếm 23,8%, doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chiếm 0,6%. Tổng hợp 2 hoạt động, doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 24,4% tổng doanh thu của Công ty.

(Đơn vị: tỷ đồng)



Quy mô cho vay tăng trưởng mạnh nhờ nguồn vốn mới được bổ sung

(Đơn vị: tỷ đồng)

Phải thu dịch vụ tài chính	31/12/2021	1/1/2021	Thay đổi	
			Số tiền	%
Giao dịch ký quỹ	4.863,0	1.778,9	3.084,1	173,4%
Ứng trước tiền bán chứng khoán	954,0	392,8	561,2	142,9%
Hợp tác kinh doanh chứng khoán	434,6	427,8	6,8	1,6%
Hoạt động giao dịch chứng khoán khác	690,5	1.171,1	(480,6)	(41,0%)
Tổng cộng	6.942,1	3.770,6	3.171,5	84,1%

Tại thời điểm 31/12/2021, phải thu các dịch vụ tài chính của Công ty đạt 6.942,1 tỷ đồng, tăng 3.171,5 tỷ đồng tương đương 84,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phải thu cho vay margin đạt 4.863 tỷ đồng và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 954 tỷ đồng, tăng lần lượt 173,4% và 142,9% so với cùng kỳ năm trước. Riêng phải thu về các hoạt động giao dịch chứng khoán khác giảm đáng kể 41%, về mức 690,5 tỷ đồng.



Môi giới và Lưu ký

Kết quả hoạt động năm 2021:

(Đơn vị: tỷ đồng)

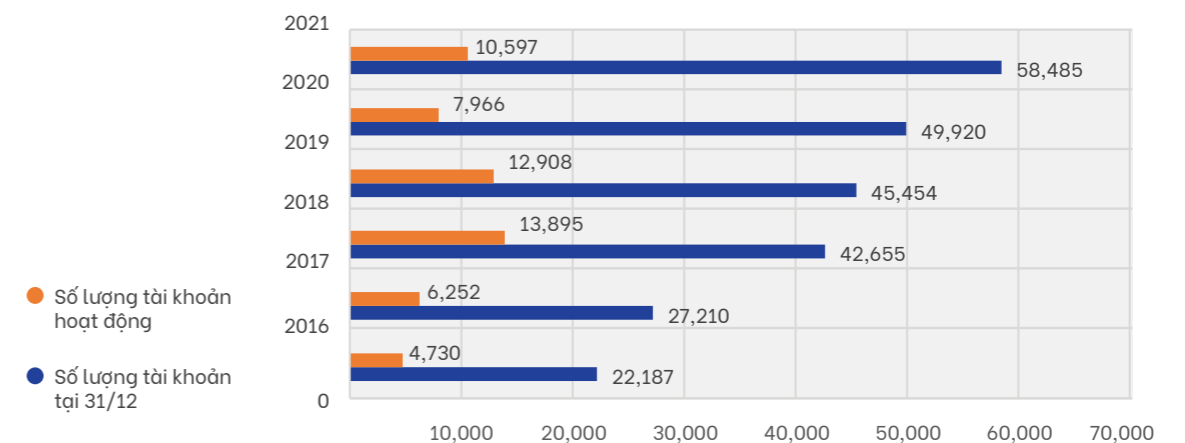
Doanh thu	2020	2021		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2020	% so với kế hoạch năm 2021
Môi giới	172,5	553,9	376,3	221,1%	147,2%
Lưu ký	20,4	24,0	19,8	17,5%	121,1%
Tổng cộng	192,9	577,9	396,1	199,6%	145,9%

Tốc độ tăng trưởng doanh thu môi giới dẫn đầu trong số các mảng hoạt động của Công ty

Năm 2021, hoạt động môi giới và lưu ký chiếm 20% tổng doanh thu của SHS, tăng trưởng 200% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 145,9% kế hoạch năm 2021. Thanh khoản toàn thị trường liên tục xác lập những đỉnh cao mới, số lượng tài khoản chứng khoán mở mới đạt mức kỷ lục cùng dòng tiền mạnh mẽ từ các nhà đầu tư trong nước dồn dập đổ vào thị trường là những nhân tố vô cùng thuận lợi để hoạt động môi giới của Công ty có sự tăng trưởng ấn tượng trong năm vừa qua.

Số lượng tài khoản quản lý tăng mạnh

Số lượng tài khoản mở mới năm 2021 tại SHS đã tăng 8.759 tài khoản, tương đương tăng 96% so với năm trước. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số lượng tài khoản tại SHS đạt trên 58 nghìn tài khoản, trong đó số lượng tài khoản hoạt động đạt 18,1%.



Nhiều giải pháp để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ đang được triển khai

Ngoài ảnh hưởng tích cực từ các yếu tố thị trường, SHS đã tích cực triển khai nhiều giải pháp để mở rộng quy mô và cải thiện chất lượng dịch vụ. Cụ thể:

- Phát triển mạng lưới kinh doanh, bổ sung thêm nhân sự môi giới để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc khách hàng như: hỗ trợ linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính theo yêu cầu của từng khách hàng; tăng cường thăm hỏi, tri ân khách hàng...
- Nghiên cứu, phát triển các chức năng cho hệ thống phần mềm mới của giai đoạn 2 nâng cấp phần mềm core, chuẩn bị ra mắt sản phẩm phái sinh mới trong năm 2022;
- Đẩy mạnh hoạt động bán chéo sản phẩm: sản phẩm dịch vụ môi giới chứng khoán với sản phẩm Trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm khác;
- Thực hiện các chương trình gắn kết nhân viên nhằm ổn định đội ngũ nhân sự môi giới, giảm thiểu chảy máu nhân sự trước áp lực thu hút từ các công ty đối thủ cạnh tranh.



Tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành

Kết quả hoạt động năm 2021

Doanh thu	2020	2021		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2020	% so với kế hoạch năm 2021
Bảo lãnh và đại lý phát hành	84,2	113,4	70,0	34,7%	162,0%
Tư vấn tài chính	66,4	12	60,5	(81,9%)	19,8%
Tổng cộng	150,6	125,4	130,5	(16,7%)	96,1%

Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của các Công ty chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và sự giảm tốc của nền kinh tế. Năm 2021, các hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục trầm lắng, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tính chung cả năm 2021, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 125,4 tỷ đồng, giảm 16,7% so với năm trước và đạt 96% kế hoạch năm.

Hoạt động tư vấn và đại lý phát hành của Công ty là điểm sáng khi ghi nhận doanh thu tăng trưởng 34,7% so với năm 2020, tương đương 162% kế hoạch năm 2021.

Hoạt động tư vấn niêm yết và phát hành chứng khoán đã ghi nhận nhiều thương vụ tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng thành công, điển hình là phát hành cho Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (TEG), Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (PHC), niêm yết cho Công ty CP Đầu tư tài chính Licogi 14 (LFI), Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (HMR)... Hoạt động này đang nhận được sự quan tâm lớn, đánh giá cao từ thị trường và dự kiến sẽ được SHS chú trọng phát triển hơn nữa trong năm 2022.

Nguồn vốn

Kết quả hoạt động năm 2021

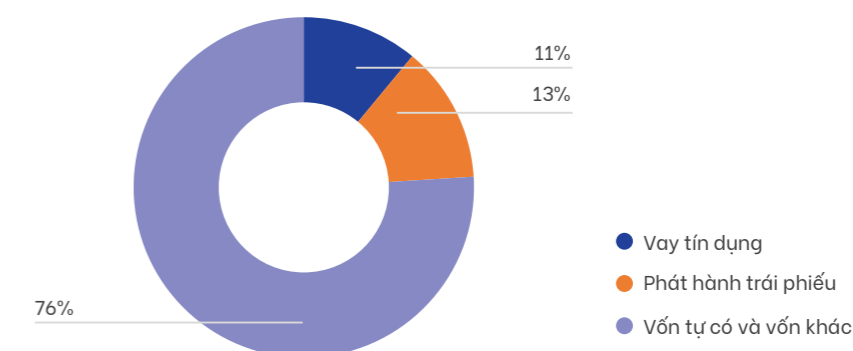
Hoạt động cân đối nguồn vốn

- Công ty đã đảm bảo về thanh khoản cho toàn bộ hệ thống của Công ty trong năm 2021.
- Đã đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng.

Hoạt động huy động nguồn vốn

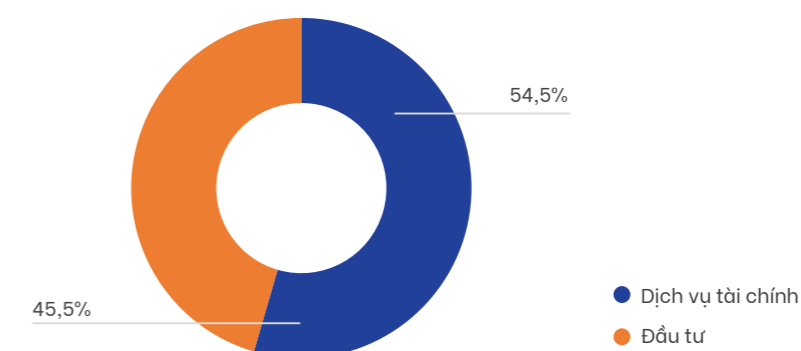
Trong năm 2021, nguồn vốn huy động của Công ty bình quân là 11.370 tỷ đồng, gấp 1,9 lần so với năm trước. Các nguồn vốn được huy động bao gồm:

- Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng bình quân là 842 tỷ đồng, giảm 34,5% so với năm 2020 và chiếm tỷ trọng 11% tổng nguồn huy động toàn Công ty. SHS vẫn giữ được các mối quan hệ với các đối tác ngân hàng truyền thống như: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng Indovina Bank, Ngân hàng CTBC, Ngân hàng VPBank...
- Nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu bình quân là 997 tỷ đồng, tăng nhẹ 6,3% so với năm 2020 và chiếm 13% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Vào thời điểm cuối năm 2020, khi khả năng huy động nguồn từ các tổ chức tín dụng được mở rộng thì nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được cân đối lại theo hướng giảm tỷ trọng cho phù hợp với nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Nguồn vốn tự có và nguồn vốn khác bình quân là 5.848 tỷ đồng, chiếm 76% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Nguồn vốn này đã đóng góp không nhỏ giúp Công ty bảo đảm nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh, hỗ trợ tài chính kịp thời cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vốn của Công ty.



Hoạt động sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty trong năm 2021 được sử dụng chủ yếu cho hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty (5.521 tỷ đồng, tăng 111,5% so với năm trước, chiếm 54,5% tổng nguồn sử dụng), còn lại là hoạt động đầu tư (4.595 tỷ đồng, tăng 175,7% so với năm trước, chiếm 45,5% tổng nguồn sử dụng). Hoạt động sử dụng nguồn vốn trong năm 2021 tương đối hiệu quả theo hướng ưu tiên cho mảng dịch vụ tài chính và tự doanh, tận dụng các điều kiện thị trường thuận lợi và góp phần vào việc đảm bảo doanh thu kế hoạch của Công ty.



Công nghệ thông tin

Kết quả hoạt động năm 2021

Trong bối cảnh các công ty chứng khoán trên thị trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động và hệ thống phần mềm lõi chứng khoán của Công ty đang trong giai đoạn nâng cấp, hoạt động công nghệ thông tin của SHS trong năm 2021 vẫn đảm bảo các phần mềm hoạt động ổn định, hỗ trợ tốt cho các hoạt động kinh doanh và khách hàng. Dưới đây là các hoạt động công nghệ thông tin đã thực hiện trong năm 2021:

- Duy trì hệ thống phần mềm lõi chứng khoán hoạt động ổn định, đáp ứng các yêu cầu thay đổi, nâng cấp phần mềm của 2 SGDCK và TTLKCKVN.
- Triển khai đấu thầu, mua sắm thiết bị phần cứng và cài đặt thuộc dự án nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán
- Nâng cấp cơ sở dữ liệu Oracle 19C thuộc dự án nâng cấp phần mềm lõi giai đoạn 1.
- Chỉ định thầu phần mềm và ký hợp đồng thuộc dự án nâng cấp phần mềm lõi giai đoạn 1.
- Triển khai phần mềm web FTL tích hợp với phần mềm lõi hiện tại.
- Kết nối hệ thống quản lý trái phiếu SHS với hệ thống bán lẻ trái phiếu khối Ngân hàng đầu tư SHB, xây dựng gateway API, nghiệp vụ quản lý yêu cầu chuyển nhượng, mở tài khoản khách hàng từ SHB...
- Kết nối hệ thống quản lý trái phiếu với hệ thống phần mềm của Lienviet Post Bank: Xây dựng gateway API đăng ký mua sơ cấp, tiếp nhận yêu cầu và file hồ sơ.
- Bảo trì định kỳ hạ tầng phòng máy chủ đảm bảo môi trường hoạt động ổn định cho các thiết bị CNTT.

Phân tích

Kết quả hoạt động năm 2021

Các hoạt động phân tích trong năm 2021 đã góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động kinh doanh của các mảng nghiệp vụ chính của Công ty, đặc biệt là các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư. Dưới đây là các hoạt động phân tích của Công ty trong năm 2021:

- Phân tích vĩ mô: gồm phân tích tổng quan vĩ mô và thị trường năm 2020, triển vọng 2021 phục vụ cho công tác kế hoạch kinh doanh năm và phân tích tình hình và đánh giá tác động của dịch Covid -19.
- Phân tích ngành: gồm phân tích ngành chứng khoán, thủy sản và ngành dệt may...



- Cung cấp bản tin thị trường: Duy trì bản tin nhận định hàng ngày, hàng tuần; Bản tin cập nhật tình hình tài chính, vĩ mô trong nước và quốc tế kèm khuyến nghị cổ phiếu đầu tư hàng ngày trước giờ giao dịch.
- Tư vấn đầu tư nhằm hỗ trợ hoạt động môi giới và đầu tư.
- Phối hợp với bộ phận Kế hoạch và Phát triển thị trường duy trì hoạt động trả lời báo, đài về các nhận định liên quan đến TTCK.
- Gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp, khách hàng tổ chức như: FPT, HPG, VPB, TCB, PVPower, AGG, FRT, PVT, HDG...
- Hoạt động theo dõi và điều chỉnh mã, room cho vay chứng khoán...

Pháp chế

Kết quả hoạt động năm 2021

Pháp chế là hoạt động ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của SHS. Trong năm 2021, hoạt động pháp chế đã đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ tất cả các hoạt động quan trọng của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính, đầu tư.... Ngoài ra, đứng trước những sự thay đổi lớn của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2020 và các văn bản hướng dẫn, pháp chế đã tập trung phối hợp với các phòng ban, nghiệp vụ nghiên cứu định hướng của Cơ quan quản lý Nhà nước để tư vấn cho Ban TGD thực hiện các công việc chuẩn bị cần thiết nhằm định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Dưới đây là các công việc điển hình của hoạt động pháp chế trong năm 2021:

- Tư vấn các vấn đề về pháp lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty cho Ban TGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty để Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, an toàn và hiệu quả.
- Soạn thảo và hỗ trợ soạn thảo các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty theo yêu cầu của Ban TGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty.
- Rà soát, soát xét và cho ý kiến pháp lý về các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty.

- Rà soát và phối hợp với các phòng ban, chi nhánh chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, các mẫu biểu của toàn Công ty.
- Rà soát, đề xuất, soạn thảo các giấy ủy quyền và theo dõi việc thực hiện ủy quyền trong Công ty.
- Hỗ trợ thực hiện Hồ sơ liên quan tới việc xin cấp mới/điều chỉnh Giấy phép thành lập, hoạt động của các Đơn vị và của Công ty.
- Cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật trong toàn Công ty và xây dựng các bản tin pháp luật.
- Tham gia các hội thảo pháp lý do cơ quan Nhà nước chủ trì, đóng góp/gửi văn bản đóng góp ý kiến.
- Ban hành danh mục rủi ro SHS, quy định tính hạn mức rủi ro, các mẫu biểu QLRR áp dụng nội bộ; triển khai kiểm soát các rủi ro trọng yếu và lập báo cáo quản trị rủi ro;
- Xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức có chức năng hỗ trợ công tác pháp chế.

Xử lý nợ xấu

Kết quả hoạt động năm 2021

Tổng giá trị phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 551,7 tỷ đồng. Trong năm, Công ty trích lập bổ sung 48,1 tỷ đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng 49,8 tỷ đồng. Tổng số dư dự phòng phải thu khó đòi của Công ty đến thời điểm cuối năm 2021 đạt 464,4 tỷ đồng. Tỷ lệ số dư dự phòng/Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2021 là 84,2% tương đương với các năm trước, tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/Giá trị phải thu khó đòi tăng lên 8,7%.

Năm	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dư dự phòng cuối năm	Tỷ lệ số dư dự phòng/ Giá trị phải thu khó đòi	Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/ Giá trị phải thu khó đòi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[3]+[4]-[5]	[7]=[6]/[2]	[8]=[4]/[2]
2021	551,7	466,1	48,1	49,8	464,4	84,2%	8,7%
2020	553,9	442,1	35,0	11,0	466,1	84,1%	6,3%
2019	520,6	432,8	14,2	4,9	442,1	84,9%	2,7%
2018	495,5	266,7	168,9	2,8	432,8	87,3%	3,6%
2017	360,2	280,3	6,2	19,8	266,7	74,0%	1,7%
2016	343,6	275,6	6,4	1,7	280,3	81,6%	1,9%

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2021 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, hoàn thiện công tác theo dõi xử lý nợ xấu, phối hợp với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân liên quan đôn đốc khách hàng trả nợ.

► Báo cáo về tình hình đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư

Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư tài chính

Xem Mục Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc → Báo cáo các mặt hoạt động của Công ty → Đầu tư.

Đầu tư dự án

Công ty không có các khoản đầu tư dự án nào trong năm 2021.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào trong năm 2021.

► Những tiến bộ trong năm

Tăng vốn điều lệ lên 3.252,7 tỷ đồng

Năm 2021, SHS đã triển khai thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.252,7 tỷ đồng, thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, phát hành cổ phiếu thưởng 5% và phát hành 4 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Đây là một dấu mốc lớn cho thấy sự lớn mạnh về tiềm lực tài chính của công ty. Nguồn vốn mới bổ sung được kỳ vọng sẽ tạo thêm tiền đề tốt để SHS tiếp tục phát triển trong trung hạn.

Phát hành thành công 1.010 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp

Cũng trong năm 2021, SHS đã phát hành thành công 3 đợt trái phiếu riêng lẻ với quy mô huy động 1.010 tỷ đồng. Việc phát hành thành công 3 đợt trái phiếu này với chi phí vốn thấp đã góp phần làm giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHS. Các nhà đầu tư mua trái phiếu hầu hết là các ngân hàng, tổ chức lớn, cho thấy SHS ngày càng khẳng định uy tín và vị thế trên thị trường.

Bứt phá trong kinh doanh

Năm 2021, SHS chính thức đặt chân vào câu lạc bộ các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng. Có được kết quả này là nhờ trong bối cảnh cuối năm 2019, Ban lãnh đạo Công ty đã nhận định đúng tình hình thực tế “trong nguy có cơ” - mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhưng nguồn vốn giá rẻ sẽ là động lực thúc đẩy thị trường cổ phiếu niêm yết và thị trường trái phiếu doanh nghiệp, các nhà đầu tư cá nhân sẽ là “làn gió mới” cho thị trường chứng khoán. SHS đã nhìn nhận thấu đáo những cơ hội của thị trường để đưa ra các giải pháp đồng bộ nhằm xoay chuyển nghịch cảnh. Theo đó, SHS đã tập trung vào phát triển mảng môi giới khách hàng cá nhân, tăng cường các hoạt động đầu tư trên sàn niêm yết và cung cấp các giải pháp

đồng bộ từ môi giới, lưu ký, tự doanh, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

2021 cũng là năm đầu tiên SHS và Tổng Giám đốc Vũ Đức Tiến được vinh danh trong top “Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á” và “Doanh nhân xuất sắc Châu Á” do APEA - Chương trình Giải thưởng kinh doanh uy tín hàng đầu Khu vực Châu Á đánh giá và bình chọn. Đây không chỉ là vinh dự đối với Công ty và Tổng Giám đốc mà còn thể hiện sự ghi nhận của thị trường đối với những kết quả, thành tích của Công ty và nỗ lực chỉ đạo, điều hành không ngừng nghỉ của nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong thời gian qua.

Cải thiện chất lượng quản trị doanh nghiệp

Các hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục đi vào chiều sâu trên cơ sở có sự định hướng xuyên suốt nhằm nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và các thông lệ quản trị hiện đại. Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường nhằm bảo vệ những thành quả đạt được của hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quan hệ cổ đông, báo cáo và công bố thông tin ngày càng được chuẩn hóa góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Bám sát các mục tiêu phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI, SHS ngày càng chú trọng, quan tâm tới lợi ích của các bên liên quan mà trọng tâm là các hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Năm 2021, hoạt động đóng góp cho cộng đồng của SHS đã tăng 47% so với năm trước (*Vui lòng xem Mục Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021*).

Với định hướng xuyên suốt trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán châu Á, SHS coi trọng việc minh bạch thông tin cũng như tiếp tục đầu tư bài bản cho ấn phẩm Báo cáo thường niên với mong muốn truyền tải đi các thông tin đầy đủ nhất về Công ty cũng như thông điệp về sự phát triển bền vững trên cơ sở gắn kết hài hòa với lợi ích của các bên liên quan.

► Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2021, Công ty đã triển khai áp dụng thành công cơ chế tính lương theo KPI, giúp cải thiện hiệu quả lao động, tăng thu nhập bình quân nhân viên và góp phần ổn định bộ máy nhân sự. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên rà soát chất lượng, hiệu quả công việc để hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý nhằm đưa ra các cải tiến, điều chỉnh phù hợp để tối ưu hóa năng suất lao động. Do vậy, hiệu quả kinh doanh tính trên đầu nhân sự của Công ty tiếp tục tăng cao, thuộc Top cao nhất trên thị trường.

Cụ thể, tỷ lệ doanh thu và thu nhập khác/Số lượng nhân viên tăng 44,7% so với năm 2020, từ mức 8,5 tỷ đồng/nhân viên năm 2020 tăng lên 12,6 tỷ đồng/nhân viên năm 2021.

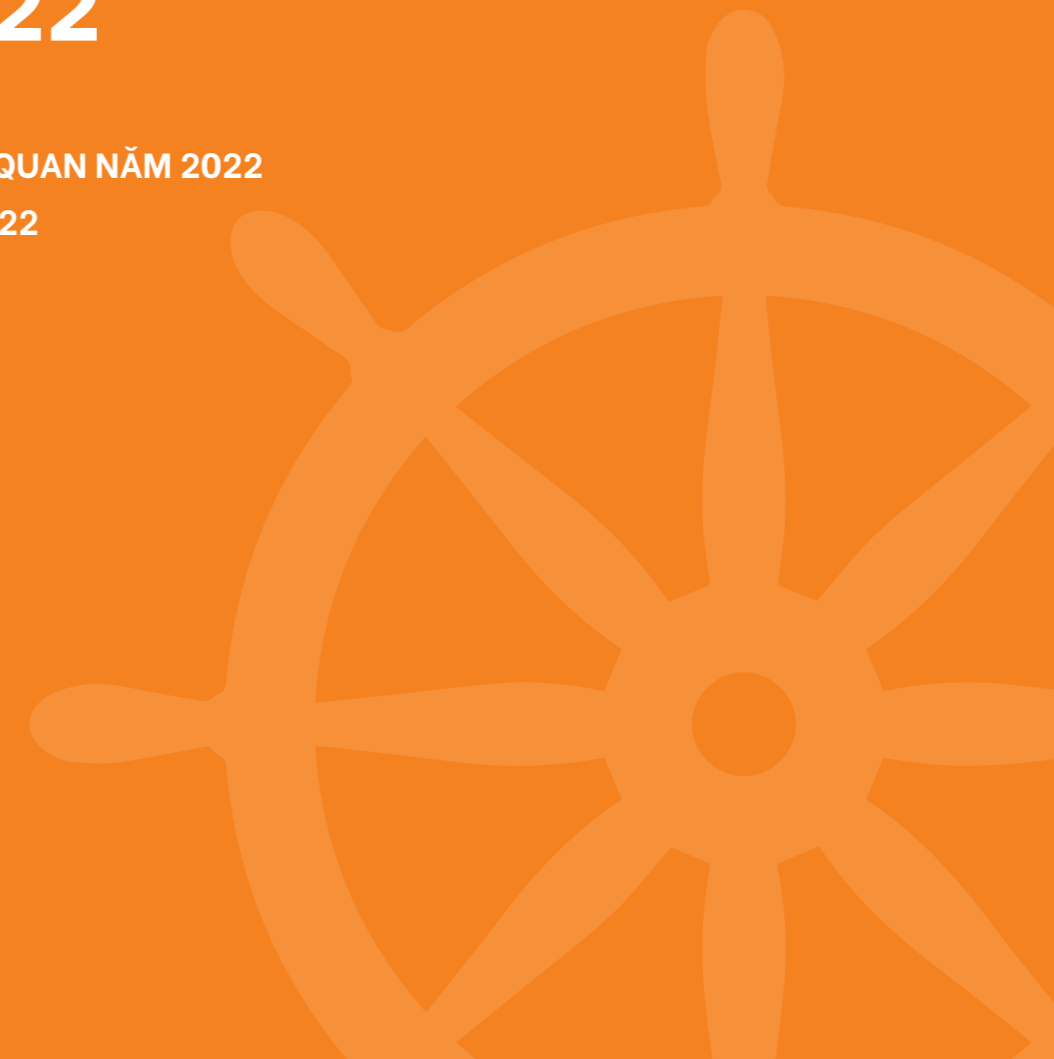
Năm	Doanh thu và thu nhập khác (tỷ đồng)	Số lượng nhân sự (người)	Tỷ lệ Doanh thu và thu nhập khác/Số lượng nhân sự (tỷ đồng/người)
2021	2.899,8	230	12,6
2020	1.808,5	212	8,5
2019	1.072,4	227	4,7
2018	1.247,9	235	5,3
2017	1.093,7	209	5,2
2016	566,0	195	2,9



04

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

- NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2022
- KẾ HOẠCH NĂM 2022





Nhận định tổng quan năm 2022

► Thế giới

2022 được đánh giá sẽ lại là một năm nhiều thách thức đối với các nước trên thế giới, mức độ nghiêm trọng của tình hình không hề thua kém so với hai năm trước đó. Rủi ro và nguy cơ mà nền kinh tế toàn cầu đối diện sẽ gia tăng, việc có hóa giải hiệu quả những rủi ro và né tránh được những nguy cơ hay không cần đến sự phối hợp hành động, chung tay đối phó của các nước trên toàn cầu.

- Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống còn 4,1% trong năm 2022, thấp hơn so với mức 5,5% của năm 2021, thậm chí có thể giảm tiếp xuống còn 3,2% trong năm tới khi mà các chính phủ thu hẹp chương trình hỗ trợ tài chính và tiền tệ vốn được ban hành trong thời gian đại dịch.
- Trong báo cáo Triển vọng và tình hình kinh tế thế giới 2022, Liên Hiệp Quốc cho rằng động lực tăng trưởng có được trong năm 2021 đã bắt đầu chậm lại từ cuối năm ngoái và dự báo kinh tế toàn cầu 2022 tăng trưởng 4%, thấp hơn so với mức 5,5% của năm 2021 và tới năm 2023 sẽ chỉ còn 3,5%

trong bối cảnh thế giới chứng kiến nhiều làn sóng lây nhiễm COVID-19 mới cộng với những thách thức về thị trường lao động, chuỗi cung ứng và lạm phát tăng cao.

- Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2022 xuống mức 4,4%, thấp hơn 0,5% so với dự báo công bố tháng 10 năm ngoái. Theo IMF, yếu tố dẫn tới sự sụt giảm này là do đợt bùng phát dịch mới đây của biến thể Omicron, cho dù giới chuyên gia dự báo số ca mắc mới do biến thể này có thể giảm dần bắt đầu từ quý 2/2022. Trong khi đó, giá năng lượng tăng cao và chuỗi cung ứng bị gián đoạn đã khiến lạm phát tăng trên phạm vi rộng hơn và trong thời gian dài hơn so với dự báo, đặc biệt là tại Mỹ. Trong báo cáo hàng quý trên, ảnh hưởng lớn nhất đối với triển vọng kinh tế toàn cầu là tốc độ tăng trưởng của Mỹ và Trung Quốc chậm lại.

Như vậy, một số rủi ro mà nền kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt bao gồm:

- **Tình hình dịch bệnh toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, có thể một lần nữa gây tổn thương không nhỏ cho nền kinh tế thế giới.** Biến thể virus SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện, thậm chí có xu hướng ngày càng mạnh, đặc biệt dịch bệnh ở Mỹ và châu Âu dường như đang rơi vào trạng thái mất kiểm soát, trong khi nhiều nước đang phát triển do nguồn lực tài chính hạn chế, điều kiện y tế lạc hậu, chỉ có thể phó mặc tình hình.
- **Lạm phát cao ở Mỹ và châu Âu có thể sẽ gây thiệt hại cho nhiều quốc gia và khu vực.** Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell thừa nhận, Mỹ tổn tại rủi ro lạm phát cao dài hạn. Tình hình của châu Âu và Mỹ cơ bản tương đồng, lạm phát cao sẽ không thể được giải quyết trong ngắn hạn. Do USD là đồng tiền mạnh toàn cầu, và Euro cũng là đồng tiền mạnh thứ hai thế giới sau USD, do đó lạm phát cao của Mỹ và châu Âu chắc chắn sẽ thông qua đồng USD và Euro để truyền dẫn đến các nước và khu vực phụ thuộc nghiêm trọng vào hai đồng tiền này. Rõ ràng, việc điều chỉnh chính sách tiền tệ của Fed chắc chắn sẽ dẫn đến sự biến động của thị trường tài chính quốc tế, song song với việc Mỹ và châu Âu có thể “xuất khẩu” lạm phát, mang lại nhân tố bất ổn mới cho kinh tế thế giới.
- **Xung đột biên giới Nga-Ukraine bùng phát khiến cho tình hình kinh tế - chính trị khu vực biến động.** Chiến dịch quân sự của Nga tại Ukraine đang ở tuần thứ chín và chưa thấy dấu hiệu hạ nhiệt. Những thiệt hại về tính mạng của binh sĩ

hai bên và một bộ phận dân thường, cơ sở hạ tầng quân sự là vô cùng lớn. Xung đột biên giới Nga và Ukraine không chỉ là câu chuyện giữa hai nước, mà còn kéo toàn bộ châu Âu vào cuộc, đồng thời mang lại tai họa cho châu Âu và khu vực Trung Á. Đối với thị trường tài chính, sự kiện chính biến này đã khiến giá của dầu mỏ, kim loại quý (vàng, bạc, platinum, ...) tăng vọt, trong khi đó, lại khiến nhiều lớp tài sản khác như cổ phiếu, bitcoin biến động chao đảo. Vấn đề đang càng trở nên trầm trọng hơn khi Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Vương quốc Anh đã ra tuyên bố chung về các biện pháp trừng phạt chống lại Nga, cam kết vô hiệu hóa hệ thống SWIFT đối với một số ngân hàng Nga, đồng thời cam kết áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với dự trữ ngoại hối của ngân hàng trung ương của họ. Lệnh cấm sẽ cản trở việc giải quyết các khoản thanh toán xuyên biên giới đối với hàng hóa xuất nhập khẩu như năng lượng của Nga, từ đó khiến giá năng lượng toàn cầu có thể bị tác động trở lại và giá dầu thô có thể một lần nữa vượt qua mốc 140 USD, làm trầm trọng thêm áp lực lạm phát toàn cầu.

- **Đồng nội tệ của Thổ Nhĩ Kỳ mất giá mạnh có thể dẫn đến “hiệu ứng domino”.** Năm 2021, đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ đã mất giá hơn 50%, hệ quả là lạm phát tăng lên 21%. Trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục tấn công, liệu đồng lira mất giá mạnh có gây ra “hiệu ứng domino” hay không hiện vẫn chưa thể kết luận. Tuy nhiên, chỉ cần có quốc gia hoặc khu vực mới xuất hiện tình trạng đồng nội tệ mất giá thì sẽ mang lại rủi ro và bất ổn mới cho nền kinh tế toàn cầu, mối đe dọa sẽ không ngừng gia tăng.



► Việt Nam

Đợt giãn cách xã hội do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã gây ra những tác động sâu, rộng, và toàn diện đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam. Theo đó, tăng trưởng GDP năm 2021 đạt 2,58% YoY - ở mức thấp nhất lịch sử thống kê. Dù vậy, với việc tốc độ tiêm chủng vaccine được đẩy nhanh tại các thành phố lớn, dịch bệnh dần được kiểm soát vào thời điểm cuối Quý 3.2021, các quy định giãn cách xã hội được nới lỏng, đã giúp nền kinh tế bắt đầu phục hồi trong quý 4/2021.

Động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2022 sẽ đến từ việc:

- Dịch bệnh Covid-19 kỳ vọng sẽ được kiểm soát tương đối tốt ở Việt Nam nhờ tỷ lệ bao phủ vaccine ở mức cao. Tính tới thời điểm hiện tại, độ phủ vaccine đối với người trên 18 tuổi được tiêm 1 mũi đã lên tới con số 100%, nhóm đứng đầu trên thế giới.
- Chính phủ đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công.
- Tiêu dùng nội địa và hoạt động sản xuất chế biến chế tạo hồi phục.
- Xuất khẩu tiếp tục được hưởng lợi nhờ lộ trình tham gia các hiệp định FTAs.
- Sự quay lại của dòng vốn FDI (dù chưa thể khôi phục lại hoàn toàn như mức trước đại dịch do tác động kéo dài của các đợt giãn cách xã hội trong quý 3/2021).
- Gói hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội thực hiện trong 2022-2023 quy mô 350.000 tỷ đồng được Chính phủ trình Quốc hội trong kỳ họp bất thường lần 1 Quốc hội khóa XV đã được thông qua sẽ là bước đệm phục hồi trong giai đoạn tới.

Tuy vậy, các thách thức sẽ bao gồm:

- Dịch bệnh Covid - 19:** Mặc dù đã mức bao phủ vaccine nhanh chóng, cách thức đối phó với Covid-19 vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Chính phủ cần tăng cường phối hợp giữa các địa phương, thực thi chính sách, tăng cường năng lực y tế, điều trị, bổ sung thuốc hỗ trợ điều trị (sản xuất, nhập khẩu).
- Kiểm soát lạm phát, tín dụng:** Nguy cơ bất ổn vĩ mô có thể xuất hiện từ hệ thống tài chính do nợ xấu tăng, bong bóng tài sản (bất động sản, trái phiếu, thị trường chứng khoán). Những biểu hiện gần đây cho thấy đây mới chính là những rủi ro đặc trưng Việt Nam cần lưu ý.
- Thực thi gói hỗ trợ phục hồi kinh tế:** Một thực tế là các gói giải ngân từ đầu tư công đến các gói hỗ trợ đều tương đối chậm. Giải ngân đầu tư công chỉ đạt 84% kế hoạch năm 2021, giảm 8,6% so với năm trước. Các gói an sinh xã hội giải ngân chậm



và thấp. Giải ngân chương trình phục hồi kinh tế sẽ phức tạp hơn do có nhiều hạng mục, nhiều nguồn vốn, nhiều cơ chế điều kiện khác nhau, nhiều chính sách biện pháp khác nhau (tài khóa, tiền tệ kết hợp cho gói trợ cấp lãi suất), và chưa có sự phân biệt rõ giữa đầu tư công trong khuôn khổ kế hoạch phục hồi kinh tế với đầu tư công trong kế hoạch đã được duyệt. Do vậy, việc thực hiện và giải ngân kịp thời chương trình phục hồi kinh tế là tối quan trọng trong năm 2022 - 2023.

- Một số thách thức khác gồm:** Lạm phát; Nợ xấu; Thị trường lao động khôi phục chậm; Môi trường kinh doanh chưa thực sự cải thiện; Thị trường tài chính thế giới mất ổn định; Trung Quốc tăng trưởng chậm lại...

Dưới đây là một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022:

Tăng trưởng GDP: Theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng khoảng 6,5% trong năm 2022. Thậm chí, các chuyên gia của Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN + 3 (AMRO) còn dự báo Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng GDP mạnh nhất khu vực, với mức 7,5% năm 2022. Động lực tăng trưởng được kỳ vọng đến từ tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt nhờ tỷ lệ bao phủ vaccine Việt Nam ở mức cao, phục hồi của cầu nội địa, khả năng tăng trưởng trở lại của khu vực FDI, hoạt động xuất khẩu và sự hỗ trợ từ đầu tư công.

Dự báo Tăng trưởng GDP và Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2022

	Quốc Hội Việt Nam	Ngân hàng HSBC	Ngân hàng Standard Chartered	Ngân hàng ADB
Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022	6 - 6,5%	6,5%	6,7%	6,5%
Lạm phát năm 2022	< 4%	2,7%	4,2%	3,5%

Lạm phát: Quốc Hội Việt Nam đặt mục tiêu lạm phát trong nước năm 2022 không quá 4%. Việc kiểm soát lạm phát năm 2022 được đánh giá không dễ dàng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đã và dần phục hồi, giá cả hàng hóa đang có xu hướng gia tăng. Để kiểm soát lạm phát, Tổng cục thống kê nhấn mạnh Chính phủ cần nỗ lực thực hiện các biện pháp ngoại giao để đảm bảo nguồn nguyên liệu thô thông qua tăng cường hợp tác với Chính phủ các nước giàu tài nguyên, hỗ trợ các doanh nghiệp ký hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu dài hạn, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, ổn định giá thành sản xuất.

Tỷ giá: Với cán cân thương mại thặng dư, dự trữ ngoại hối đang ở mức cao nhất lịch sử, trong khi nền kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, đồng VND được dự báo vẫn sẽ có diễn biến ổn định và biến động trong biên độ +/- 2% trong năm 2022.

Lãi suất, tín dụng: Định hướng hỗ trợ chính sách tiền tệ của NHNN vẫn được duy trì trong năm 2022, tuy nhiên điều kiện khách quan không thuận lợi khi mà áp lực lạm phát là hiện hữu. Theo đó, nhiều khả năng NHNN vẫn sẽ giữ nguyên các loại lãi suất điều hành, không có thay đổi trong kịch bản cơ sở, và tăng trưởng tín dụng mục tiêu đạt 14% tương đương với mức tăng trong năm 2021. Mặt bằng lãi suất cho vay đi ngang và có thể giảm nhẹ ở một số ngành nghề ưu tiên dưới tác động của gói hỗ trợ cấp bù lãi suất của Chính Phủ, trong khi lãi suất huy động sẽ nhích tăng (trên dưới 0,5%).

Tái cơ cấu: Tại Nghị quyết "Kế hoạch phát triển kinh tế năm 2022" đã được Quốc hội biểu quyết thông qua, một trong những nhiệm vụ, giải pháp đặt ra cần phải sớm hoàn thành phê duyệt và quyết liệt triển khai để án cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đóng góp vào nguồn thu ngân sách và tạo thêm dư địa hỗ trợ doanh nghiệp.

► Đánh giá tác động

Thị trường chứng khoán trong năm 2022 được dự báo sẽ theo hướng tích cực mặc dù sẽ có các giai đoạn tăng trưởng, điều chỉnh và tích lũy.

Cơ hội

- Kinh tế trong nước ổn định:** Trong nước, Kinh tế vĩ mô ổn định, gói hỗ trợ phục hồi kinh tế thông qua sẽ tạo đà giúp nền kinh tế lấy lại đà tăng trưởng sau kiểm soát dịch bệnh. Vĩ mô tích cực giúp cho lợi nhuận của các Doanh nghiệp niêm yết cải thiện mạnh nhờ phục hồi sản xuất, tiêu dùng trong nước và quốc tế, mặt bằng lãi suất vẫn có thể được duy trì ở mức thấp.
- Kinh tế thế giới hồi phục:** Các quốc gia và khu vực chủ chốt tiếp đà tăng trưởng sau dịch bệnh tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất trong nước hồi phục và mở rộng các Hiệp định thương mại quan trọng có hiệu lực.
- Thị trường chứng khoán được định giá hấp dẫn:** Thị trường chứng khoán Việt Nam đang thu hút mạnh mẽ dòng vốn nhà đầu tư trong nước và liên tiếp tạo ra kỷ lục về thanh khoản. Mặt bằng lãi suất thấp vẫn sẽ giữ chân nhà đầu tư trong nước nửa đầu năm 2022 trong khi áp lực rút vốn khỏi ngoại không còn nhiều và sự chuyển dịch dòng tiền sang thị trường mới nổi và thị trường biên có thể xảy ra do tương quan hấp dẫn giữa tăng trưởng và định giá hợp lý.
- Triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam từ "cận biên" sang "mới nổi":** Hiện tại Việt Nam vẫn nằm trong nhóm thị trường cận biên, có tỷ trọng lớn nhất trong nhóm chỉ số thị trường cận biên của MSCI (chiếm đến 28,76% - tháng 11/2021). Nếu được nâng hạng lên thị trường mới nổi, nguồn vốn từ NĐTNN, đặc biệt từ các quỹ lớn có uy tín sẽ đầu tư vào nhiều hơn. Dự báo thị trường chứng



Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022



Khoản Việt Nam sẽ thu hút dòng tiền lên tới 1,4 tỷ USD đến từ các quỹ đầu tư chỉ số hoặc quỹ đầu tư chủ động theo chỉ số FTSE Global All-Cap, FTSE All-World và FTSE Emerging Markets, MSCI Emerging Markets và các quỹ được lập ra để theo dõi theo các chỉ số chỉ riêng về Việt Nam như FTSE Vietnam Index hoặc FTSE Vietnam 30 Index.

- **Hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện:** Luật chứng khoán sửa đổi có hiệu lực trong 2021 là văn bản pháp lý cao nhất hiện toàn các thành phần điều hành thị trường, cơ sở cho ra đời các sản phẩm mới hỗ trợ NĐT và qua đó có thể nâng hạng thị trường.
- **Tiến trình tái cơ cấu DNNN tạo ra nhiều cơ hội mới:** Quá trình tái cơ cấu DNNN, cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp lớn sẽ tiếp tục diễn ra với nhiều doanh nghiệp tiềm năng như: Mobifone, VNPT, Satra, Genco 2, Genco 1, Vicem, Vinachem, Vinataba...; việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp niêm yết như ACV, Vietnam Airlines, Viglacera, PV Gas, Petrolimex... cùng với quá trình chuyển sàn của nhiều mã cổ phiếu lớn từ Upcom sang sàn niêm yết sẽ giúp cho thị trường có thêm hàng hóa có chất lượng và gia tăng thanh khoản.

Thách thức

- **Khả năng kiểm soát dịch Covid - 19 không được như kỳ vọng,** có thể gây ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng và hồi phục của kinh tế trong nước cũng như kinh tế thế giới.
- **Lạm phát tăng cao và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ:** Lạm phát năm 2021 tăng trưởng mạnh nhất trong giai đoạn 5 năm gần đây. Chỉ số BCOM Index đạt mức 103,4 (+43,9% YoY), mức cao nhất trong giai đoạn 5 năm gần nhất. Chỉ số CTS - thước đo trung bình phí vận tải container - đạt mức 144,65 (+99,45% YoY), mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Trước mức lạm phát tăng cao như vậy, một số ngân hàng trung ương như Brazil, Peru và Hàn Quốc đã bắt đầu thắt chặt lại chính sách tiền tệ vào cuối năm 2021. Một số ngân hàng trung ương khác cũng đã bắt đầu phát tín hiệu thắt chặt chính sách tiền tệ vào năm 2022. Xu hướng này có thể gây áp lực lên chính sách tiền tệ mở rộng của NHNN trong bối cảnh các ngân hàng xung quanh đều nâng mức lãi suất.
 - FED: Ngày 16/03/2022, Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định nâng lãi suất cơ bản lần đầu tiên trong vòng hơn 3 năm qua, tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất cơ bản, qua đó nâng biên độ lãi suất của FED lên mức từ 0,25% - 0,5%. Theo quan chức cấp cao của FED, tổng cộng ngân hàng này dự kiến có 6 đợt nâng lãi suất nữa trong năm 2022 và thêm 3 đợt khác trong năm 2023.
 - ECB: có thể bắt đầu cắt giảm chương trình thu mua trái phiếu PEPP trong năm 2022. Dự kiến

đưa ra quyết định vào tuần cuối tháng 12/2022.

- PBOC: Riêng PBOC do tốc độ tăng trưởng Trung Quốc có dấu hiệu chậm lại và hạ nhiệt trong những tháng cuối năm 2021 nên ngân hàng này bắt đầu có dấu hiệu nới lỏng hơn các khoản chính sách tiền tệ. Hiện tượng này cũng thể hiện rõ nhất trong việc PBOC hạ lãi suất kỳ hạn 1 năm từ 3,85% xuống 3,8%.
- **Tăng trưởng Trung Quốc chậm lại:** Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu Việt Nam được hưởng lợi khá nhiều từ vị trí địa lý là trạm trung chuyển hàng hóa giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Dấu hiệu chậm lại của nền kinh tế Trung Quốc có thể gây ảnh hưởng lên tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2022. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc chậm lại do 3 nguyên nhân chính:
 - Nỗi lo vỡ nợ thị trường Bất động sản: Thông tin vỡ nợ của nhóm Evergrande trong năm 2021 vừa qua đã và đang gây ảnh hưởng khá tiêu cực đối với thị trường BĐS Trung Quốc. Cơ cấu BĐS tăng chậm lại khá rõ trong năm 2021 khi các yếu tố rủi ro bắt đầu hiện diện trên thị trường. Giá nhà mới tại 70 thành phố đã giảm liên tục 3 tháng. Doanh số bán nhà giảm 17% so với một năm trước đó. Hiện tượng này nếu kéo dài có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn đầu tư BĐS và từ đó, làm gia tăng mức độ rủi ro của các hoạt động tài chính trong nền kinh tế.
 - Khủng hoảng năng lượng: Trung Quốc đã cam kết đạt được mức độ trung lập carbon vào năm 2060 tại hội đồng Liên hợp quốc. Điều này đồng nghĩa với việc họ phải cắt giảm lượng khí thải than khá lớn, khoảng 2.5 nghìn triệu tấn than cho nền kinh tế. Theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025, cơ cấu năng lượng của họ cũng đang phải chuyển dịch dần sang dạng năng lượng sạch thay vì năng lượng than đá. Quá trình chuyển dịch này sẽ dẫn đến tình trạng thiếu sót năng lượng khi các nguồn năng lượng sạch chưa đủ công suất để đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế Trung Quốc. Hơn nữa, việc Trung Quốc thực hiện chiến tranh thương mại với Úc đã khiến quốc gia này mất đi 30% lượng than sử dụng của nền kinh tế. Hai yếu tố này đang gây nên tình trạng khủng hoảng năng lượng và từ đó khiến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại.
 - Nhóm ngành sản xuất, chế tạo cho thấy tốc độ chậm lại: Chỉ số PMI ngành sản xuất suy giảm trở về ngưỡng 49,9 trong tháng 11.2021 do: (1) nhu cầu tiêu dùng của Trung Quốc có dấu hiệu suy yếu bởi tình hình dịch bệnh COVID-19; (2) Chính sách “Zero COVID” tiếp tục phong tỏa khá nhiều khu vực và khiến hoạt động sản xuất có dấu hiệu chậm trễ; (3) Số lượng đơn đặt hàng mới suy giảm do dịch bệnh COVID-19.

Trên cơ sở nhận định tổng quan về thế giới và Việt Nam trong năm 2022, Công ty tập trung vào phân tích điểm mạnh, điểm yếu của SHS cũng như cơ hội và thách thức đối với Công ty làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 của SHS.

► Phân tích

Điểm mạnh

- SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu và uy tín trên thị trường.
- Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của SHB và Tập đoàn T&T cũng như các định chế tài chính liên kết về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược.
- Hệ thống khách hàng và đối tác lớn.
- Đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.
- Sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt.

Điểm yếu

- Tăng trưởng kinh doanh chưa bền vững do kết quả kinh doanh các nghiệp vụ chính như môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp... phụ thuộc lớn vào biến động thị trường.
- Mặc dù quản lý số lượng khách hàng lớn, nhưng hầu hết vẫn là khách hàng cá nhân trong nước do đó Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện chiến lược tập trung hóa.
- Nguồn vốn kinh doanh dồi dào nhưng lãi suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh.
- Hệ thống phần mềm giao dịch hiện tại đã đến điểm tới hạn cần phải nâng cấp và làm mới.

Cơ hội

- Mặt bằng lãi suất thấp được dự báo vẫn được duy trì, sẽ thúc đẩy dòng tiền chảy vào TTCK, qua đó tạo cơ hội cho các hoạt động kinh doanh của SHS.
- Năm 2022 dự báo hoạt động cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các Tập đoàn, Tổng Công ty sẽ được thúc đẩy trở lại. Việc này sẽ mang đến những cơ hội cho hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành của SHS.

Thách thức

- Các quy định về tín dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán vẫn theo hướng kiểm soát chặt, qua đó ảnh hưởng tới dòng tiền vào thị trường, trong đó có SHS.
- Hoạt động tư vấn tài chính đối mặt với nhiều thách thức. Bộ Tài chính đang lấy ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, theo hướng siết chặt hơn đối với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, bảo vệ nhà đầu tư, hạn chế rủi ro của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sau giai đoạn 2019-2021 bùng nổ, nhiều công ty chứng khoán khác cũng đã tham gia vào hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu với nhiều lợi thế và cạnh tranh. Đây sẽ là những thách thức đối với hoạt động tư vấn tài chính của SHS.
- Áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài về cả lãi suất và phí dịch vụ môi giới. Bên cạnh đó, việc SHS vẫn chưa tham gia thị trường phái sinh và phát hành chứng quyền, có thể thấy là các sản phẩm tài chính của SHS đang kém cạnh tranh hơn so với các công ty khác.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán bên cạnh việc mở rộng quy mô còn tiếp tục đi vào chiều sâu. Chất lượng dịch vụ cao đòi hỏi Công ty phải tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ hơn nữa để duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ, kết quả kinh doanh, thị phần, hình ảnh. Điều này sẽ khiến chi phí hoạt động có thể tăng lên tạo sức ép với SHS trong ngắn hạn.
- Trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây, những công ty thuộc Top giữa sẽ gặp rất nhiều thách thức, trong đó có SHS.
- Thị trường chứng khoán được dự báo có nhiều sự biến động mạnh trong năm 2022, đòi hỏi hoạt động của SHS phải linh hoạt, nhanh nhạy mới có thể hạn chế được rủi ro và nắm bắt được cơ hội.

► Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

Đối chiếu	Kế hoạch 2021	Thực tế thực hiện 2021	Đánh giá
Giả định	Tình hình kinh tế vĩ mô: Trong năm 2021, kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ quay trở lại đà tăng trưởng trước dịch Covid.	Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định 6 tháng đầu năm và bất ổn 6 tháng cuối năm	Thực tế không khả quan như giả định.
	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 10.000 tỷ đồng/phiên.	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 26.589,2 tỷ đồng/phiên • Sàn HOSE: 21.729,1 tỷ đồng/phiên. • Sàn HNX: 3.160,7 tỷ đồng/phiên.	Thực tế tốt hơn giả định.
	Thị phần SHS: • Tại sàn HOSE: 3,33% • Tại sàn HNX: 6,60% • Tại sàn UPCOM: 1,50%	Thị phần SHS: • Tại sàn HOSE: 2,44% • Tại sàn HNX: 4,24% • Tại sàn UPCOM: 1,63%	Chưa đạt tại sàn HOSE và HNX, nhưng vượt kế hoạch tại sàn UPCOM
	Tổng doanh thu: 1.886,7 tỷ đồng	Tổng doanh thu: 2.899,8 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch về tổng doanh thu.
Kế hoạch tổng thể năm 2021	Tổng chi phí: 1.135,5 tỷ đồng	Tổng chi phí: 1.146,9 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch chi phí.
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 751,2 tỷ đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1.752,9 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch về lợi nhuận kế toán trước thuế.
Kế hoạch chi tiết năm 2021	Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu là lấy lại thị phần trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên cả hai sàn HNX, HOSE và phần đầu lọt vào Top 3.		Chưa đạt. Do áp lực cạnh tranh nên SHS đang có xu hướng sụt giảm thị phần.
	Tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng.		Chưa đạt. Do hạn chế của phần mềm quản lý hiện tại.
	Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh.		Đạt. Đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nhưng chưa triển khai.
	Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.		Tương đối đạt. Thường xuyên nghiên cứu để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với các phân khúc khách hàng nhưng chưa thực sự cạnh tranh.

Đối chiếu	Kế hoạch 2021	Thực tế thực hiện 2021	Đánh giá
Kế hoạch chi tiết năm 2021	Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết tận dụng các cơ hội có được trên thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đấu giá các DNNN sẽ IPO trong năm 2021.		Đạt.
	Tiếp tục tận dụng các cơ hội giao dịch cũng như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong năm 2021.		Đạt.
	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.		Đạt.
	Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động, đặc biệt nhân sự cho hoạt động tư vấn IPO, tư vấn M&A; tư vấn tái cấu trúc.		Đạt.
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện tại đồng thời đầu tư mới hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.		Chưa đạt. HDQT đã phê duyệt nhưng Công ty chưa kịp triển khai thực hiện.
	Công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính vẫn phải được chú trọng, tăng cường trong hoạt động kinh doanh.		Đạt.

Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022

Do cho tới thời điểm lập Báo cáo này, SHS chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 nên số liệu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 dưới đây chỉ là dự kiến. Các số liệu này sẽ được cập nhật sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của SHS được chính thức thông qua).

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)	% tăng trưởng (tỷ đồng)
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.899,8	3.653,0	26%
2.	Tổng chi phí	1.146,9	1.306,1	14%
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.752,9	2.346,9	34%





05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
 - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021
 - KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2022
- 



Mục tiêu phát triển bền vững

► Mục tiêu

Hưởng ứng những nỗ lực của Liên Hiệp Quốc trong việc hỗ trợ thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thực hiện thành công 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững giai đoạn 2015-2030, SHS không chỉ tập trung vào mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong ngắn hạn mà còn tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững theo đó chú trọng các mục tiêu như bình đẳng giới, quan tâm đến an sinh xã hội, quản lý tốt việc sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan...

Các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể của SHS là:

- Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.
- Là thương hiệu công ty chứng khoán có uy tín trên Thị trường Chứng khoán Châu Á.
- Đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả.
- Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên.
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.

Mô hình quản trị phát triển bền vững

Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo chung về chiến lược.
- Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động.

Ban Tổng Giám đốc

- Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT.
- Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt.

Các phòng ban, cán bộ, nhân viên

- Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng.



Quy trình quản trị thông tin phát triển bền vững



Phụ trách phát triển bền vững

Ông Mai Xuân Sơn

- Học vấn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại, Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ
- Kinh nghiệm: 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán
- Chức vụ tại SHS: Thành viên HĐQT
- Điện thoại: 024.38.181.888 (0)
- Email: investor@shs.com.vn

Bà Trần Thị Trang

- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học LaTrobe, Australia
- Kinh nghiệm: 15 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
- Chức vụ tại SHS: Phó trưởng phòng KH&PTTT
- Điện thoại: 024.38.181.888 (Máy lẻ 333)
- Email: trang.tt3@shs.com.vn



Báo cáo phát triển bền vững năm 2021

► Đối tượng báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững năm nay dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ các hoạt động thực tế của SHS trong năm tài chính 2021. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất.

Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến các hoạt động của SHS như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

► Phạm vi báo cáo

Báo cáo tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.



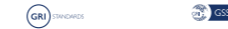
THÔNG TIN CHUNG



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG



VẬT LIỆU



NĂNG LƯỢNG



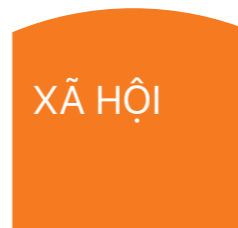
NƯỚC



CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



VIỆC LÀM



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG



TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG



GRI 102 – 14 Tuyên bố của Người ra quyết định cấp cao

Đây là năm thứ bảy SHS thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative GRI). Theo đó, SHS lựa chọn các nguyên tắc sau trong việc lập báo cáo năm nay:

Nguyên tắc xác định nội dung

- Sự tham gia của các bên
- Tính trọng yếu

Nguyên tắc xác định chất lượng:

- Đầy đủ
- Rõ ràng
- Nhất quán
- Tin cậy
- Có thể so sánh



GRI 102 – 40 Nhận diện các bên liên quan

Bên trong doanh nghiệp

- Cổ đông/Nhà đầu tư
- Người lao động

Bên ngoài doanh nghiệp

- Khách hàng
- Nhà cung cấp
- Cơ quan quản lý Nhà nước
- Các Hiệp hội
- Cơ quan báo chí, truyền thông
- Cộng đồng địa phương



GRI 102 – 43 Phương pháp tiếp cận

SHS thực hiện các phương pháp và kênh tiếp cận để gắn kết và tìm hiểu các mối quan tâm của các bên liên quan như sau:

Đối với Cổ đông/Nhà đầu tư

- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường;
- Website của SHS;
- Thông qua Bộ phận quan hệ cổ đông (gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook...);
- Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư;
- Chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu cơ hội đầu tư.

Đối với Người lao động

- Thông qua Người quản lý trực tiếp, bộ phận nhân sự, công đoàn;
- Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết;
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook;
- Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ.

Đối với Khách hàng

- Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng;
- Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng...
- Tổng đài chăm sóc khách hàng;
- Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook.

Đối với Nhà cung cấp

- Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp;
- Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu.

Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước

- Tiếp xúc trực tiếp;
- Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo;
- Thông qua thanh, kiểm tra định kỳ và bất thường.

Đối với các Hiệp hội





- Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn;
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ.




Đối với cơ quan báo chí, truyền thông

- Phòng vấn;
- Tổ chức họp báo;
- Chương trình gặp mặt;
- Tiếp xúc trực tiếp, điện thoại, email...

Đối với Cộng đồng địa phương

- Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại;
- Tiếp xúc trực tiếp;
- Thông qua facebook, điện thoại.

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hành động của SHS
 Cổ đông/Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh hiệu quả. Công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời. Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Giá cổ phiếu ổn định và có xu hướng tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận PR&Marketing. Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác. Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
 Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc tốt. Công việc ổn định. Cơ hội thăng tiến, phát triển. Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên. Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh.. Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt.
 Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý. Ứng dụng công nghệ thông tin nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay. Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự. 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn, đa dạng, chi phí huy động vốn hợp lý. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng.
 Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch. Uy tín trong thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. Duy trì hoạt động của Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phân biện. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng.

Bên liên quan	Mối quan tâm	Hành động của SHS
 Cơ quan quản lý Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường. Góp ý hoàn thiện văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thông qua. Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn.
 Hiệp hội	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng. Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội.
 Cơ quan báo chí, truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng tiếp cận thông tin về Công ty kịp thời, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ động gửi các thông cáo báo chí. Công bố thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện, hoạt động quan trọng của Công ty. Cung cấp thông tin, số liệu, phân tích, đánh giá theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời, minh bạch. Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, nhận định, đánh giá.
 Cộng đồng địa phương và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. Triển khai các hoạt động thiện nguyện. Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững. Tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thể hệ trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng. Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội. Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh. Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thế hệ trẻ.



Trước diễn biến thăng hoa của TTCK Việt Nam trong năm 2021. SHS đã chủ động, linh hoạt, phát huy mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, tận dụng mọi cơ hội của thị trường để hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã đề ra.

Về hiệu quả kinh doanh

- Đứng thứ 6 tại sàn HNX về thị phần môi giới cổ phiếu với tỷ lệ 4,5%.
- Đứng trong Top 3 thành viên có thị phần môi giới trái phiếu chính phủ lớn nhất tại sàn HNX (nhóm trên 10% thị phần).
- Tổng tài sản và vốn điều lệ cao nhất từ trước đến nay: 10.910,9 tỷ đồng và 3.252,7 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 2.899,8 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1.752,9 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối: 1.865,9 tỷ đồng.
- ROE (30,1%), ROA (15,7%), EPS (5.795), tỷ lệ an toàn tài chính (386,62%).

Về đảm bảo quyền lợi cho cổ đông

- Trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 12%.
- Phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 5%.
- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 2:1.

Về đảm bảo quyền lợi cho người lao động

- Thu nhập trung bình tăng mạnh đạt 76 triệu đồng/người/tháng
- Đã nộp 6,0 tỷ đồng/6,3 tỷ đồng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.
- Phát hành 4.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (cổ phiếu).

Về quản lý an toàn tài sản cho khách hàng

- Quản lý 58.485 tài khoản cá nhân, tổ chức.
- Quản lý cho khách hàng 2.385,0 tỷ đồng tiền gửi và 43.596,4 tỷ đồng giá trị chứng khoán.

Về đóng góp vào ngân sách Nhà nước

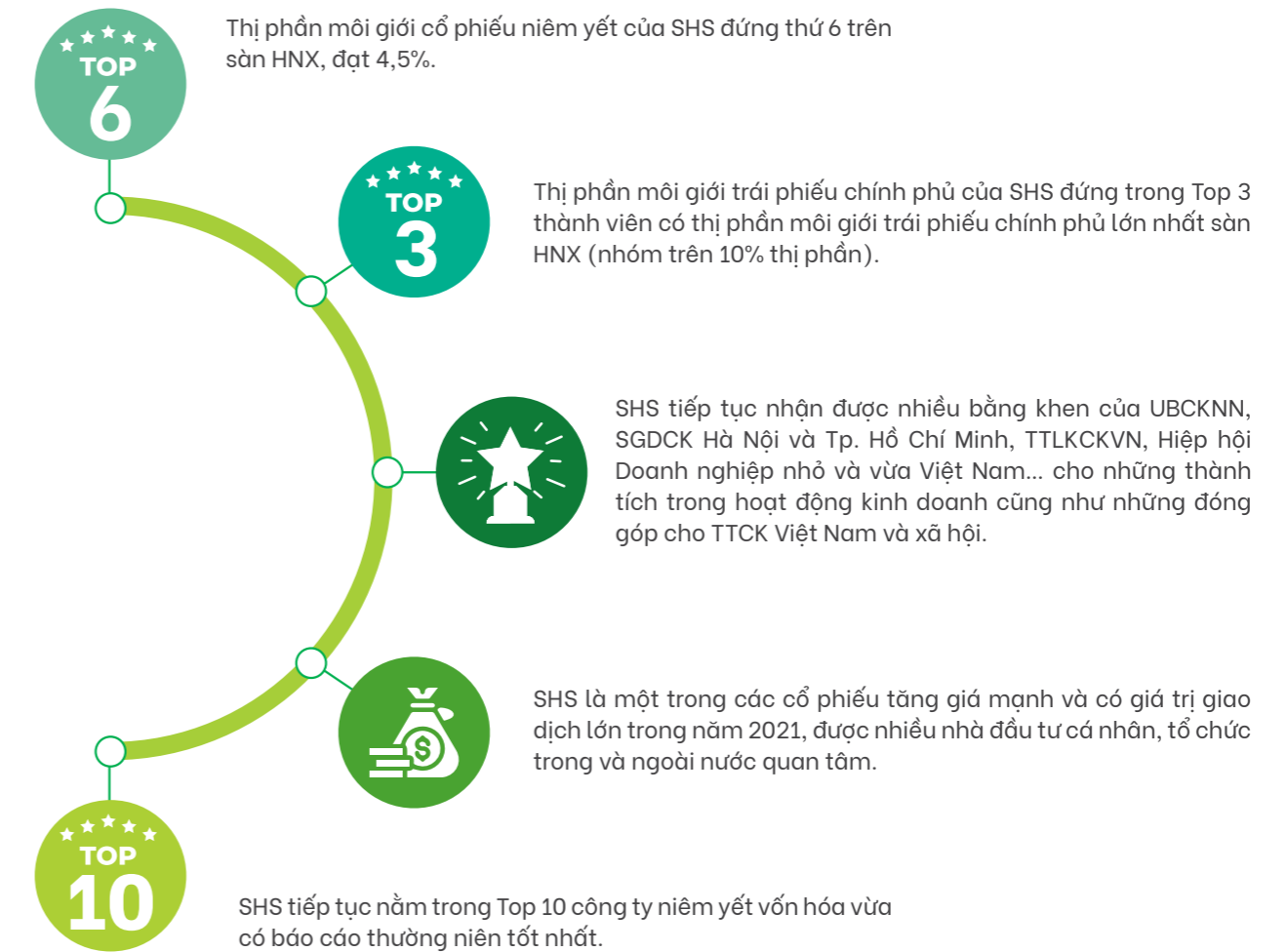
- Đã nộp 290,0 tỷ đồng/365,7 tỷ đồng các loại thuế, phí vào NSNN.
- Hỗ trợ tất cả khách hàng, đối tác, cán bộ, nhân viên của Công ty lập tờ khai thuế để quyết toán tại nơi khác hoặc nhận tờ khai thuế để quyết toán tại Công ty.

Hoàn thiện quản trị Công ty

- Ngày càng hoàn thiện mô hình quản trị công ty theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 09/10/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn xếp loại công ty chứng khoán và Thông lệ quản trị tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty niêm yết phát hành năm 2019.
- Hỗ trợ cổ đông thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đối xử công bằng với các cổ đông.
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng trình tự, thủ tục như quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Nâng cao năng lực, vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT, BKS và người quản lý Công ty.
- Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.



SHS tiếp tục củng cố sự hiện diện của mình trên TTCK Việt Nam trong năm 2021 thông qua một số sự kiện quan trọng sau:



GRI 301
MÔI TRƯỜNG
Vật liệu

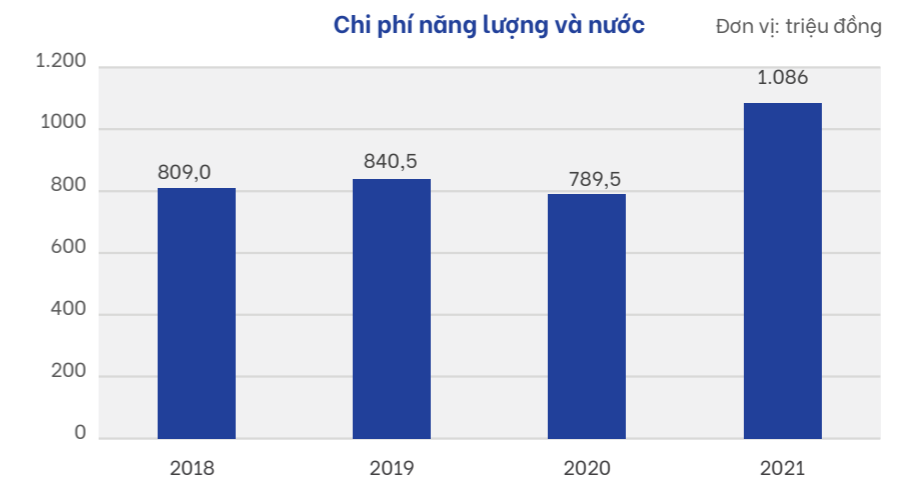
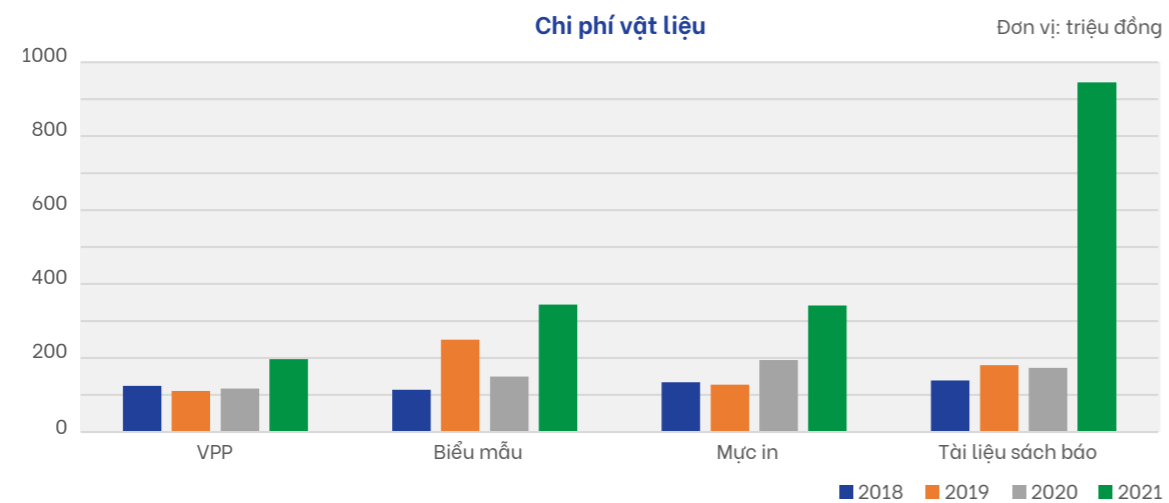
This report is a result of the CSRCB Program in Vietnam

2019 2020

GRI 302, 303
MÔI TRƯỜNG
Năng lượng và nước

This report is a result of the CSRCB Program in Vietnam

2019 2020



Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường.

Việc sử dụng các loại vật liệu của Công ty trên cơ sở đề xuất hàng năm của các phòng ban, chi nhánh. Trong năm, các phòng ban, chi nhánh sử dụng theo định mức được phân bổ. Trong trường hợp phát sinh đột biến thì Trưởng phòng chức năng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó cho Thành viên Ban Tổng Giám đốc phụ trách và Phòng TCHC. Tất cả các loại vật liệu đều được tận dụng tối đa và sau khi sử dụng đều được xử lý phù hợp để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như phân loại, chuyển cho đơn vị chuyên thu gom...



Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên. Hệ thống điều hòa tổng luôn đặt ở chế độ hợp lý nhằm tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài. Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ, nhân viên phải đăng ký trước. Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng, điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên. Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Phòng Tổ chức Hành chính cũng được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước... Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng năng lượng.



Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu việc phát thải các chất thải ra môi trường. Công ty sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thuê nhà cung cấp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường. Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.

- Đối với rác thải hữu cơ: tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đậy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.
- Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bìa, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng.
- Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.



Trong năm 2021, Công ty không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

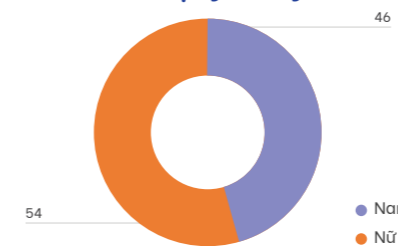
Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên vốn dành phần lớn thời gian trong ngày tại Công ty, góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau dọn bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty cũng thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh và máy móc trong toàn bộ văn phòng làm việc.



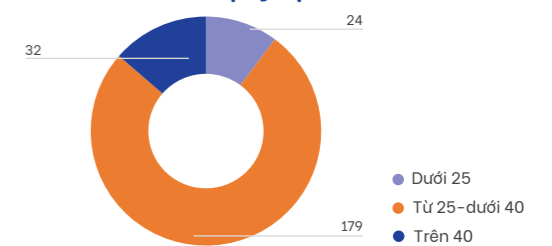
Nguồn nhân lực của SHS

Tổng số cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống của SHS (bao gồm Hội sở, 2 chi nhánh, 1 phòng giao dịch và 1 văn phòng đại diện) tính đến 31/12/2021 là 235 người.

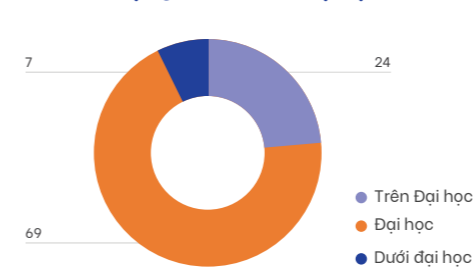
Cơ cấu lao động theo giới tính



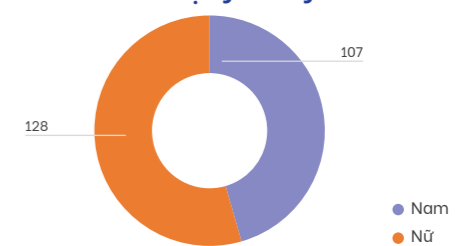
Cơ cấu lao động độ tuổi



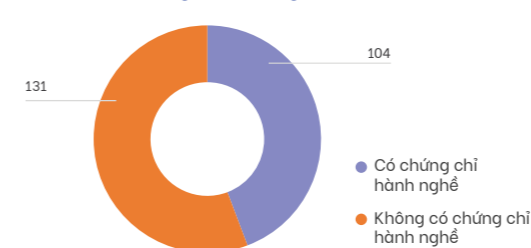
Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn



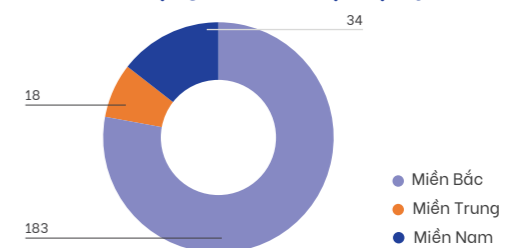
Cơ cấu lao động theo giới tính



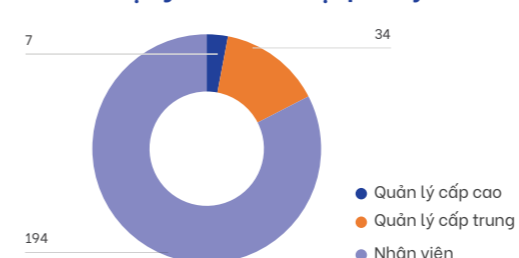
Theo hành nghề chứng khoán



Cơ cấu lao động theo khu vực địa lý



Cơ cấu lao động theo trình độ quản lý



Tuyển dụng nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc và phù hợp với văn hóa Công ty

SHS tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hàng năm được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm. Việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty, qua giới thiệu và qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp... Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng thi tuyển và phỏng vấn nhằm lựa chọn ra những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh và văn hóa Công ty. Trong năm 2021, SHS đã tuyển mới 33 cán bộ, nhân viên nhằm bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty trên cả 3 miền. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

Quản lý nhân sự chuyên nghiệp

Công ty quản lý nhân sự theo địa điểm kinh doanh và theo phòng làm việc. Tổng Giám đốc có trách nhiệm quản lý các Phó Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng. Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc và có trách nhiệm quản lý các Trưởng phòng. Các Trưởng phòng có trách nhiệm quản lý nhân viên do mình phụ trách. Giám đốc các chi nhánh, phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện có trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện.

Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng vân tay. Cuối tháng, cán bộ, nhân viên có nghĩa hoàn thiện Bảng chấm công bổ sung, Phiếu nghỉ phép... cho những ngày không chấm công bằng vân tay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển cho Phòng Tổ chức Hành chính để tính lương.

Công ty cũng đã trang bị phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp và nhiều tiện ích. Cán bộ, nhân viên có thể khai thác thông tin về lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, nghỉ phép, tình hình chấm công... trên hệ thống. Bộ phận Nhân sự có thể quản lý trực tiếp nhân sự của Công ty trên phần mềm với nhiều phần hành khác nhau như tính lương, thưởng và các khoản trích trên lương, quản lý chấm công, nghỉ phép...

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

Bổ nhiệm, chuyển đổi đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tuyển dụng 33 người, nâng lương cho 6 người, đánh giá lại hợp đồng lao động cho 57 người, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 17 người dựa trên nguyện vọng cá nhân, đánh giá khả năng cá nhân và sự phù hợp nhằm phát huy tốt nhất khả năng của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Chế độ lương, thưởng hấp dẫn

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 2 lần/tháng trong đó lần 1 là tạm ứng lương 30%, lần 2 là trả 70% lương còn lại. Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ.

Tân dụng tốt cơ hội từ thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021, hiệu quả hoạt động của công ty được nâng cao, qua đó, lương, thưởng của cán bộ, nhân viên môi giới đã tăng mạnh, góp phần làm chi phí lương, thưởng bình quân của cán bộ, nhân viên Công ty tăng từ 38,3triệu đồng/tháng (năm 2020) lên 76,1 triệu đồng/người/tháng (năm 2021).



Chi phí	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
Chi phí lương, thưởng, ăn ca, làm thêm giờ...	75.405.201.484	97.558.180.768	214.733.273.749
Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.691.475.976	2.868.186.440	2.777.243.379
Tổng chi phí lương	78.096.677.460	100.426.367.208	217.510.517.128
Số lượng CBNV tại thời điểm cuối năm	227	212	235
Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người/tháng	28.669.852	38.348.341	76.146.551

Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức bình bầu và khen thưởng cán bộ, nhân viên xuất sắc, có những thành tích đóng góp tích cực cho hoạt động của Công ty năm 2020 với tổng giá trị khen thưởng là 175 triệu đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT đã khen thưởng 2 tập thể và 1 cá nhân
- TGD đã khen thưởng 2 tập thể và 6 cá nhân

Chế độ khen thưởng bằng cả tinh thần và vật chất đã tạo ra phong trào thi đua liên tục giữa các cán bộ, nhân viên và giữa các phòng ban nhờ đó tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Hỗ trợ đầy đủ chế độ phụ cấp, phúc lợi cho người lao động và thân nhân

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty 15/11, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản cho 16 lao động nữ và phê duyệt cho 2 lao động nam nghỉ chăm sóc vợ thai sản. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2021.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ, nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay... với mức chi đến 5 triệu đồng/người.



XÃ HỘI **GRI 403**
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện được thiết kế kang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng Tổ chức hành chính chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động cũng rất được quan tâm. Năm 2021, Công ty tiếp tục mua bảo hiểm nhân thọ hàng năm với tổng chi phí khoảng 1,1 tỷ đồng tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH) cho toàn bộ cán bộ, nhân viên của Công ty. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, Công ty tạm dừng chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, nhân viên.



XÃ HỘI **GRI 405**
Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 54,5%, tăng thêm 1,5% so với năm 2020. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...




XÃ HỘI **GRI 404**
Giáo dục và đào tạo

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên của Công ty được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên được chăm lo và bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, việc giáo dục, đào tạo tại Công ty được định hướng theo hướng thiết thực và để phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự cho Công ty.

Trong năm 2021, Công ty cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện của UBCKNN, các Sở Giao dịch Chứng khoán về công bố thông tin, lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán khác. Các đợt đào tạo nội bộ vẫn được duy trì thường xuyên giúp nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng giao tiếp, phục vụ khách hàng của đội ngũ cán bộ, nhân viên.




XÃ HỘI **GRI 407**
Tự do lập hội và Thương lượng tập thể



Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid-19 trong năm 2021 như hội yoga, hội cờ, hội chạy, hội tennis, hội golf...

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.



Là thành viên tiêu biểu, có trách nhiệm của Cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội

Năm 2021, SHS tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia tất cả các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, Bộ Tài chính, SGDCK, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu trong đó có các văn bản quan trọng như: Thông tư về tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, Thông tư hướng dẫn lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, Thông tư quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán (Thông tư 127/2018/TT-BTC và 128/2018/TT-BTC), Thông tư hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm, Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán thay thế Quyết định số 87/QĐ-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán.
- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDCK, TTLKCKVN, VCCI, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT....) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu... góp phần xây dựng TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, SGDCK Hà Nội, SGDCK Tp.HCM, TTLKCKVN, UBGSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

Chính vì những đóng góp tích cực của mình, trong năm 2021, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của UBND Thành phố Hà Nội, UBND TP Hà Nội, Sở Công thương Thành phố Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội Phát triển văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam, Vietnam Report, Báo đầu tư,... (Vui lòng xem tại mục Giải thưởng đạt được)

Đóng góp tích cực vào Thị trường vốn xanh

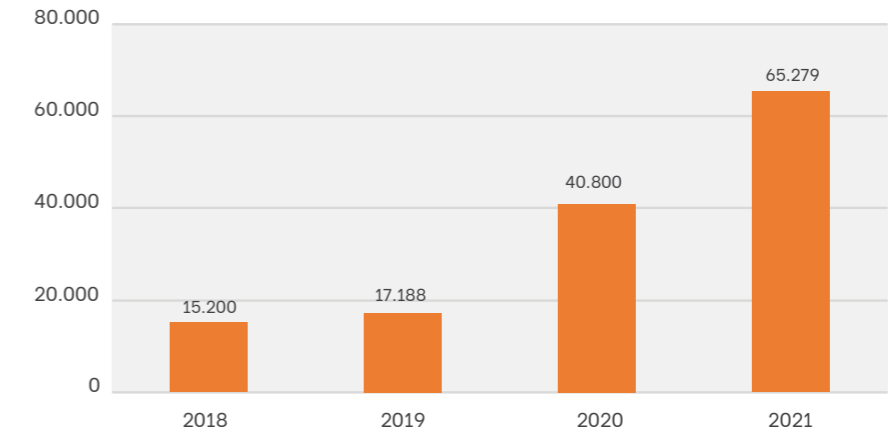
Công ty tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có cũng như các nguồn lực huy động từ bên ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành....

Hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính

SHS đã cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho các Nhà đầu tư vào cổ phiếu xanh niêm yết và chưa niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho chính các Doanh nghiệp xanh nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, quản trị của các Doanh nghiệp xanh. Hoạt động này đã giúp hỗ trợ giao dịch, cải thiện tính thanh khoản của các cổ phiếu xanh, giúp Nhà đầu tư biết nhiều hơn đến các cổ phiếu xanh. SHS cũng là đơn vị nhận ủy thác đấu giá cổ phần và đại lý đấu giá cổ phần của rất nhiều cổ phiếu xanh thông qua Sở giao dịch chứng khoán và thông qua công ty chứng khoán. Hoạt động của SHS đã góp phần làm cho quá trình huy động vốn, thoái vốn, bán bớt phần vốn, cổ phần hóa của các Doanh nghiệp xanh được hiệu quả hơn.

Hoạt động đầu tư

Giá trị đầu tư trái phiếu Chính phủ/trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh



Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư khoảng 65.279 tỷ đồng vào trái phiếu Chính phủ đầu thầu; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành; trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh... chiếm 66% tổng vốn đầu tư năm 2021 của SHS nhằm gián tiếp tài trợ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh của Chính phủ và doanh nghiệp. Đối chiếu với kết quả đầu tư của SHS trong các năm trước cho thấy mức độ đầu tư vào trái phiếu xanh của SHS trong năm 2021 đã có sự tăng trưởng vượt trội (cụ thể tăng 60% so với năm 2020 và 280% so với năm 2019).

Công ty cũng đã dành hàng trăm tỷ đồng đầu tư vào các cổ phiếu xanh (các cổ phiếu của các công ty niêm yết có nền tảng cơ bản, có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực xanh, sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao sức khỏe con người, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường như: VCB, BID, TCB ...

Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Trong năm 2021, Công ty đã cung cấp rất nhiều các khuyến nghị đầu tư thông qua các bản tin phân tích và các báo cáo tư vấn đầu tư. Trong đó, Công ty thường xuyên khuyến nghị Nhà đầu tư ưu tiên đầu tư vào các mã chứng khoán xanh do nhận thấy tính bền vững và hiệu quả đầu tư vào các mã chứng khoán này. SHS sẵn sàng chia sẻ thông tin và cơ hội đầu tư vào chứng khoán xanh với Khách hàng. Một số khuyến nghị đầu tư vào chứng khoán xanh của SHS trong năm 2021 như REE, TV2, TDM ...

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và xã hội

Năm 2021, SHS đã đóng góp tích cực vào các chương trình và quỹ hỗ trợ cho trẻ em, người nghèo, các gia đình thương binh, liệt sĩ và bác sỹ, bệnh nhân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, nhằm tạo ra môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng. Tổng mức tài trợ và ủng hộ cho cộng đồng trong năm 2021 là 7,0 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chương trình SHS đã tài trợ, ủng hộ trong năm 2021:

STT	Chương trình	Đơn vị tổ chức	Số tiền	Thời gian thực hiện
1	Ủng hộ Quỹ mua vaccine phòng dịch Covid-19 bằng ngân sách công ty	UBMTTQ Việt Nam Thành phố Hà nội	3.000.000.000	Tháng 06/2021
2	Ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo Việt Nam"	UBMTTQ Việt Nam Thành phố Hà Nội	144.205.555	Tháng 04/2021
3	Ủng hộ Trung tâm phòng chống bệnh tật TP Hồ Chí Minh, phòng chống dịch Covid-19	Tập thể CBNV Công ty	193.016.000	Tháng 07/2021
4	Mua máy thở Bệnh viện Thống Nhất	UBCKNN	500.000.000	Tháng 08/2021
5	Dự án Bảo tàng Tổng cục II	HĐQT	2.930.713.000	Tháng 02/2021
6	Ủng hộ và tài trợ chương trình "Mùa xuân cho em"	Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam	220.000.000	Tháng 12/2021
Tổng số			6.987.934.555	



Là công ty chứng khoán quản lý số dư tiền 2.385,0 tỷ đồng và số dư chứng khoán trị giá 43.596,4 tỷ đồng cho 58.485 khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng Công nghệ thông tin. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.

Kế hoạch phát triển bền vững năm 2022

Đối chiếu với kế hoạch phát triển bền vững năm 2021 đã đưa ra có thể nhận thấy Công ty đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu phát triển bền vững của năm 2021, trừ mục tiêu duy trì vị trí Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động phát triển bền vững năm 2021 và đối chiếu với mục tiêu, phương hướng hành động năm 2022, SHS đề ra kế hoạch phát triển bền vững năm 2022 như sau:

Tiêu chí	Mục tiêu
Tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã được ĐHCĐ thông qua. Duy trì vị trí Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam. Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác.
Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	<p>Với Người lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo mức thu nhập, phúc lợi ổn định và tăng trưởng. Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến. <p>Với cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cổ tức và quyền lợi hợp pháp khác của cổ đông. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch. <p>Với khách hàng, nhà cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ với giá phí cạnh tranh. Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích. <p>Với cơ quan quản lý, hiệp hội và truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCKVN và các Hiệp hội. Hợp tác đầy đủ, kịp thời trong công tác báo cáo, công bố thông tin và truyền thông.
Tăng cường trách nhiệm với môi trường, xã hội	<p>Với môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiết kiệm nước và năng lượng. Tích cực bảo vệ môi trường với nhiều hình thức khác nhau. <p>Với xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng cường công tác thiện nguyện, làm tốt các chương trình an sinh xã hội.

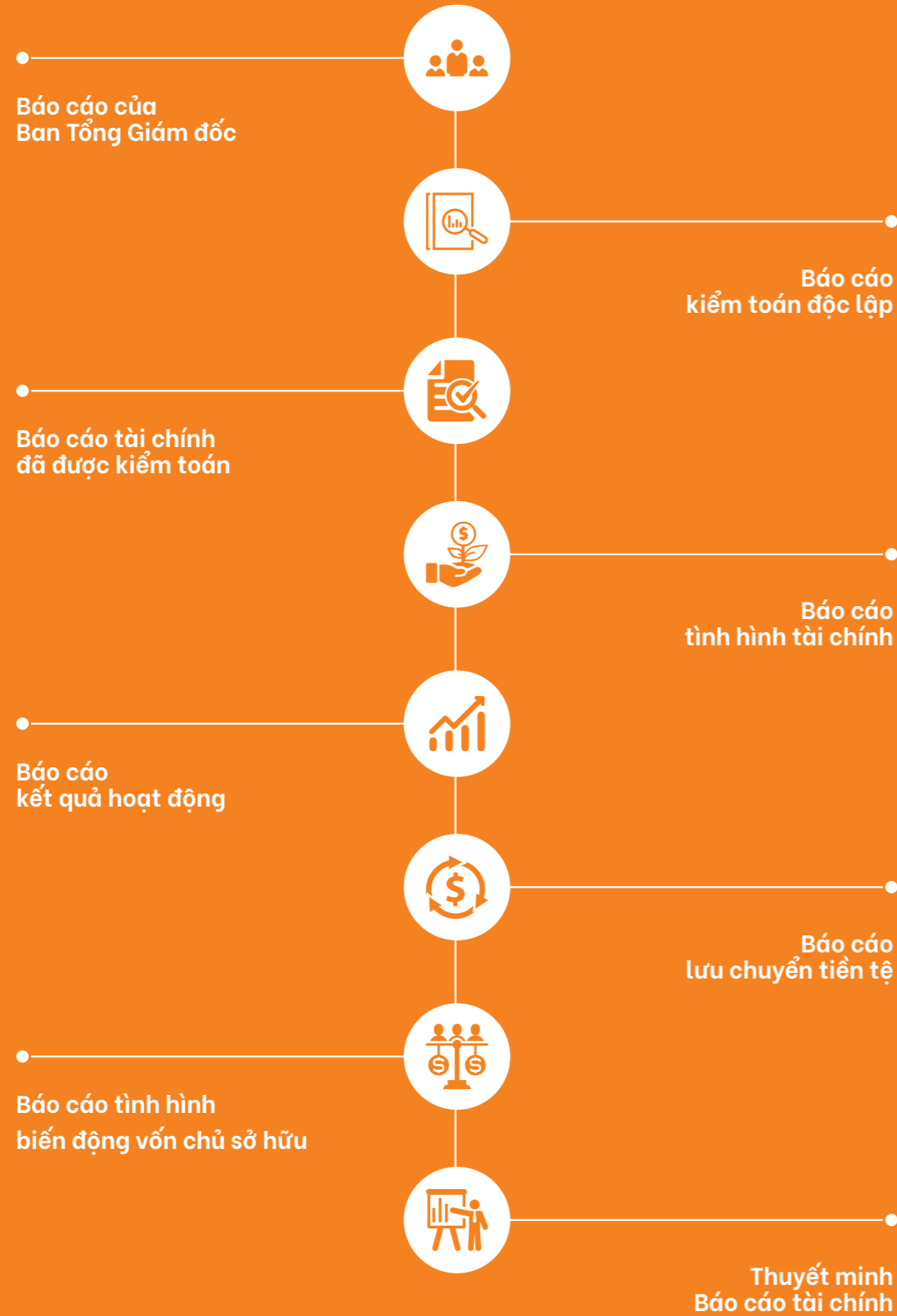


06

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2021

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 - BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
- 

Báo cáo tài chính



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

► Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK -GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 96/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

► Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch
Ông	Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông	Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông	Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc - Tiếp tục bổ nhiệm từ 01/08/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên

► Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

► Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

► Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

► Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

► Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

► Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.839.040.649.736	6.857.673.176.841
110	I. Tài sản tài chính		10.834.566.867.422	6.854.795.267.225
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	652.033.715.127	653.074.220.193
111.1	1.1 Tiền		652.033.715.127	653.074.220.193
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	2.700.773.774.103	2.204.736.610.306
114	3. Các khoản cho vay	5	5.817.012.626.522	2.171.684.164.501
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	702.541.229.300	461.007.802.000
117	5. Các khoản phải thu	6	38.853.352.485	33.134.169.793
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		38.853.352.485	33.134.169.793
117.3	5.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		38.853.352.485	33.134.169.793
118	6. Trả trước cho người bán	7	3.671.818.770	1.866.245.590
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.222.721.168.220	1.702.764.467.372
122	8. Các khoản phải thu khác	6	161.352.205.033	92.583.752.886
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(464.393.022.138)	(466.056.165.416)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		4.473.782.314	2.877.909.616
131	1. Tạm ứng		2.748.529.899	1.703.254.001
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	266.851.450	309.592.214
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.455.650.965	862.313.401
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.842.950.288	72.069.516.866
220	II. Tài sản cố định		14.128.110.338	4.372.741.766
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	12.379.402.978	3.792.208.871
222	- Nguyên giá		35.401.233.922	25.379.572.966
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.021.830.944)	(21.587.364.095)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.748.707.360	580.532.895
228	- Nguyên giá		24.657.980.987	23.184.664.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.909.273.627)	(22.604.132.092)
250	V. Tài sản dài hạn khác		57.714.839.950	67.696.775.100
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	1.435.890.343	1.436.890.343
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	36.278.949.607	46.259.884.757
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	20.000.000.000	20.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.910.883.600.024	6.929.742.693.707

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.855.303.932.291	3.703.427.874.103
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		4.204.719.054.422	2.943.000.520.354
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	2.748.000.000.000	794.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		2.748.000.000.000	794.000.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	19	600.000.000.000	450.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	9.791.264.000	-
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		-	10.378.267
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.925.200.000	1.635.950.611
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	158.417.859.040	45.720.650.347
323	7. Phải trả người lao động		58.060.881.353	32.362.067.343
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		733.447.977	428.565.961
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	95.790.643.323	64.450.609.647
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20	452.596.761.401	1.495.276.630.132
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	29.739.559.838	15.812.574.720
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.663.437.490	43.303.093.326
340	II. Nợ phải trả dài hạn		650.584.877.869	760.427.353.749
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	19	500.000.000.000	650.000.000.000
352	2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20	25.000.000	25.000.000
356	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	41.2	150.559.877.869	110.402.353.749
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.055.579.667.733	3.226.314.819.604
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	6.055.579.667.733	3.226.314.819.604
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.742.322.836.300	2.295.262.472.800
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.252.650.270.000	2.072.682.010.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.252.650.270.000	2.072.682.010.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		489.672.566.300	222.580.462.800
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		293.029.794.376	43.388.969.600
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	63.561.856.552
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		77.136.777.489	63.561.856.552
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.865.953.482.079	760.539.664.100
417.1	5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.263.713.970.604	318.930.249.102
417.2	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		602.239.511.475	441.609.414.998
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.910.883.600.024	6.929.742.693.707

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		325.265.027	207.268.201
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	944.959.880.000	941.156.880.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	26	32.037.470.000	1.501.710.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	27	-	16.570.100.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	28	143.201.130.000	179.201.130.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	29	41.578.629.440.000	32.085.071.250.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		35.808.331.870.000	25.820.844.780.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		2.156.424.300.000	3.369.389.590.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		3.064.116.280.000	2.322.266.100.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		44.946.540.000	66.755.200.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		504.810.450.000	505.815.580.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30	2.017.813.130.000	511.438.690.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		971.686.500.000	219.143.010.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		1.030.830.950.000	277.000.000.000
022.3	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		15.295.680.000	15.295.680.000
023	4. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	31	499.119.960.000	500.707.280.000

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	5. Tiền gửi của khách hàng	32	2.384.987.371.174	2.859.812.190.075
027	5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		787.074.410.882	511.475.622.919
028	5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.597.617.003.500	800.254.229.600
030	5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		295.956.792	1.548.082.337.556
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33	2.384.691.414.382	1.311.729.852.519
031.1	7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.384.062.038.382	1.302.837.980.794
031.2	7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		629.376.000	8.891.871.725
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	34	295.956.792	1.548.082.337.556

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.484.260.981.477	986.114.407.450
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	36.a)	1.252.757.842.307	323.403.346.578
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	36.b)	179.816.966.577	553.290.190.657
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	36.c)	51.686.172.593	109.420.870.215
03	1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	36.c)	688.752.608.357	464.042.037.678
06	1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		553.924.680.674	172.457.118.516
07	1.4. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		113.350.045.455	84.232.318.184
08	1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		18.631.198.852	10.739.433.258
09	1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		23.968.522.220	20.364.809.158
10	1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		11.997.070.845	66.358.150.910
11	1.8. Thu nhập hoạt động khác	36.d)	432.540.522	716.081.934
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.895.317.648.402	1.805.024.357.088
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		91.564.916.885	143.314.555.235
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	36.a)	111.298.553.127	181.831.482.382
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	36.b)	(20.970.654.019)	(39.925.684.368)
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.237.017.777	1.408.757.221
24	2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		346.859.867.321	241.503.118.904
26	2.3. Chi phí hoạt động tự doanh		17.019.229.906	8.891.911.035
27	2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		362.586.535.811	130.364.422.865
28	2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		9.450.657.869	4.382.307.344
29	2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		14.282.770.989	4.949.152.206
30	2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.355.731.111	10.092.230.420
31	2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		13.141.337.584	8.091.845.275
32	2.9. Chi phí các dịch vụ khác	37	(32.359.689.663)	38.649.065.268
40	Cộng chi phí hoạt động		832.901.357.813	590.238.608.552

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	38		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.882.855.188	3.282.085.321
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.882.855.188	3.282.085.321
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	39		
52	4.1 Chi phí lãi vay		149.064.549.192	194.561.422.445
55	4.2 Chi phí tài chính khác		20.000.000	2.644.931.507
60	Cộng chi phí tài chính		149.084.549.192	197.206.353.952
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	40	164.929.154.783	82.193.699.222
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.752.285.441.802	938.667.780.683
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		633.638.451	226.864.206
72	8.2 Chi phí khác		1.100.091	61.495
80	Cộng kết quả hoạt động khác		632.538.360	226.802.711
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.752.917.980.162	938.894.583.394
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.552.130.359.566	345.678.708.369
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		200.787.620.596	593.215.875.025
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	41	356.632.479.107	184.582.643.371
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	41.1	316.474.954.988	80.459.842.013
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	41.2	40.157.524.119	104.122.801.358
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.396.285.501.055	754.311.940.023
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		249.640.824.776	43.388.969.600
400	Tổng thu nhập toàn diện		249.640.824.776	43.388.969.600
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	43	5.795	3.475



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm 2021 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.752.917.980.162	938.894.583.394
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		145.935.350.129	216.687.907.577
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.554.072.130	1.413.122.300
04	- Các khoản dự phòng		(1.663.143.278)	23.995.448.153
06	- Chi phí lãi vay		149.064.549.192	194.561.422.445
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.020.127.915)	(3.282.085.321)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(20.970.654.019)	(39.925.684.368)
11	- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(20.970.654.019)	(39.925.684.368)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(179.816.966.577)	(553.290.190.657)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(179.816.966.577)	(319.204.129.606)
20	- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		-	(234.086.061.051)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.842.885.362.864)	(661.406.670.623)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(295.249.543.201)	(341.417.236.915)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(3.645.328.462.021)	(523.844.740.874)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		8.107.397.476	(117.618.832.400)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(5.719.182.692)	14.534.813.607
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		480.332.548.541	356.290.583.834
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(68.768.452.147)	(47.562.221.041)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(1.001.535.134)	4.115.641.169
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		36.830.075.646	(24.360.566.601)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		9.387.597.586	11.487.339.171
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(239.038.559.074)	(72.298.940.330)
44	- Lãi vay đã trả		(154.554.591.162)	(184.125.114.453)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(1.815.951.447)	318.556.619

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		304.882.016	49.286.664
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		35.260.812.779	13.120.884.827
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		25.698.814.010	20.737.133.457
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(1.018.691.558.203)	234.645.675.683
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.639.655.837)	(5.478.933.040)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.144.819.653.169)	(99.040.054.677)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(12.309.440.702)	(1.359.805.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		137.272.727	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.882.855.188	3.282.085.321
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.289.312.787)	1.922.280.321
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.447.060.363.500	-
73	2. Tiền vay gốc		16.511.999.982.002	23.207.842.685.626
73.2	2.1 Tiền vay khác		16.511.999.982.002	23.207.842.685.626
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.557.999.982.002)	(23.251.842.685.626)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(14.557.999.982.002)	(23.251.842.685.626)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(248.991.902.610)	(258.227.273.370)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.152.068.460.890	(302.227.273.370)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(1.040.505.066)	(399.345.047.726)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		653.074.220.193	1.052.419.267.919
101.1	- Tiền		653.074.220.193	1.052.419.267.919
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	652.033.715.127	653.074.220.193
103.1	- Tiền		652.033.715.127	653.074.220.193

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		203.146.836.603.141	65.888.267.801.895
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(209.521.375.545.275)	(68.328.162.781.340)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		7.456.981.432.393	3.125.930.937.062
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(9.480.928.396)	(9.971.988.161)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		14.058.460.714.982	9.970.732.975.159
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(15.606.247.095.746)	(8.427.260.139.914)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(474.824.818.901)	2.219.536.804.701
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2.859.812.190.075	640.275.385.374
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.859.812.190.075	640.275.385.374
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		511.475.622.919	440.076.755.463
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		800.254.229.600	195.589.127.600
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.548.082.337.556	4.609.502.311
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	32	2.384.987.371.174	2.859.812.190.075
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.384.987.371.174	2.859.812.190.075
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		787.074.410.882	511.475.622.919
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.597.617.003.500	800.254.229.600
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		295.956.792	1.548.082.337.556

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm				Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.295.262.472.800	2.295.262.472.800	-	-	1.550.687.613.500	103.627.250.000	2.295.262.472.800	3.742.322.836.300
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.072.682.010.000	2.072.682.010.000	-	-	1.179.968.260.000	-	2.072.682.010.000	3.252.650.270.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		222.580.462.800	222.580.462.800	-	-	370.719.353.500	103.627.250.000	222.580.462.800	489.672.566.300
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		48.863.340.849	63.561.856.552	14.698.515.703	-	13.574.920.937	-	63.561.856.552	77.136.777.489
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		48.863.340.849	63.561.856.552	14.698.515.703	-	13.574.920.937	-	63.561.856.552	77.136.777.489
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	43.388.969.600	43.388.969.600	-	352.982.012.703	103.341.187.927	43.388.969.600	293.029.794.376
5. Lợi nhuận chưa phân phối		299.346.596.684	760.539.664.100	754.311.940.023	293.118.872.607	1.396.285.501.055	290.871.683.076	760.539.664.100	1.865.953.482.079
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		340.550.702.961	318.930.249.102	271.498.418.748	293.118.872.607	1.235.655.404.578	290.871.683.076	318.930.249.102	1.263.713.970.604
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(41.204.106.277)	441.609.414.998	482.813.521.275	-	160.630.096.477	-	441.609.414.998	602.239.511.475
TỔNG CỘNG		2.692.335.751.182	3.226.314.819.604	827.097.941.029	293.118.872.607	3.327.104.969.132	497.840.121.003	3.226.314.819.604	6.055.579.667.733
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	43.388.969.600	43.388.969.600	-	352.982.012.703	103.341.187.927	43.388.969.600	293.029.794.376
TỔNG CỘNG		-	43.388.969.600	43.388.969.600	-	352.982.012.703	103.341.187.927	43.388.969.600	293.029.794.376

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thuyết minh báo cáo tài chính

Năm 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 96/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.252.650.270.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.252.650.270.000 đồng; tương đương 325.265.027 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 242 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 213 người).

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng mạnh cả về giá trị cũng như số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường. Do đó doanh thu các hoạt động tự doanh chứng khoán, cho vay ký quỹ, môi giới chứng khoán, ... của Công ty tăng trưởng mạnh, dẫn tới lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/

QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

► Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

► Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

► Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

► Các khoản cho vay

là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

► **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):**

là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

► **Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối năm tài chính được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.5. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.6. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 05 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.
- Lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.9. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán ... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định ...

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.16. Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

2.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	674.178.936	55.577.391.960.823
- Cổ phiếu	283.601.762	10.016.607.726.200
- Trái phiếu	390.577.174	45.560.784.234.623
Của nhà đầu tư	14.342.031.789	414.158.608.463.359
- Cổ phiếu	13.917.312.227	354.132.269.245.070
- Trái phiếu	413.528.462	59.995.332.671.289
- Chứng khoán khác	11.191.100	31.006.547.000
	15.016.210.725	469.736.000.424.182

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	49.609.061	104.069.222
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	651.568.405.302	652.448.389.780
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	415.700.764	521.761.191
	652.033.715.127	653.074.220.193

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	1.710.718.999.785	2.228.823.385.350	1.310.685.994.021	1.628.002.782.990
Cổ phiếu chưa niêm yết	202.400.046.748	183.134.228.316	286.399.669.748	267.133.827.316
Trái phiếu niêm yết	34.319.374.487	34.319.374.487	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	254.496.785.950	254.496.785.950	309.600.000.000	309.600.000.000
	2.201.935.206.970	2.700.773.774.103	1.906.685.663.769	2.204.736.610.306

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	175.425.373.873	702.541.229.300	183.532.771.349	461.007.802.000
	175.425.373.873	702.541.229.300	183.532.771.349	461.007.802.000

c) Các khoản cho vay

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
	Hoạt động margin	4.862.983.913.394	1.778.870.609.208	
Hoạt động ứng trước tiền bán	954.028.713.128	392.813.555.293		
	5.817.012.626.522	2.171.684.164.501		

d) Tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	4.155.342.462
Phải thu lãi hoạt động Margin	38.853.352.485	28.978.827.331
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.222.721.168.220	1.702.764.467.372
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	435.066.742.834	427.767.228.594
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	58.805.149.410	58.035.032.434
- Phải thu về ứng trước để chi trả hệ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	22.962.359.129	21.696.400.000
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	695.886.916.847	1.185.265.806.344
Phải thu khác	161.352.205.033	92.583.752.886
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Tiền đặt cọc đấu giá tự doanh	99.785.300.000	47.200.000.000
- Phải thu khác	16.560.324.736	377.172.589
	1.422.926.725.738	1.828.482.390.051

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 21/12/2020, Công ty có công văn số 1362/2020/CV-SHS đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thông tin về việc đề nghị giám đốc thẩm. Ngày 25/12/2020, Tòa án nhân dân tối cao có thông báo số 1252/TB-TANDTC-VP phúc đáp công văn số 1362/2020/CV-SHS, theo đó, Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý vụ án và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
	Công ty TNHH MTV phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc	-	1.252.000.000	
Công ty TNHH Đức Uniform	1.586.117.500	-		
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	924.000.000	-		
Các khoản ứng trước khác	1.161.701.270	614.245.590		
	3.671.818.770	1.866.245.590		

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Bảng biểu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vật tư văn phòng	130.806.450	185.702.214
Công cụ, dụng cụ	136.045.000	123.890.000
	266.851.450	309.592.214

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	129.525.000	129.525.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	10.120.000	27.084.464
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên phân bổ	799.170.548	484.166.666
Chi phí dịch vụ hỗ trợ phần mềm	-	141.398.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	516.835.417	80.138.900
	1.455.650.965	862.313.401

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	33.785.810.252	44.181.444.176
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	846.856.217	643.028.554
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	460.253.219	455.233.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	40.941.808	90.096.334
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	285.380.019	448.957.710
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	153.949.100	216.208.222
Chi phí trả trước dài hạn khác	705.758.992	224.916.542
	36.278.949.607	46.259.884.757

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.431.490.343	1.431.490.343
Đặt cọc khác	4.400.000	5.400.000
	1.435.890.343	1.436.890.343

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	18.592.591.074	6.386.267.182	400.714.710	25.379.572.966
Mua trong năm	9.949.474.702	886.650.000	-	10.836.124.702
Thanh lý, nhượng bán	(122.396.564)	(692.067.182)	-	(814.463.746)
Tại ngày 31/12/2021	28.419.669.212	6.580.850.000	400.714.710	35.401.233.922
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	17.907.578.887	3.417.085.035	262.700.173	21.587.364.095
Khấu hao trong năm	1.238.020.852	953.800.267	57.109.476	2.248.930.595
Thanh lý, nhượng bán	(122.396.564)	(692.067.182)	-	(814.463.746)
Tại ngày 31/12/2021	19.023.203.175	3.678.818.120	319.809.649	23.021.830.944
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	685.012.187	2.969.182.147	138.014.537	3.792.208.871
Tại ngày 31/12/2021	9.396.466.037	2.902.031.880	80.905.061	12.379.402.978

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.077.401.138 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là: 24.657.980.987 VND và 22.909.273.627 VND. Khấu hao trong năm là 305.141.535 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

15. VAY VÀ NỢ

	01/01/2021	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	794.000.000.000	15.661.999.982.002	(13.707.999.982.002)	2.748.000.000.000
Vay ngân hàng	794.000.000.000	15.661.999.982.002	(13.707.999.982.002)	2.748.000.000.000
	794.000.000.000	15.661.999.982.002	(13.707.999.982.002)	2.748.000.000.000

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.848.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina	200.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	150.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	-	294.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	450.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000
	2.748.000.000.000	794.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo kế ước có thời hạn từ 21 ngày đến 5 tháng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay từ 4,64%/năm đến 8,6%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	9.791.264.000	-
	9.791.264.000	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	899.665.181	5.243.187.804
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	105.896.237.927	28.459.842.013
Thuế Thu nhập cá nhân	51.621.955.932	12.017.620.530
	158.417.859.040	45.720.650.347

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	19.441.811.013	18.564.455.722
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	37.061.732.939	11.963.333.694
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	17.671.506.849	24.038.904.110
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	13.143.656.973	4.113.221.009
Chi phí phải trả khác	8.471.935.549	5.770.695.112
	95.790.643.323	64.450.609.647

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

20. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

a) Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	452.580.597.401	1.495.276.630.132
Các khoản khác	16.164.000	-
	452.596.761.401	1.495.276.630.132

b) Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	25.000.000	25.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế.

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	697.318.134	967.379.544
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	17.662.871.802	6.055.729.068
Phải trả trái phiếu bán lẻ	4.271.720.087	2.585.341.134
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.107.649.815	6.204.124.974
	29.739.559.838	15.812.574.720

24. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,60%	182.022.940.000	5,67%	117.434.160.000
Ông Nguyễn Duy Kiên	5,78%	188.120.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	88,62%	2.882.507.330.000	94,33%	1.955.247.850.000
	100%	3.252.650.270.000	100%	2.072.682.010.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.263.713.970.604	318.930.249.102
Lợi nhuận chưa thực hiện	602.239.511.475	441.609.414.998
	1.865.953.482.079	760.539.664.100

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	318.930.249.102	340.550.702.961
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	602.239.511.475	441.609.414.998
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	1.235.655.404.578	271.498.418.748
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	1.554.585.653.680	612.049.121.709
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(42.149.841.874)	(44.397.031.406)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(13.574.920.937)	(14.698.515.703)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(13.574.920.937)	(14.698.515.703)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(248.721.841.200)	(248.721.841.200)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	1.263.713.970.604	318.930.249.102

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ dự trữ điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2020)	13.574.920.937
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (5% lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2020)	13.574.920.937
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.000.000.000
Chia cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 12%/vốn điều lệ	248.721.841.200

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2021, thông tin về kết quả tăng vốn như sau:

- Kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 10.362.725 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng thêm là 103.627.250.000 đồng;
 - Tỷ lệ phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 5% tương ứng với 10.363.410 cổ phiếu;
 - Hình thức phát hành, đối tượng được phân phối thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ đã phê duyệt;
 - Ngày kết thúc đợt phát hành: Ngày 24/08/2021.
- Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 4.000.000 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng thêm là 40.000.000.000 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số lượng dự kiến phát hành là 4.000.000 cổ phiếu, giá phát hành 12.000 VND/cổ phiếu;
 - Hình thức phát hành, đối tượng được phân phối thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ đã phê duyệt;
 - Ngày kết thúc đợt phát hành: Ngày 14/10/2021.
- Kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 103.634.101 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng thêm là 1.036.341.010.000 đồng;
 - Tỷ lệ phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với số lượng dự kiến chào bán là 103.634.101 cổ phiếu, giá chào bán là 13.500 VND/cổ phiếu;
 - Hình thức phát hành, tỷ lệ phát hành, đối tượng được phân phối thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ đã phê duyệt.
 - Ngày kết thúc đợt phát hành: Ngày 14/10/2021.

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	495.222.380.000	588.236.780.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	446.937.500.000	331.137.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.800.000.000	21.782.600.000
	944.959.880.000	941.156.880.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	32.037.470.000	1.501.710.000
	32.037.470.000	1.501.710.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	-	16.570.100.000
	-	16.570.100.000

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	143.201.130.000	179.201.130.000
	143.201.130.000	179.201.130.000

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	35.808.331.870.000	25.820.844.780.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.156.424.300.000	3.369.389.590.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.064.116.280.000	2.322.266.100.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	44.946.540.000	66.755.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	504.810.450.000	505.815.580.000
	41.578.629.440.000	32.085.071.250.000

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	971.686.500.000	219.143.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.030.830.950.000	277.000.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	15.295.680.000	15.295.680.000
	2.017.813.130.000	511.438.690.000

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	499.119.960.000	500.707.280.000
	499.119.960.000	500.707.280.000

32. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	787.074.410.882	511.475.622.919
1. Nhà đầu tư trong nước	786.445.034.882	502.583.751.194
2. Nhà đầu tư nước ngoài	629.376.000	8.891.871.725
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.597.617.003.500	800.254.229.600
Tiền gửi của tổ chức phát hành	295.956.792	1.548.082.337.556
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	295.956.792	1.548.082.337.556
	2.384.987.371.174	2.859.812.190.075

33. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	787.074.410.882	511.475.622.919
1. Nhà đầu tư trong nước	786.445.034.882	502.583.751.194
2. Nhà đầu tư nước ngoài	629.376.000	8.891.871.725
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.597.617.003.500	800.254.229.600
Tiền gửi của tổ chức phát hành	295.956.792	1.548.082.337.556
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	295.956.792	1.548.082.337.556
	2.384.987.371.174	2.859.812.190.075

34. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	295.956.792	1.548.082.337.556
	295.956.792	1.548.082.337.556

35. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	4.901.837.265.879	1.807.849.436.539
1.1 Phải trả gốc margin	4.862.983.913.394	1.778.870.609.208
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	4.862.983.913.394	1.778.870.609.208
1.2 Phải trả lãi margin	38.853.352.485	28.978.827.331
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	38.853.352.485	28.978.827.331
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	954.028.713.128	392.813.555.293
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	954.028.713.128	392.813.555.293
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	954.028.713.128	392.813.555.293
	5.855.865.979.007	2.200.662.991.832

36. THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	51.686.172.593	109.420.870.215
Từ các khoản cho vay	688.752.608.357	464.042.037.678
	740.438.780.950	573.462.907.893

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	432.540.522	716.081.934
Trong đó:		
- Doanh thu khác	432.540.522	716.081.934
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	432.540.522	716.081.934

37. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	(32.359.689.663)	38.649.065.268
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	14.310.033.912	14.545.354.483
- Chi phí từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	66.909
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(46.669.723.575)	23.995.448.153
- Chi phí khác	-	108.195.723
	(32.359.689.663)	38.649.065.268

38. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu lãi liền gửi không kỳ hạn	3.882.855.188	3.282.085.321
	3.882.855.188	3.282.085.321

39. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	149.064.549.192	194.561.422.445
Chi phí đầu tư khác	20.000.000	2.644.931.507
	149.084.549.192	197.206.353.952

40. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	73.883.976.930	49.280.927.421
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.487.688.398	923.264.329
Chi phí vật tư văn phòng	414.073.092	439.751.347
Chi phí công cụ, dụng cụ	172.647.274	404.965.750
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.325.748.624	1.292.108.603
Chi phí thuế, phí và lệ phí	114.243.286	117.305.152
Chi phí dự phòng	45.006.580.297	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.884.172.570	8.743.996.758
Chi phí khác	33.640.024.312	20.991.379.862
	164.929.154.783	82.193.699.222

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

41.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.752.917.980.162	938.894.583.394
Các khoản điều chỉnh tăng	45.465.563.554	283.294.609
- Chi phí không hợp lệ	45.465.563.554	283.294.609
Các khoản điều chỉnh giảm	(216.008.768.775)	(536.878.667.942)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.221.148.179)	(16.264.661.147)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(200.787.620.596)	(520.614.006.795)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.582.374.774.941	402.299.210.061
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	316.474.954.988	80.459.842.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	28.459.842.013	20.298.940.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(239.038.559.074)	(72.298.940.330)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	105.896.237.927	28.459.842.013

41.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	110.402.353.749	6.279.552.391
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	40.157.524.120	104.122.801.358
	150.559.877.869	110.402.353.749

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	40.157.524.119	104.122.801.358
	40.157.524.119	104.122.801.358

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.396.285.501.055	754.311.940.023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.396.285.501.055	754.311.940.023
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	240.927.074	217.064.619
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.795	3.475

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu. Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	652.033.715.127	-	653.074.220.193	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.700.773.774.103	-	2.204.736.610.306	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	702.541.229.300	-	461.007.802.000	-
Các khoản cho vay	5.817.012.626.522	(18.091.800.300)	2.171.684.164.501	(44.161.370.559)
Các khoản phải thu	1.422.926.725.738	(446.301.221.838)	1.828.482.390.051	(421.894.794.857)
	11.295.288.070.790	(464.393.022.138)	7.318.985.187.051	(466.056.165.416)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vay và nợ	3.848.000.000.000	1.894.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	39.530.823.838	15.822.952.987
Chi phí phải trả	95.790.643.323	64.450.609.647
	3.983.321.467.161	1.974.273.562.634

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.700.773.774.103	-	-	2.700.773.774.103
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	702.541.229.300	-	-	702.541.229.300
	3.403.315.003.403	-	-	3.403.315.003.403

Tại ngày 01/01/2021

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.204.736.610.306	-	-	2.204.736.610.306
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	461.007.802.000	-	-	461.007.802.000
	2.665.744.412.306	-	-	2.665.744.412.306

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	652.033.715.127	-	-	652.033.715.127
Các khoản cho vay	5.798.920.826.222	-	-	5.798.920.826.222
Các khoản phải thu	976.625.503.900	-	-	976.625.503.900
	7.427.580.045.249	-	-	7.427.580.045.249

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền	653.074.220.193	-	-	653.074.220.193
Các khoản cho vay	2.127.522.793.942	-	-	2.127.522.793.942
Các khoản phải thu	1.406.587.595.194	-	-	1.406.587.595.194
	4.187.184.609.329	-	-	4.187.184.609.329

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	3.348.000.000.000	500.000.000.000	-	3.848.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	39.530.823.838	-	-	39.530.823.838
Chi phí phải trả	95.790.643.323	-	-	95.790.643.323
	3.483.321.467.161	500.000.000.000	-	3.983.321.467.161

Tại ngày 01/01/2021

Vay và nợ	1.244.000.000.000	650.000.000.000	-	1.894.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	15.822.952.987	-	-	15.822.952.987
Chi phí phải trả	64.450.609.647	-	-	64.450.609.647
	1.324.273.562.634	650.000.000.000	-	1.974.273.562.634

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

45. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN

47. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Nhận tiền vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	5.762.000.000.000	2.219.000.000.000
Trả nợ vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	3.914.000.000.000	2.762.000.000.000
Chi phí lãi vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	22.027.227.899	43.331.767.124
Chi phí lãi ký quỹ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	9.634.898.000	90.130.362.479
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	25.664.090.910	-
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	245.000.000	-
Doanh thu tư vấn tài chính			
Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị đầu khí	(**)	150.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	597.218.575.844	449.194.677.760
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	175.425.373.873	183.532.771.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	145.257.484.500	145.257.484.500
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	2.170.000.000	2.170.000.000
Phải thu của khách hàng			
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	38.000.000	38.000.000
Nhận đặt cọc			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	560.000.000.000
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	1.848.000.000.000	-

(*) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

(**) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị đầu khí.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
Ông Đỗ Quang Hiển	4.477.777.778	1.511.111.111
Ông Vũ Đức Tiến	(*)	(*)
Ông Lê Đăng Khoa	755.555.556	355.555.556
Ông Mai Xuân Sơn	755.555.556	355.555.556
Bà Nguyễn Diệu Trinh	755.555.556	288.888.889
(*) Đã được trình bày tại thu nhập của Ban Tổng Giám đốc.		
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Đức Tiến	7.180.467.041	4.152.055.706
Ông Trần Sỹ Tiến	4.038.040.000	2.529.602.350
Ông Nguyễn Chí Thành	4.157.111.448	2.641.520.252
Bà Trần Thị Thu Thanh	3.814.833.848	2.086.599.500

48. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	2.201.935.206.970	1.906.685.663.769	2.700.773.774.103	2.204.736.610.306	532.174.761.129	352.357.794.552	(33.336.193.996)	(54.306.848.015)	2.700.773.774.103	2.204.736.610.306
Cổ phiếu niêm yết	1.710.718.999.785	1.310.685.994.021	2.228.823.409.350	1.628.002.782.990	530.424.261.129	350.607.294.552	(12.319.851.564)	(33.290.505.583)	2.228.823.409.350	1.628.002.782.990
TCB	403.266.343.189	187.211.506.500	579.569.500.000	241.389.540.000	176.303.156.811	54.178.033.500	-	-	579.569.500.000	241.389.540.000
GEX	284.319.898.883	82.655.071.170	444.886.608.000	87.962.805.000	160.566.709.117	5.307.733.830	-	-	444.886.608.000	87.962.805.000
SSI	189.860.761.288	45.552.203.267	215.615.946.000	49.346.605.400	25.755.184.712	3.794.402.133	-	-	215.615.946.000	49.346.605.400
PET	90.192.519.317	284.180	148.433.862.900	419.900	58.241.343.583	135.720	-	-	148.433.862.900	419.900
SIP	70.074.154.434	-	69.563.900.000	-	-	-	(510.254.434)	-	69.563.900.000	-
VOC	57.236.763.806	6.818.680.000	57.228.120.000	6.921.720.000	-	103.040.000	(8.643.806)	-	57.228.120.000	6.921.720.000
Các cổ phiếu khác	615.768.558.868	988.448.248.904	713.525.472.450	1.242.381.692.690	109.557.866.906	287.223.949.369	(11.800.953.324)	(33.290.505.583)	713.525.472.450	1.242.381.692.690
Cổ phiếu hủy niêm yết	1.506.150.610	1.506.150.610	1.504.203.640	1.504.203.640	-	-	(1.946.970)	(1.946.970)	1.504.203.640	1.504.203.640
- Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	-	-	-	-	1.503.750.000	1.503.750.000
- Các cổ phiếu khác	2.400.610	2.400.610	453.640	453.640	-	-	(1.946.970)	(1.946.970)	453.640	453.640
Cổ phiếu chưa niêm yết	200.893.896.138	284.893.519.138	181.630.000.676	265.629.623.676	1.750.500.000	1.750.500.000	(21.014.395.462)	(21.014.395.462)	181.630.000.676	265.629.623.676
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	-	-	-	-	145.257.484.500	145.257.484.500
- Công ty cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm ICA	35.682.501.638	35.682.501.638	16.787.500.000	16.787.500.000	-	-	(18.895.001.638)	(18.895.001.638)	16.787.500.000	16.787.500.000
- Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	-	84.000.000.000	-	84.000.000.000	-	-	-	-	-	84.000.000.000
- Các cổ phiếu khác	19.953.910.000	19.953.533.000	19.585.016.176	19.584.639.176	1.750.500.000	1.750.500.000	(2.119.393.824)	(2.119.393.824)	19.585.016.176	19.584.639.176
Trái phiếu niêm yết	34.319.374.487	-	34.319.374.487	-	-	-	-	-	34.319.374.487	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan mã MSN121014	30.222.000.000	-	30.222.000.000	-	-	-	-	-	30.222.000.000	-
- Trái phiếu chính phủ đấu thầu đợt 79/2021	4.097.374.487	-	4.097.374.487	-	-	-	-	-	4.097.374.487	-
Trái phiếu chưa niêm yết	254.496.785.950	309.600.000.000	254.496.785.950	309.600.000.000	-	-	-	-	254.496.785.950	309.600.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phát hành ngày 30.12.2021 (1)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-	-	-	-	100.000.000.000	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng phát hành ngày 23.09.2021 (2)	110.250.940.000	-	110.250.940.000	-	-	-	-	-	110.250.940.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05.11.19	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000
- Trái phiếu chưa niêm yết khác	44.245.845.950	9.600.000.000	44.245.845.950	9.600.000.000	-	-	-	-	44.245.845.950	9.600.000.000
AFS	175.425.373.873	183.532.771.349	702.541.229.300	461.007.802.000	527.115.855.427	277.475.030.651	-	-	702.541.229.300	461.007.802.000
Cổ phiếu niêm yết	175.425.373.873	183.532.771.349	702.541.229.300	461.007.802.000	527.115.855.427	277.475.030.651	-	-	702.541.229.300	461.007.802.000
- SHB	175.425.373.873	183.532.771.349	702.541.229.300	461.007.802.000	527.115.855.427	277.475.030.651	-	-	702.541.229.300	461.007.802.000
	2.377.360.580.843	2.090.218.435.118	3.403.315.003.403	2.665.744.412.306	1.059.290.616.556	629.832.825.203	(33.336.193.996)	(54.306.848.015)	3.403.315.003.403	2.665.744.412.306

Ghi chú:

*Một số cổ phiếu nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đang được đánh giá giá trị thị trường theo báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ

‘(1) Trái phiếu Ngân hàng Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 30/12/2021, số lượng 1.000.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng với lãi suất 7,425%/năm.

‘(2) Trái phiếu Công ty Công ty Cổ phần Sao đỏ Đà Nẵng có thời hạn 1 năm kể từ ngày phát hành ngày 23/09/2021, số lượng 110.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng với lãi suất 10,5%/năm.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Số cuối năm
	Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	-	-	820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	-	-	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	30.281.619.086	2.000	(26.069.572.259)	18.091.800.300
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	520.589.906.505	48.138.480.297	(23.732.053.316)	445.481.221.838
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	459.620.906.200	1.116.000.000	(23.732.053.316)	385.129.821.533
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	45.006.580.297	-	45.006.580.297	-
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	2.963.500.000	330.000.000	2.015.900.000	-
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	2.998.920.008
	551.691.525.591	466.056.165.416	48.138.482.297	(49.801.625.575)
				464.393.022.138

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2021	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Nợ ngắn hạn	450.000.000.000	1.407.220.000.000	(1.257.220.000.000)	600.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	300.000.000.000	-	(300.000.000.000)	-
- Tổ chức, cá nhân khác	150.000.000.000	1.407.220.000.000	(957.220.000.000)	600.000.000.000
Nợ dài hạn	650.000.000.000	500.000.000.000	(650.000.000.000)	500.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	250.000.000.000	200.000.000.000	(250.000.000.000)	200.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)	-
	1.100.000.000.000	1.907.220.000.000	(1.907.220.000.000)	1.100.000.000.000

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 300 trái phiếu) và 10.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 80.000 trái phiếu);
- Kỳ hạn: 01 năm đối với trái phiếu ngắn hạn, 02 năm đối với trái phiếu dài hạn;
- Phương thức phát hành: Phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư;
- Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;
- Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

36. THU NHẬP**a) Lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
	VND	VND	VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	5.352.742.093.428	4.465.727.023.090	978.872.380.020	91.857.309.682	62.860.442.592	-	81.509.190.837	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	196.860.000.000	162.000.000.000	34.860.000.000	-	1.000.000.000	-	19.825.000.000	-
Trái phiếu niêm yết	22.956.634.963.795	22.751.473.896.341	211.214.714.149	6.053.646.695	240.517.160.000	-	64.697.040.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	42.538.918.170.389	42.527.327.874.284	22.993.819.469	11.403.523.364	12.740.709.404	-	9.953.997.216	-
Công cụ thị trường tiền tệ	28.263.577.370.683	28.260.744.515.400	4.816.928.669	1.984.073.386	6.285.034.582	-	5.846.254.329	-
	99.308.732.598.295	98.167.273.309.115	1.252.757.842.307	111.298.553.127	323.403.346.578	323.403.346.578	181.831.482.382	181.831.482.382

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
FVTPL	2.201.935.206.970	2.700.773.774.103	532.174.761.129	(33.336.193.996)	352.357.794.552	(54.306.848.015)	179.816.966.577	(20.970.654.019)
Cổ phiếu niêm yết	1.710.718.999.785	2.228.823.409.350	530.424.261.129	(12.319.851.564)	350.607.294.552	(33.290.505.583)	179.816.966.577	(20.970.654.019)
Cổ phiếu hủy niêm yết	1.506.150.610	1.504.203.640	-	(1.946.970)	-	(1.946.970)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	200.893.896.138	181.630.000.676	1.750.500.000	(21.014.395.462)	1.750.500.000	(21.014.395.462)	-	-
Trái phiếu niêm yết	34.319.374.487	34.319.374.487	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	254.496.785.950	254.496.785.950	-	-	-	-	-	-
Loại AFS	175.425.373.873	702.541.229.300	527.115.855.427	-	277.475.030.651	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	175.425.373.873	702.541.229.300	527.115.855.427	-	277.475.030.651	-	-	-
	2.377.360.580.843	3.403.315.003.403	1.059.290.616.556	(33.336.193.996)	629.832.825.203	(54.306.848.015)	179.816.966.577	(20.970.654.019)

46. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán		Hoạt động đầu tư tự doanh		Các hoạt động khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	113.350.045.455	577.893.202.894	1.484.260.981.477	719.813.418.576	2.895.317.648.402	-	-	-	-	-
Chi phí hoạt động	9.450.657.869	372.942.266.922	108.584.146.791	341.924.286.231	832.901.357.813	-	-	-	-	-
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	3.882.855.188	-	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	314.013.703.975	-	-	-	-	-
Kết quả hoạt động	103.899.387.586	204.950.935.972	1.375.676.834.686	377.889.132.345	1.752.285.441.802	377.889.132.345	1.752.285.441.802	377.889.132.345	1.752.285.441.802	1.752.285.441.802

Chi phí mua sắm Tài sản cố định

Tài sản bộ phận trực tiếp

Tài sản không phân bổ

Tổng tài sản

Nợ phải trả không phân bổ

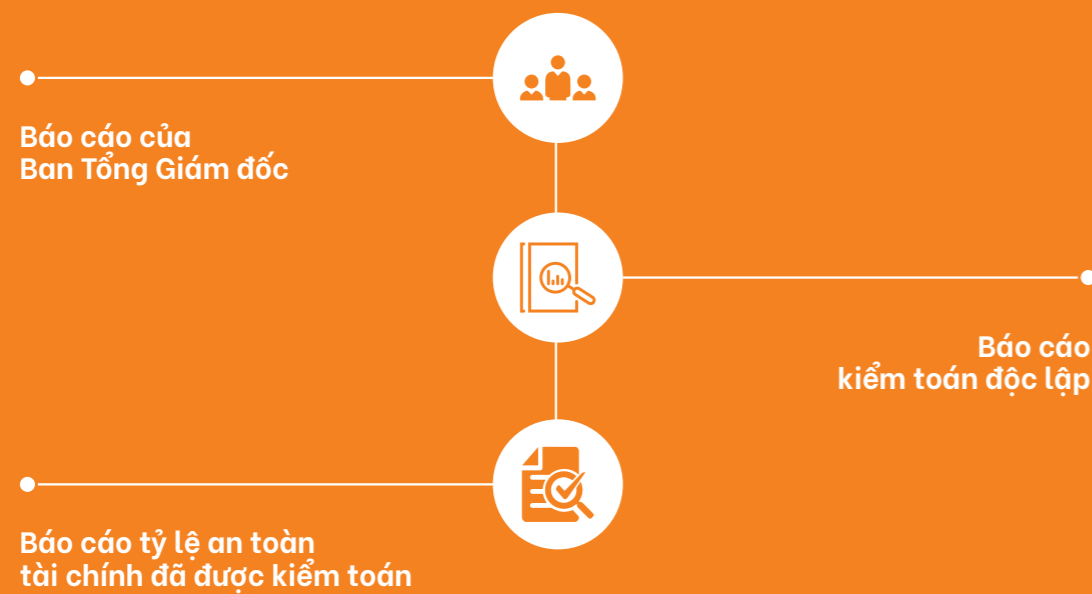
Tổng nợ phải trả**Theo khu vực địa lý**

Doanh thu hoạt động

Tài sản bộ phận

Nợ phải trả bộ phận

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

► Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 96/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

► Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch
Ông	Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông	Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông	Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc - Tiếp tục bổ nhiệm từ 01/08/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên

► Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

► Công bố trách nhiệm của ban tổng giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

► Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 15, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

► Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

► Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - "Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt" và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

► Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

► Chính sách kế toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

► Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội vào ngày 28 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4422-2019-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Trần Sỹ Tiến
Người lập

Trần Thị Vân
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	3.252.650.270.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	489.672.566.300		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	293.029.794.376		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	77.136.777.489		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	1.865.953.482.079		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	464.393.022.138		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	21.014.395.462
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng	6.540.987.085.333		
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			

6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			419.386.441.841
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			45.006.580.297
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
15	Trả trước cho người bán			3.671.818.770
II	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			266.851.450
3	Chi phí trả trước ngắn hạn			1.455.650.965
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			2.750.000
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác			-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			469.790.093.323

C	Tài sản dài hạn		
I	Tài sản tài chính dài hạn		
1	Các khoản phải thu dài hạn		-
2	Các khoản đầu tư		
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-
2.2	Đầu tư vào công ty con		-
2.3	Đầu tư dài hạn khác		-
II	Tài sản cố định		14.128.110.338
III	Bất động sản đầu tư		-
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
V	Tài sản dài hạn khác		
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.435.890.343	
2	Chi phí trả trước dài hạn	36.278.949.607	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác	-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn		
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-
1C	Tổng	71.842.950.288	
D	Tài sản ký quỹ đảm bảo		
1	Giá trị ký quỹ		
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-
1D	Tổng	-	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			5.999.354.041.722

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A		RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
			Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
			(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
Các hạng mục đầu tư					
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND)		0%	652.033.715.127	-
2	Các khoản tương đương tiền		0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi		0%	-	-
II	Trái phiếu chính phủ				122.921.235
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi		0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định				
	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương		3%	4.097.374.487	122.921.235
III	Trái phiếu tổ chức tín dụng				15.000.000.000
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		3%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		8%	-	-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		10%	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi		15%	100.000.000.000	15.000.000.000
IV	Trái phiếu doanh nghiệp				43.328.054.190
	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		10%	30.222.000.000	3.022.200.000
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi		20%	-	-

Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	79.000.000	11.850.000
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	15.317.845.950	3.063.569.190
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	110.250.940.000	27.562.735.000
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	14.649.000.000	4.394.700.000
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	8.140.000.000	2.849.000.000
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	6.060.000.000	2.424.000.000
V	Cổ phiếu			400.132.894.555
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	2.568.103.189.350	256.810.318.935
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	61.994.363.800	9.299.154.570
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	301.267.061.500	60.253.412.300
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	147.540.017.500	73.770.008.750
VI	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			1.204.483.712
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-

19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-	
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	1.505.604.640	1.204.483.712	
VIII	Chứng khoán phái sinh			55.103.001.638	
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-	
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-	
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-	
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-	
25	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-	
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-	
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%	55.103.001.638	55.103.001.638	
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-	
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành				
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				
IX	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			7.025.412.293	
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	SHB	10%	10%	702.541.229.300	7.025.412.293
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			521.916.767.623	

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B RỦI RO THANH TOÁN		Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro	
Loại hình giao dịch		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Hệ số rủi ro		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%		
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							13.896.121.176	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	13.896.121.176	13.896.121.176	
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	
Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:									
STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán							Hệ số rủi ro thanh toán	
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính Phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;							0%	
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam							0,8%	
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán							3,2%	
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty							4,8%	
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam							6,0%	
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác							8,0%	
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán							2.456.600.000	
Thời gian quá hạn						Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-	-	
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-	-	
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-	-	
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					100%	2.456.600.000	2.456.600.000	
III	Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác							690.000.000.000	
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).					100%	690.000.000.000	690.000.000.000	
IV.	Rủi ro tăng thêm (nếu có)							69.000.000.000	
TT	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác					Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội (FINTECH)					10%	100%	690.000.000.000	69.000.000.000
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III+IV)							775.352.721.176	

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	1.146.915.061.788
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	128.984.824.025
	1. Chi phí khấu hao	2.554.072.130
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.663.143.278)
	5. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ	(20.970.654.019)
	7. Chi phí lãi vay	149.064.549.192
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	1.017.930.237.763
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	254.482.559.441
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	60.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	254.482.559.441
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	1.551.752.048.240

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	521.916.767.623	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	775.352.721.176	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	254.482.559.441	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	1.551.752.048.240	
5	Vốn khả dụng	5.999.354.041.722	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	386,62%	





Trần Sỹ Tiến

Người lập

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Vân

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2022



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-24-38 181 888

Fax: 84-24-38 181 688

Website: <http://www.shs.com.vn>